

# Danh Mục Thuốc 2024

Có hiệu lực vào ngày 1 tháng 1 năm 2024



# Giới Thiệu về Danh Mục Thuốc

## DANH MỤC THUỐC

Danh Mục Thuốc Ambetter of Tennessee, hay còn gọi là Danh Sách Thuốc Theo Toa, là tài liệu hướng dẫn về các loại thuốc gốc và thuốc biệt dược hiện có đã được Cục Quản Lý Thực Phẩm và Dược Phẩm Hoa Kỳ (FDA) phê duyệt và được đài thọ thông qua quyền lợi thuốc theo toa của quý vị. Thuốc gốc có cùng thành phần hoạt chất như thuốc biệt dược và nên được coi là điều trị bước một. FDA yêu cầu thuốc gốc phải an toàn và có tác dụng giống như thuốc biệt dược. Nếu không có sẵn thuốc gốc, có thể có nhiều hơn một loại thuốc biệt dược để điều trị bệnh trạng. Thuốc biệt dược ưu tiên được liệt kê ở Bậc 2 giúp xác định các loại thuốc biệt dược là các phương án điều trị phù hợp về mặt lâm sàng, an toàn và tiết kiệm chi phí, nếu thuốc gốc trong danh mục thuốc không phù hợp với bệnh trạng của quý vị.

Xin lưu ý rằng Danh Mục Thuốc không phải là một danh sách đầy đủ các thuốc được quyền lợi thuốc theo toa của quý vị đài thọ. Không phải tất cả các dạng bào chế hoặc hàm lượng của một loại thuốc đều có thể được đài thọ. Danh sách này được đánh giá và cập nhật định kỳ và có thể thay đổi. Thuốc có thể được bổ sung hoặc xóa khỏi danh sách, hoặc yêu cầu bổ sung có thể được đưa vào để có thể phê duyệt việc tiếp tục sử dụng một loại thuốc cụ thể.

Các thiết kế chương trình quyền lợi thuốc theo toa cụ thể có thể không bao gồm một số sản phẩm hoặc danh mục nhất định, bất kể chúng xuất hiện trong tài liệu này hay không. Vui lòng kiểm tra quyền lợi của quý vị để biết các giới hạn về bảo hiểm và khoản chia sẻ chi phí cho thuốc của quý vị.

### Chú Thích Trong Danh Sách Thuốc:

Thuốc biệt dược được liệt kê bằng CHỮ IN HOA và thuốc gốc được liệt kê bằng chữ in thường.

Các loại thuốc được đài thọ theo các bậc đồng thanh toán khác nhau tùy thuộc vào quyền lợi của quý vị:

- Bậc 0** - Không có khoản đồng thanh toán cho những loại thuốc được sử dụng cho mục đích phòng ngừa và được Đạo luật Bảo Vệ Bệnh Nhân và Chăm Sóc Sức Khỏe Giá Phải Chăng quy định. Một số loại thuốc chọn lọc bao gồm thuốc tránh thai đường uống, vitamin D, axit folic cho phụ nữ trong độ tuổi sinh đẻ, aspirin không cần toa (OTC) và các sản phẩm cai thuốc lá có thể được đài thọ theo bậc này. Có thể áp dụng một số giới hạn nhất định về độ tuổi.
- Bậc 1<sub>A</sub>**- Khoản đồng thanh toán thấp nhất dành cho một số loại thuốc chọn lọc mang lại giá trị lớn nhất so với các loại thuốc khác được sử dụng để điều trị các bệnh trạng tương tự. Một số thuốc không cần toa (OTC) chọn lọc có thể được đài thọ theo bậc này.
- Bậc 1<sub>B</sub>**- Khoản đồng thanh toán thấp dành cho những loại thuốc mang lại giá trị lớn so với các loại thuốc khác được sử dụng để điều trị các bệnh trạng tương tự. Một số thuốc không cần toa (OTC) chọn lọc có thể được đài thọ theo bậc này.
- Bậc 2** - Khoản đồng thanh toán trung bình đài thọ các loại thuốc biệt dược thường có giá cả phải chăng hơn hoặc có thể được ưu tiên hơn so với các loại thuốc khác để điều trị cho cùng bệnh trạng.
- Bậc 3** - Khoản đồng thanh toán cao đài thọ các loại thuốc biệt dược và thuốc gốc không ưu tiên có chi phí cao hơn. Bậc này cũng có thể đài thọ các loại thuốc không chuyên khoa không có trong Danh Sách Thuốc Theo Toa nhưng đã được phê duyệt bảo hiểm.
- Bậc 4** - Khoản đồng thanh toán cao nhất dành cho các loại thuốc “chuyên khoa” dùng để điều trị các bệnh trạng phức tạp, mạn tính có thể cần xử lý, bảo quản hoặc quản lý lâm sàng đặc biệt. Các thuốc theo toa được đài thọ theo bậc chuyên khoa có thể được yêu cầu mua tại nhà thuốc tham gia vào các hệ thống “chuyên khoa” hoặc “bệnh máu khó đông” của Ambetter. Để biết thêm thông tin về các nhà thuốc trong các hệ thống “chuyên khoa” hoặc “bệnh máu khó đông” của chúng tôi, vui lòng tham khảo phần thông tin nhà thuốc trên trang web của Ambetter.

## Sự Ủy Quyền Trước đối với Các Loại Thuốc Không Thuộc Danh Mục Thuốc

Để có được sự ủy quyền trước đối với một loại thuốc không thuộc danh mục thuốc, nhà cung cấp của quý vị phải điền vào mẫu đơn Ủy Quyền Trước. Bộ phận Dịch Vụ sẽ phản hồi qua fax hoặc điện thoại trong vòng 24 giờ kể từ khi nhận được tất cả thông tin cần thiết để giải quyết các yêu cầu khẩn cấp và trong vòng 72 giờ đối với các yêu cầu không khẩn cấp, trừ khi luật tiểu bang yêu cầu phản hồi nhanh hơn. Nếu yêu cầu không được phê duyệt, thông báo từ chối sẽ có phần giải thích rõ ràng về các lý do cụ thể dẫn đến việc từ chối yêu cầu ủy quyền trước hoặc nếu yêu cầu không đầy đủ, phần giải thích sẽ chỉ rõ thông tin quan trọng còn thiếu cần thiết để hoàn thành yêu cầu.

### Các Từ Viết Tắt trong Danh Mục Thuốc:

Từ viết tắt	Thuật ngữ	Ý nghĩa
AL	Giới Hạn về Độ Tuổi	Một số loại thuốc chỉ được đài thọ cho một số độ tuổi nhất định.
QL	Giới Hạn Số Lượng	Một số loại thuốc chỉ được đài thọ cho một lượng nhất định.
PA	Sự Ủy Quyền Trước	Bác sĩ của quý vị phải xin Ambetter phê duyệt trước khi một số loại thuốc được đài thọ.
ST	Liệu Pháp Từng Bước	Trong một số trường hợp, quý vị trước tiên phải dùng thử một số loại thuốc nhất định trước khi Ambetter đài thọ cho một loại thuốc khác để điều trị bệnh trạng của quý vị. Ví dụ: nếu cả Thuốc A và Thuốc B đều điều trị cho bệnh trạng của quý vị, Ambetter có thể không đài thọ cho Thuốc B trừ khi quý vị dùng thử Thuốc A trước.
NF	Không thuộc danh mục thuốc	Sản phẩm này không được đài thọ trừ khi quý vị hoặc nhà cung cấp của quý vị yêu cầu một trường hợp ngoại lệ. Các loại thuốc thay thế được liệt kê bên cạnh sản phẩm không được đài thọ
RX/OTC	Thuốc Theo Toa và OTC	Những loại thuốc này được sản xuất ở cả dạng theo toa và dạng không cần toa (OTC).
SP	Thuốc Chuyên Khoa	Những sản phẩm này là Thuốc Chuyên Khoa có thể có yêu cầu đặc biệt khi mua thuốc.
SF	Chia Nhỏ Lượng Thuốc	Ban đầu, một số loại thuốc nhất định có thể chỉ được cung cấp với các lượng nhỏ đủ dùng trong 15 ngày cho đến khi tình trạng của quý vị ổn định sau khi dùng thuốc. Sau khi quý vị đã dùng thuốc được 90 ngày, hạn chế này có thể không còn được áp dụng nữa.

### Nhóm Thuốc Opioid:

Các loại thuốc được xác định trong danh mục thuốc theo yêu cầu **“Các lần mua thuốc đầu tiên được giới hạn ở lượng thuốc đủ dùng trong 7 ngày”** cho phép tối đa hai lần mua thuốc cho lượng thuốc đủ dùng trong 7 ngày trong bất kỳ khoảng thời gian 28 ngày nào và tối đa tổng lượng thuốc dùng trong 28 ngày không liên tục trong bất kỳ khoảng thời gian 90 ngày nào. Giới hạn này áp dụng theo hình thức tích lũy cho tất cả các loại thuốc opioid được mua. Đối với những lần mua thuốc vượt quá các giới hạn này, nhà cung cấp của quý vị có thể gửi yêu cầu Ủy Quyền Trước.

Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits
<b>ADHD/ANTI-NARCOLEPSY/ANTI-OBESITY/ANOREXIANTS - Drugs to Treat ADHD, Sleep and Eating Disorders</b>		
<b>Amphetamines</b>		
<i>amphetamine sulfate TABS</i>	3	PA
<i>amphetamine-dextroamphetamine CP24 3.75 MG-3.75 MG-3.75 MG-3.75 MG</i>	1B	
<i>amphetamine-dextroamphetamine CP24 5 MG-5 MG-5 MG-5 MG, 6.25 MG-6.25 MG-6.25 MG-6.25 MG, 7.5 MG-7.5 MG-7.5 MG-7.5 MG</i>	1B	QL(2 ea daily)
<i>amphetamine-dextroamphetamine CP24 1.25 MG-1.25 MG-1.25 MG-1.25 MG, 2.5 MG-2.5 MG-2.5 MG-2.5 MG</i>	1B	QL(1 ea daily)
<i>amphetamine-dextroamphetamine TABS 7.5 MG-7.5 MG-7.5 MG-7.5 MG</i>	1B	QL(2 ea daily)
<i>amphetamine-dextroamphetamine TABS 1.25 MG-1.25 MG-1.25 MG-1.25 MG, 1.875 MG-1.875 MG-1.875 MG-1.875 MG, 2.5 MG-2.5 MG-2.5 MG-2.5 MG, 3.125 MG-3.125 MG-3.125 MG-3.125 MG, 3.75 MG-3.75 MG-3.75 MG-3.75 MG, 5 MG-5 MG-5 MG-5 MG</i>	1B	QL(3 ea daily)
<i>dextroamphetamine sulfate CP24 10 MG, 15 MG</i>	1B	QL(4 ea daily)
<i>dextroamphetamine sulfate CP24 5 MG</i>	1B	
<i>dextroamphetamine sulfate TABS 5 MG, 10 MG</i>	1B	QL(4 ea daily)

Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits
<i>lisdexamfetamine dimesylate CAPS</i>	1B	QL(1 ea daily); ST
<i>methamphetamine hcl</i>	1B	QL(5 ea daily); AL(At least 6 yrs old)
VYVANSE CAPS	3	QL(1 ea daily); ST
<b>Anorexiants Non-Amphetamine</b>		
<i>phendimetrazine tartrate TABS</i>	1B	PA
<i>phentermine hcl CAPS</i>	1B	PA
<b>Anti-Obesity Agents</b>		
CONTRAVE	3	QL(4 ea daily); PA
<b>Attention-Deficit/Hyperactivity Disorder (ADHD) Agents</b>		
<i>atomoxetine hcl 10 MG, 18 MG, 25 MG, 40 MG</i>	1B	QL(2 ea daily); AL(At least 6 yrs old)
<i>atomoxetine hcl 60 MG, 80 MG, 100 MG</i>	1B	QL(1 ea daily); AL(At least 6 yrs old)
<i>clonidine hcl (adhd) TB12</i>	1B	
<i>guanfacine hcl (adhd)</i>	1B	QL(1 ea daily); AL(At least 6 yrs old)
<b>Dopamine and Norepinephrine Reuptake Inhibitors (DNRIs)</b>		
SUNOSI 150 MG	3	QL(1 ea daily); PA
SUNOSI 75 MG	3	QL(2 ea daily); PA
<b>Stimulants - Misc.</b>		
<i>armodafinil</i>	1B	QL(1 ea daily); AL(At least 17 yrs old); PA
<i>dexmethylphenidate hcl CP24</i>	1B	QL(1 ea daily)
<i>dexmethylphenidate hcl TABS</i>	1B	QL(2 ea daily); AL(At least 6 yrs old)
<i>methylphenidate hcl CP24</i>	1B	

Ambetter Formulary Updated April 1, 2024

Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits
<i>methylphenidate hcl CP24 20 MG, 40 MG</i>	1B	AL(At least 6 yrs old)
<i>methylphenidate hcl CP24 30 MG</i>	1B	QL(3 ea daily); AL(At least 6 yrs old)
<i>methylphenidate hcl CPCR</i>	1B	QL(1 ea daily); AL(At least 6 yrs old)
<i>methylphenidate hcl SOLN</i>	1B	QL(30 ml daily); AL(At least 6 yrs old)
<i>methylphenidate hcl TABS 10 MG, 20 MG</i>	1B	QL(5 ea daily); AL(At least 6 yrs old)
<i>methylphenidate hcl TABS 5 MG</i>	1B	QL(6 ea daily); AL(At least 6 yrs old)
<i>methylphenidate hcl TB24 27 MG</i>	1B	QL(1 ea daily); AL(At least 6 yrs old)
<i>methylphenidate hcl TB24 36 MG, 54 MG</i>	1B	QL(2 ea daily); AL(At least 6 yrs old)
<i>methylphenidate hcl TBCR 36 MG, 54 MG</i>	1B	QL(2 ea daily); AL(At least 6 yrs old)
<i>methylphenidate hcl TBCR 18 MG, 27 MG</i>	1B	QL(1 ea daily); AL(At least 6 yrs old)
<i>methylphenidate hcl TBCR 10 MG, 20 MG</i>	1B	QL(3 ea daily); AL(At least 6 yrs old)
<i>methylphenidate PTCH</i>	1B	QL(1 ea daily); PA
<i>modafinil 100 MG</i>	1B	QL(1 ea daily); PA
<i>modafinil 200 MG</i>	1B	QL(2 ea daily); PA
RELEXXII TBCR 36 MG, 54 MG	2	QL(2 ea daily); AL(At least 6 yrs old)
RELEXXII TBCR 27 MG	2	QL(1 ea daily); AL(At least 6 yrs old)
<b>ALLERGENIC EXTRACTS/BIOLOGICALS MISC</b>		
Allergenic Extracts		
GRASTEK SUBL	3	PA

Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits
<b>AMEBICIDES</b>		
Amebicides		
SOLOSEC	3	PA
<b>AMINOGLYCOSIDES - Drugs to Treat Bacterial Infections</b>		
Aminoglycosides		
<i>amikacin sulfate SOLN 1 GM/4ML, 500 MG/2ML</i>	1B	
ARIKAYCE	4	PA
<i>gentamicin in saline 0.8 MG/ML-0.9 %, 1 MG/ML-0.9 %, 1.2 MG/ML-0.9 %, 1.6 MG/ML-0.9 %</i>	1B	
<i>gentamicin sulfate IJ 40 MG/ML, 80 MG/2ML</i>	1B	
<i>neomycin sulfate TABS</i>	1B	
<i>streptomycin sulfate SOLR</i>	3	
<i>tobramycin sulfate SOLN IJ 10 MG/ML, 40 MG/ML, 80 MG/2ML</i>	1B	
<i>tobramycin NEBU</i>	4	QL(280 ml per 56 days retail; 280 ml per 56 days mail); PA
<b>ANALGESICS - ANTI-INFLAMMATORY - Drugs to Treat Pain, Swelling, Muscle and Joint Conditions</b>		
Antirheumatic - Enzyme Inhibitors		
RINVOQ	4	QL(1 ea daily); PA
XELJANZ XR TB24	4	QL(1 ea daily); PA
XELJANZ SOLN	4	QL(20 ml daily); PA
XELJANZ TABS 10 MG	4	QL(2 ea daily); PA
XELJANZ TABS 5 MG	4	QL(2 ea daily); SP; PA
Antirheumatic Antimetabolites		
METHOTREXATE	4	QL(1.714 ea daily); SP; PA

Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits	Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits
Anti-TNF-alpha - Monoclonal Antibodies			HUMIRA PEN PNKT 80 MG/0.8ML	4	QL(0.072 ea daily); PA
ADALIMUMAB-ADAZ SOAJ	4	QL(0.086 ml daily); PA	HUMIRA PEN PNKT	4	QL(0.143 ea daily); PA
ADALIMUMAB-ADAZ SOSY	4	QL(0.086 ml daily); PA	HUMIRA PEN-PS/UV STARTER PNKT	4	1 rtl pack lmt amt; 180 rtl pack lmt day(s); 1 mail pack lmt amt; 180 mail pack lmt day(s); PA
CYLTEZO STARTER PACKAGE FOR CROHNS DISEASE/UC/HS AJKT	4	QL(0.215 ea daily); PA	HUMIRA PSKT	4	QL(0.143 ea daily); PA
CYLTEZO STARTER PACKAGE FOR PSORIASIS AJKT	4	QL(0.143 ea daily); PA	SIMPONI ARIA SOLN	4	PA
CYLTEZO AJKT	4	QL(0.215 ea daily); PA	Gold Compounds		
CYLTEZO PSKT 10 MG/0.2ML	4	QL(0.072 ea daily); PA	RIDAURA	3	QL(3 ea daily)
CYLTEZO PSKT 20 MG/0.4ML, 40 MG/0.8ML	4	QL(0.215 ea daily); PA	Interleukin-1 Blockers		
HADLIMA PUSHTOUCH SOAJ	4	QL(0.086 ml daily); PA	ARCALYST	4	QL(0.286 ea daily); SP; PA
HADLIMA PUSHTOUCH SOAJ	4	QL(0.172 ml daily); PA	Interleukin-6 Receptor Inhibitors		
HADLIMA SOSY	4	QL(0.172 ml daily); PA	KEVZARA SOAJ	4	QL(0.082 ml daily); PA
HADLIMA SOSY	4	QL(0.086 ml daily); PA	KEVZARA SOSY	4	QL(0.082 ml daily); PA
Nonsteroidal Anti-inflammatory Agents (NSAIDs)					
HUMIRA PEDIATRIC CROHNS DISEASE STARTER PACK PSKT 80 MG/0.8ML	4	1 rtl pack lmt amt; 180 rtl pack lmt day(s); 1 mail pack lmt amt; 180 mail pack lmt day(s); PA	<i>celecoxib</i>	1B	QL(2 ea daily)
HUMIRA PEN-CD/UC/HS STARTER PNKT	4	1 rtl pack lmt amt; 180 rtl pack lmt day(s); 1 mail pack lmt amt; 180 mail pack lmt day(s); PA	<i>diclofenac potassium TABS 50 MG</i>	1B	
HUMIRA PEN-PEDIATRIC UC STARTER PACK PNKT	4	1 rtl pack lmt amt; 180 rtl pack lmt day(s); 1 mail pack lmt amt; 180 mail pack lmt day(s); PA	<i>diclofenac sodium TB24</i>	1B	
			<i>diclofenac sodium TBEC</i>	1B	
			<i>diclofenac w/ misoprostol TBEC</i>	1B	
			<i>etodolac CAPS</i>	1B	
			<i>etodolac TABS</i>	1B	
			<i>fenoprofen calcium TABS</i>	1B	QL(4 ea daily); ST
			<i>flurbiprofen TABS</i>	1B	
			<i>ibuprofen SUSP 100 MG/5ML</i>	1B	RX/OTC
			<i>ibuprofen TABS 400 MG, 600 MG</i>	1A	

Ambetter Formulary Updated April 1, 2024

Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits
<i>ibuprofen TABS 800 MG</i>	1B	
<i>indomethacin CAPS 25 MG, 50 MG</i>	1B	
<i>indomethacin CPCR</i>	1B	
<i>ketoprofen CAPS 50 MG, 75 MG</i>	1B	
<i>ketorolac tromethamine TABS</i>	1B	QL(0.667 ea daily)
<i>meclofenamate sodium CAPS</i>	1B	
<i>mefenamic acid CAPS</i>	1B	Must try ibuprofen. ; QL(5 ea daily); ST
<i>meloxicam TABS</i>	1A	QL(1 ea daily)
<i>nabumetone</i>	1B	
<i>naproxen sodium TABS 550 MG</i>	1B	
<i>naproxen SUSP</i>	1B	PA
<i>naproxen TABS</i>	1B	
<i>naproxen TBEC 500 MG</i>	1B	QL(3 ea daily)
<i>oxaprozin TABS</i>	1B	
<i>piroxicam CAPS</i>	1B	
<i>sulindac TABS</i>	1B	
<i>tolmetin sodium CAPS</i>	1B	
<i>tolmetin sodium TABS 600 MG</i>	1B	
<b>Phosphodiesterase 4 (PDE4) Inhibitors</b>		
<i>OTEZLA TABS</i>	4	QL(2 ea daily); PA
<i>OTEZLA TBPk</i>	4	1 rtl pack lmt amt; 180 rtl pack lmt day(s); PA
<b>Pyrimidine Synthesis Inhibitors</b>		
<i>leflunomide</i>	1B	QL(1 ea daily)
<b>Soluble Tumor Necrosis Factor Receptor Agents</b>		
<i>ENBREL MINI SOCT</i>	4	QL(0.146 ml daily); PA

Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits
<i>ENBREL SURECLICK SOAJ</i>	4	QL(0.146 ml daily); PA
<i>ENBREL SOLN</i>	4	QL(0.146 ml daily); PA
<i>ENBREL SOLR</i>	4	QL(0.286 ea daily); SP; PA
<i>ENBREL SOSY 25 MG/0.5ML</i>	4	QL(0.146 ml daily); PA
<i>ENBREL SOSY 50 MG/ML</i>	4	QL(0.286 ml daily); SP; PA
<b>ANALGESICS - NonNarcotic - Drugs to Treat Pain, Muscle and Joint Conditions</b>		
<b>Analgesic Combinations</b>		
<i>butalbital-acetaminophen-caffeine CAPS 40 MG-50 MG-300 MG</i>	1B	QL(6 ea daily)
<i>butalbital-acetaminophen-caffeine CAPS 40 MG-50 MG-325 MG</i>	1B	
<i>butalbital-acetaminophen-caffeine TABS 40 MG-50 MG-325 MG</i>	1B	QL(6 ea daily)
<i>butalbital-acetaminophen TABS 50 MG-325 MG</i>	1B	QL(6 ea daily)
<i>butalbital-aspirin-caffeine CAPS</i>	1B	QL(4 ea daily)
<b>Salicylates</b>		
<i>aspirin CHEW</i>	0	AL(At least 45 yrs old - Up to 79 yrs old)
<i>aspirin TABS 325 MG</i>	0	AL(At least 45 yrs old - Up to 79 yrs old)
<i>aspirin TBEC 325 MG</i>	1A	
<i>aspirin TBEC 81 MG</i>	0	AL(At least 45 yrs old - Up to 79 yrs old)
<i>diflunisal TABS</i>	1B	
<i>salsalate</i>	1B	
<b>ANALGESICS - OPIOID - Drugs to Treat Pain, Muscle and Joint Conditions</b>		
<b>Opioid Agonists</b>		

Ambetter Formulary Updated April 1, 2024

Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits	Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits
<i>codeine sulfate TABS 30 MG</i>	1B	New starts limited to 7 day supply	METHADONE HCL SOLN IJ	1B	
CODEINE SULFATE TABS	1B	New starts limited to 7 day supply	<i>methadone hcl TABS 5 MG</i>	1B	QL(4 ea daily)
<i>fentanyl citrate LPOP</i>	1B	QL(4 ea daily); PA	<i>methadone hcl TABS 10 MG</i>	1B	QL(10 ea daily)
<i>fentanyl PT72 12 MCG/HR, 25 MCG/HR, 50 MCG/HR, 75 MCG/HR, 100 MCG/HR</i>	1B	QL(0.34 ea daily)	<i>methadone hcl TBSO</i>	1B	QL(2 ea daily)
<i>hydromorphone hcl LIQD</i>	1B	New starts limited to 7 day supply	<i>morphine sulfate CP24 20 MG, 30 MG, 50 MG, 60 MG, 80 MG, 100 MG</i>	1B	QL(2 ea daily); PA
<i>hydromorphone hcl SOLN IJ 10 MG/ML, 50 MG/5ML, 500 MG/50ML</i>	1B		<i>morphine sulfate SOLN IJ 0.5 MG/ML, 1 MG/ML</i>	1B	
<i>hydromorphone hcl TABS</i>	1B	New starts limited to 7 day supply; QL(8 ea daily)	<i>morphine sulfate SOLN OR 10 MG/5ML</i>	1B	New starts limited to 7 day supply; QL(100 ml daily)
<i>hydromorphone hcl TB24 8 MG, 12 MG, 16 MG</i>	1B	QL(2 ea daily); PA	<i>morphine sulfate SOLN OR 20 MG/5ML</i>	1B	New starts limited to 7 day supply; QL(50 ml daily)
<i>hydromorphone hcl TB24 32 MG</i>	1B	QL(1 ea daily); PA	<i>morphine sulfate TABS</i>	1B	New starts limited to 7 day supply; QL(6 ea daily)
<i>levorphanol tartrate TABS 2 MG</i>	1B	New starts limited to 7 day supply	<i>morphine sulfate TBCR</i>	1B	QL(2 ea daily)
<i>meperidine hcl SOLN IJ 25 MG/ML, 50 MG/ML, 100 MG/ML</i>	1B		NUCYNTA ER TB12	2	QL(2 ea daily); PA
<i>meperidine hcl SOLN OR 50 MG/5ML</i>	1B	New starts limited to 7 day supply; QL(500 ml per fill retail)	NUCYNTA TABS	2	QL(6 ea daily); PA
<i>meperidine hcl TABS 50 MG</i>	1B	New starts limited to 7 day supply; QL(6 ea daily)	<i>oxycodone hcl T12A 10 MG, 20 MG, 40 MG, 80 MG</i>	3	QL(2 ea daily); PA
<i>methadone hcl CONC</i>	1B	QL(10 ml daily)	<i>oxycodone hcl TABS</i>	1B	New starts limited to 7 day supply; QL(12 ea daily)
<i>methadone hcl SOLN OR 10 MG/5ML</i>	1B	QL(50 ml daily)	<i>oxymorphone hcl TABS</i>	1B	QL(12 ea daily); PA
<i>methadone hcl SOLN OR 5 MG/5ML</i>	1B	QL(100 ml daily)	<i>oxymorphone hcl TB12 40 MG</i>	1B	QL(4 ea daily); PA
<i>methadone hcl SOLN IJ 10 MG/ML</i>	1B		<i>oxymorphone hcl TB12 5 MG, 7.5 MG, 10 MG, 15 MG, 20 MG, 30 MG</i>	1B	QL(2 ea daily); PA
			SUBSYS LIQD 200 MCG, 400 MCG, 600 MCG	3	QL(4 ea daily); PA

Ambetter Formulary Updated April 1, 2024



Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits	Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits
SUBSYS LIQD 100 MCG	3	QL(3 ea daily); PA	<i>hydrocodone-acetaminophen SOLN 108 MG/5ML-2.5 MG/5ML, 217 MG/10ML-5 MG/10ML, 325 MG/15ML-7.5 MG/15ML</i>	1B	New starts limited to 7 day supply; QL(180 ml daily)
SUBSYS LIQD 800 MCG, 1200 MCG, 1600 MCG	3	QL(8 ea daily); PA		<i>hydrocodone-acetaminophen TABS 325 MG-10 MG, 325 MG-5 MG, 325 MG-7.5 MG</i>	1B
<i>tramadol hcl TABS 50 MG</i>	1A	New starts limited to 7 day supply; QL(8 ea daily)	<i>hydrocodone-acetaminophen TABS 300 MG-10 MG, 300 MG-5 MG, 300 MG-7.5 MG</i>		1B
<i>tramadol hcl TB24</i>	1B	QL(1 ea daily)		<i>hydrocodone-ibuprofen 7.5 MG-200 MG</i>	1B
XTAMPZA ER	2	QL(2 ea daily); PA	<i>hydrocodone-ibuprofen 10 MG-200 MG, 5 MG-200 MG</i>		1B
Opioid Combinations				<i>oxycodone w/acetaminophen TABS 325 MG-10 MG, 325 MG-5 MG, 325 MG-7.5 MG</i>	1B
<i>acetaminophen w/codeine SOLN</i>	1A	New starts limited to 7 day supply; QL(75 ml daily)	<i>tramadol-acetaminophen</i>		1B
<i>acetaminophen w/codeine TABS 60 MG-300 MG</i>	1B	New starts limited to 7 day supply; QL(6 ea daily)		Opioid Partial Agonists	
<i>acetaminophen w/codeine TABS 15 MG-300 MG</i>	1B	New starts limited to 7 day supply; QL(13 ea daily)	<i>buprenorphine hcl-naloxone hcl dihydrate FILM SL 0.5 MG-2 MG, 1 MG-4 MG, 2 MG-8 MG</i>	1B	QL(3 ea daily)
<i>acetaminophen w/codeine TABS 30 MG-300 MG</i>	1A	New starts limited to 7 day supply; QL(12 ea daily)	<i>buprenorphine hcl-naloxone hcl dihydrate FILM SL 3 MG-12 MG</i>	1B	QL(2 ea daily)
<i>acetaminophen-caff-dihydrocod CAPS 30 MG-320.5 MG-16 MG</i>	3	New starts limited to 7 day supply; PA	<i>buprenorphine hcl-naloxone hcl dihydrate SUBL</i>	1B	QL(3 ea daily)
<i>acetaminophen-caff-dihydrocod CAPS 30 MG-320.5 MG-16 MG</i>	1B	New starts limited to 7 day supply	<i>buprenorphine hcl SOLN</i>	1B	
<i>butalbital-acetaminophen-caffeine w/ codeine 30 MG-40 MG-50 MG-300 MG</i>	1B	New starts limited to 7 day supply	<i>buprenorphine hcl SUBL</i>	1B	QL(3 ea daily)
<i>butalbital-acetaminophen-caffeine w/ codeine 30 MG-40 MG-50 MG-325 MG</i>	1B	New starts limited to 7 day supply; QL(6 ea daily)	<i>buprenorphine PTWK</i>	1B	QL(0.143 ea daily); PA
<i>butalbital-aspirin-caffeine w/cod</i>	1B	New starts limited to 7 day supply; QL(6 ea daily)			

Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits
<i>butorphanol tartrate NA 10 MG/ML</i>	1B	QL(0.34 ml daily); PA
<i>butorphanol tartrate IJ 1 MG/ML, 2 MG/ML</i>	1B	
<i>nalbuphine hcl</i>	1B	QL(8 ml daily)
<i>pentazocine w/ naloxone hcl</i>	1B	New starts limited to 7 day supply
<b>ANDROGENS-ANABOLIC - Drugs to Regulate Hormones</b>		
Anabolic Steroids		
<i>oxandrolone</i>	1B	
Androgens		
ANDRODERM PT24 2 MG/24HR, 4 MG/24HR	2	QL(1 ea daily); PA
<i>danazol CAPS</i>	1B	
METHITEST TABS	3	
<i>testosterone cypionate SOLN IM</i>	1B	
TESTOSTERONE CYPIONATE SOLN IJ 200 MG/ML	1B	
<i>testosterone enanthate SOLN IM</i>	1B	
<b>ANORECTAL AND RELATED PRODUCTS - Rectal Drugs to Treat Pain, Swelling and Itching</b>		
Intrarectal Steroids		
<i>budesonide (intrarectal)</i>	4	QL(3.2 gm daily); PA
<i>hydrocortisone (intrarectal)</i>	1B	
UCERIS ( <i>budesonide (intrarectal)</i> )	4	QL(3.2 gm daily); PA
Rectal Steroids		
<i>hydrocortisone (rectal) EX</i>	1B	
<i>hydrocortisone acetate (rectal)</i>	1B	
Vasodilating Agents		

Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits
<i>nitroglycerin (intra-anal)</i>	1B	QL(2 gm daily)
RECTIV ( <i>nitroglycerin (intra-anal)</i> )	3	QL(2 gm daily)
<b>ANTHELMINTICS - Drugs to Treat Worm Infections</b>		
Anthelmintics		
<i>albendazole</i>	1B	PA
EMVERM CHEW	2	1 rtl MAX fill; 60 rtl day(s) supply; 1 mail MAX fill; QL(2 ea daily; 6 ea per fill retail; 6 per fill mail)
<i>ivermectin</i>	1B	1 rtl MAX fill; 75 rtl day(s) supply; 1 mail MAX fill; QL(9 ea per fill retail; 9 per fill mail)
<i>praziquantel</i>	1B	PA
<b>ANTIANGINAL AGENTS - Drugs to Treat Chest Pain</b>		
Antianginals-Other		
<i>ranolazine TB12 500 MG</i>	1B	QL(3 ea daily)
<i>ranolazine TB12 1000 MG</i>	1B	QL(2 ea daily)
Nitrates		
<i>isosorbide dinitrate TABS 5 MG, 10 MG, 20 MG, 30 MG</i>	1B	
<i>isosorbide mononitrate TABS</i>	1B	
<i>isosorbide mononitrate TB24</i>	1B	
NITRO-BID OINT	3	
<i>nitroglycerin CPCR</i>	1B	QL(4 ea daily)
<i>nitroglycerin PT24</i>	1B	
NITROGLYCERIN SOLN IV	1B	
<i>nitroglycerin SUBL</i>	1B	

Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits
<b>ANTI-ANXIETY AGENTS - Drugs to Treat Anxiety</b>		
Antianxiety Agents - Misc.		
<i>buspirone hcl 7.5 MG, 10 MG, 15 MG, 30 MG</i>	1B	
<i>buspirone hcl 5 MG</i>	1A	
<i>hydroxyzine hcl SOLN 50 MG/ML</i>	1B	
<i>hydroxyzine hcl SYRP</i>	1B	
<i>hydroxyzine hcl TABS</i>	1B	
<i>hydroxyzine pamoate CAPS</i>	1B	
<i>meprobamate</i>	1B	QL(6 ea daily)
Benzodiazepines		
<i>alprazolam TABS 2 MG</i>	1B	QL(4 ea daily)
<i>alprazolam TABS 0.25 MG, 0.5 MG, 1 MG</i>	1A	QL(4 ea daily)
<i>alprazolam TB24</i>	1B	
<i>alprazolam TBDP</i>	1B	
<i>chlordiazepoxide hcl CAPS</i>	1B	
<i>clorazepate dipotassium TABS</i>	1B	
<i>diazepam CONC</i>	1B	
<i>diazepam SOLN OR 5 MG/5ML</i>	1B	
<i>diazepam TABS</i>	1A	QL(4 ea daily)
<i>lorazepam CONC</i>	1B	
<i>lorazepam TABS 1 MG</i>	1A	QL(4 ea daily)
<i>lorazepam TABS 0.5 MG, 2 MG</i>	1A	QL(3 ea daily)
<i>oxazepam CAPS</i>	1B	
<b>ANTIARRHYTHMICS - Drugs to treat abnormal heart rhythms</b>		
Antiarrhythmics Type I-A		
<i>disopyramide phosphate CAPS</i>	1B	
<i>procainamide hcl SOLN 500 MG/ML</i>	1B	

Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits
<i>quinidine sulfate TABS</i>	1B	
Antiarrhythmics Type I-B		
<i>mexiletine hcl</i>	1B	
Antiarrhythmics Type I-C		
<i>flecainide acetate</i>	1B	
<i>propafenone hcl CP12</i>	1B	
<i>propafenone hcl TABS</i>	1B	
Antiarrhythmics Type III		
<i>amiodarone hcl SOLN 50 MG/ML</i>	1B	
<i>amiodarone hcl TABS</i>	1B	
<i>dofetilide</i>	1B	
<b>ANTI-ASTHMATIC AND BRONCHODILATOR AGENTS - Drugs to Treat Lung Conditions</b>		
Antiasthmatic - Monoclonal Antibodies		
FASENRA PEN SOAJ	4	QL(0.036 ml daily); PA
FASENRA SOSY	4	QL(0.036 ml daily); PA
NUCALA SOAJ	4	QL(0.1073 ml daily); PA
NUCALA SOLR	4	QL(0.1073 ea daily); PA
NUCALA SOSY 40 MG/0.4ML	4	QL(0.0144 ml daily); PA
NUCALA SOSY 100 MG/ML	4	QL(0.1073 ml daily); PA
XOLAIR SOLR	4	QL(0.286 ea daily); PA
XOLAIR SOSY 150 MG/ML	4	QL(0.286 ml daily); PA
XOLAIR SOSY 75 MG/0.5ML	4	QL(0.036 ml daily); PA
Anti-Inflammatory Agents		
<i>cromolyn sodium NEBU</i>	1B	QL(8 ml daily)
Bronchodilators - Anticholinergics		
ATROVENT HFA	3	QL(0.44 gm daily)
INCRUSE ELLIPTA	2	QL(1 ea daily)

Ambetter Formulary Updated April 1, 2024

Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits
<i>ipratropium bromide SOLN 0.02 %</i>	1B	QL(15 ml daily)
SPIRIVA HANDIHALER CAPS ( <i>tiotropium bromide monohydrate</i> )	2	QL(1 ea daily)
SPIRIVA RESPIMAT AERS	2	QL(0.14 gm daily)
<i>tiotropium bromide monohydrate CAPS</i>	1B	QL(1 ea daily)
Leukotriene Modulators		
<i>montelukast sodium CHEW</i>	1B	QL(1 ea daily)
<i>montelukast sodium PACK</i>	1B	QL(1 ea daily)
<i>montelukast sodium TABS</i>	1B	QL(1 ea daily)
<i>zafirlukast</i>	1B	QL(2 ea daily)
<i>zileuton TB12</i>	1B	QL(4 ea daily)
Selective Phosphodiesterase 4 (PDE4) Inhibitors		
<i>roflumilast</i>	3	QL(1 ea daily)
Steroid Inhalants		
ALVESCO	3	PA
ARNUITY ELLIPTA	2	
<i>budesonide (inhalation) SUSP</i>	1B	QL(4 ml daily); PA
<i>fluticasone propionate (inhalation) AEPB</i>	1B	
<i>fluticasone propionate hfa</i>	1B	QL(0.8 gm daily)
PULMICORT FLEXHALER AEPB	2	
QVAR REDIHALER	2	
Sympathomimetics		
AIRDUO DIGIHALER 113/14	3	
AIRDUO DIGIHALER 232/14	3	
AIRDUO DIGIHALER 55/14	3	

Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits
AIRSUPRA	3	
<i>albuterol sulfate AERS</i>	1B	
<i>albuterol sulfate NEBU 0.083 %, 0.5 %, 0.63 MG/3ML, 1.25 MG/3ML, 2.5 MG/0.5ML</i>	1B	
<i>albuterol sulfate SYRP</i>	1B	
<i>albuterol sulfate TABS</i>	1B	
ANORO ELLIPTA	2	QL(2 ea daily)
<i>arformoterol tartrate</i>	1B	QL(4 ml daily)
BREO ELLIPTA	2	
BREZTRI AEROSPHERE	2	QL(0.38 gm daily)
<i>budesonide-formoterol fumarate dihydrate</i>	1B	
DULERA	2	
<i>fluticasone furoate-vilanterol</i>	1B	
<i>fluticasone-salmeterol AEPB</i>	1B	
<i>fluticasone-salmeterol AERO</i>	1B	
<i>formoterol fumarate NEBU</i>	1B	QL(4 ml daily)
<i>ipratropium-albuterol SOLN</i>	1B	QL(18 ml daily)
<i>levalbuterol hcl</i>	1B	
<i>levalbuterol tartrate</i>	1B	QL(0.5 gm daily)
PROAIR DIGIHALER	3	
PROAIR RESPICLIK AEPB	3	
SEREVENT DISKUS	2	
STIOLTO RESPIMAT	2	
STRIVERDI RESPIMAT	2	
<i>terbutaline sulfate SOLN</i>	1B	
<i>terbutaline sulfate TABS</i>	1B	
TRELEGY ELLIPTA	2	QL(2 ea daily)
Xanthines		
<i>aminophylline SOLN</i>	1B	

Ambetter Formulary Updated April 1, 2024

Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits
<i>theophylline ELIX</i>	1B	
<i>theophylline SOLN</i>	1B	QL(56 ml daily)
<i>theophylline TB12</i>	1B	
<i>theophylline TB24</i>	1B	
<b>ANTICOAGULANTS - Blood Thinners</b>		
Coumarin Anticoagulants		
<i>warfarin sodium TABS</i>	1B	
Direct Factor Xa Inhibitors		
ELIQUIS STARTER PACK TBPK	2	1 rtl MAX fill; 180 rtl day(s) supply; QL(2.47 ea daily)
ELIQUIS TABS	2	QL(2 ea daily)
XARELTO STARTER PACK TBPK	2	1 rtl MAX fill; 365 rtl day(s) supply
XARELTO SUSR	2	QL(900 ml per 30 days retail; 900 ml per 30 days mail)
XARELTO TABS 2.5 MG, 15 MG	2	QL(2 ea daily)
XARELTO TABS 10 MG, 20 MG	2	QL(1 ea daily)
Heparins And Heparinoid-Like Agents		
<i>enoxaparin sodium SOLN IJ 300 MG/3ML</i>	4	QL(6 ml daily)
<i>enoxaparin sodium SOSY 80 MG/0.8ML, 120 MG/0.8ML</i>	4	QL(1.6 ml daily)
<i>enoxaparin sodium SOSY 30 MG/0.3ML</i>	4	QL(0.6 ml daily); SP
<i>enoxaparin sodium SOSY 40 MG/0.4ML</i>	4	QL(0.8 ml daily; 30 Day(s) limit); SP
<i>enoxaparin sodium SOSY 100 MG/ML, 150 MG/ML</i>	4	QL(2 ml daily)
<i>enoxaparin sodium SOSY 60 MG/0.6ML</i>	4	QL(1.2 ml daily; 30 Day(s) limit); SP

Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits
<i>fondaparinux sodium 2.5 MG/0.5ML</i>	4	QL(4.5 ml per 180 days retail; 4 ml per 180 days mail); SP
<i>fondaparinux sodium 10 MG/0.8ML</i>	4	QL(7.2 ml per 180 days retail; 7 ml per 180 days mail); SP
<i>fondaparinux sodium 7.5 MG/0.6ML</i>	4	QL(5.4 ml per 180 days retail; 5 ml per 180 days mail); SP
<i>fondaparinux sodium 5 MG/0.4ML</i>	4	QL(3.6 ml per 180 days retail; 4 ml per 180 days mail); SP
FRAGMIN SOSY	4	SP; PA
<i>heparin sodium (porcine) SOLN IJ 5000 UNIT/ML, 10000 UNIT/ML, 20000 UNIT/ML</i>	1B	
HEPARIN SODIUM/NACL 0.45% SOLN IV 0.45 %-12500 UNIT/250ML	1B	
Thrombin Inhibitors		
<i>dabigatran etexilate mesylate CAPS 75 MG, 150 MG</i>	1B	
<i>dabigatran etexilate mesylate CAPS 110 MG</i>	1B	
<b>ANTICONVULSANTS - Drugs to Treat Seizures</b>		
AMPA Glutamate Receptor Antagonists		
FYCOMPA TABS 8 MG, 10 MG, 12 MG	3	QL(1 ea daily); PA
FYCOMPA TABS 6 MG	3	QL(2 ea daily); PA
FYCOMPA TABS 4 MG	3	QL(3 ea daily); PA
FYCOMPA TABS 2 MG	3	QL(6 ea daily); PA
Anticonvulsants - Benzodiazepines		
<i>clobazam SUSP</i>	1B	QL(16 ml daily); PA
<i>clobazam TABS</i>	1B	QL(2 ea daily); PA

Ambetter Formulary Updated April 1, 2024

Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits	Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits
<i>clonazepam TABS</i>	1A		<i>carbamazepine TB12 200 MG</i>	1B	QL(6 ea daily)
<i>diazepam (anticonvulsant) GEL</i>	3	5 rtl pack lmt amt; 30 rtl pack lmt day(s); 5 rtl pack lmt per fill; 30 mail pack lmt amt	DIACOMIT CAPS 500 MG	4	QL(6 ea daily); PA
NAYZILAM	3	QL(10 ea per 30 days retail); PA	DIACOMIT CAPS 250 MG	4	QL(12 ea daily); PA
VALTOCO 10 MG DOSE LIQD	4	QL(10 ea per 30 days retail); PA	DIACOMIT PACK 500 MG	4	QL(6 ea daily); PA
VALTOCO 15 MG DOSE LQPK	4	QL(10 ea per 30 days retail); PA	DIACOMIT PACK 250 MG	4	QL(12 ea daily); PA
VALTOCO 20 MG DOSE LQPK	4	QL(10 ea per 30 days retail); PA	EPIDIOLEX	3	PA
VALTOCO 5 MG DOSE LIQD	4	QL(10 ea per 30 days retail); PA	<i>gabapentin CAPS</i>	1B	
Anticonvulsants - Misc.			<i>gabapentin SOLN</i>	1B	QL(60 ml daily)
APTIOM	3	QL(2 ea daily); ST	<i>gabapentin TABS 600 MG, 800 MG</i>	1B	
BANZEL TABS 400 MG ( <i>rufinamide</i> )	2	QL(8 ea daily); PA	<i>lacosamide SOLN OR 10 MG/ML</i>	1B	QL(40 ml daily)
BANZEL TABS 200 MG ( <i>rufinamide</i> )	2	QL(2 ea daily); PA	<i>lacosamide TABS</i>	1B	QL(2 ea daily)
BRIVIACT SOLN OR 10 MG/ML	3	QL(20 ml daily); PA	<i>lamotrigine CHEW 25 MG</i>	1B	QL(20 ea daily)
BRIVIACT TABS	3	QL(2 ea daily); PA	<i>lamotrigine CHEW 5 MG</i>	1B	QL(100 ea daily)
<i>carbamazepine CHEW</i>	1B		<i>lamotrigine TABS</i>	1B	
<i>carbamazepine CP12 100 MG</i>	1B		<i>lamotrigine TBDP</i>	1B	QL(1 ea daily)
<i>carbamazepine CP12 200 MG</i>	1B	QL(6 ea daily)	<i>levetiracetam SOLN IV 500 MG/5ML</i>	1B	QL(30 ml daily)
<i>carbamazepine CP12 300 MG</i>	1B	QL(4 ea daily)	<i>levetiracetam TABS 250 MG, 750 MG</i>	1B	QL(4 ea daily)
<i>carbamazepine SUSP</i>	1B		<i>levetiracetam TABS 1000 MG</i>	1B	QL(3 ea daily)
<i>carbamazepine TABS</i>	1B		<i>levetiracetam TABS 500 MG</i>	1B	QL(6 ea daily)
<i>carbamazepine TB12 100 MG, 400 MG</i>	1B	QL(4 ea daily)	<i>levetiracetam TB24</i>	1B	QL(4 ea daily)
			<i>oxcarbazepine SUSP</i>	1B	QL(40 ml daily)
			<i>oxcarbazepine TABS 150 MG, 300 MG</i>	1B	QL(3 ea daily)
			<i>oxcarbazepine TABS 600 MG</i>	1B	QL(4 ea daily)
			<i>pregabalin CAPS 25 MG, 50 MG, 75 MG, 100 MG, 150 MG, 200 MG</i>	3	QL(3 ea daily); PA
			<i>pregabalin CAPS 225 MG, 300 MG</i>	3	QL(2 ea daily); PA

Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits
<i>pregabalin SOLN</i>	3	QL(30 ml daily); PA
<i>primidone 50 MG, 250 MG</i>	1B	
<i>rufinamide SUSP</i>	1B	QL(80 ml daily); PA
<i>rufinamide TABS 200 MG</i>	1B	QL(2 ea daily); PA
<i>rufinamide TABS 400 MG</i>	1B	QL(8 ea daily); PA
TEGRETOL SUSP ( <i>carbamazepine</i> )	2	
TEGRETOL TABS ( <i>carbamazepine</i> )	2	
<i>topiramate CPSP 25 MG</i>	1B	QL(8 ea daily)
<i>topiramate CPSP 15 MG</i>	1B	QL(6 ea daily)
<i>topiramate CS24</i>	3	PA
<i>topiramate TABS 200 MG</i>	1B	QL(2 ea daily)
<i>topiramate TABS 25 MG, 100 MG</i>	1B	QL(4 ea daily)
<i>topiramate TABS 50 MG</i>	1B	QL(6 ea daily)
<i>zonisamide CAPS</i>	1B	QL(6 ea daily)
<b>Carbamates</b>		
<i>felbamate SUSP</i>	1B	QL(30 ml daily)
<i>felbamate TABS 600 MG</i>	1B	QL(6 ea daily)
<i>felbamate TABS 400 MG</i>	1B	QL(9 ea daily)
<b>GABA Modulators</b>		
<i>tiagabine hcl</i>	1B	
<i>vigabatrin PACK</i>	4	QL(6 ea daily); SP; PA
<i>vigabatrin TABS</i>	4	QL(6 ea daily); SP; PA
<b>Hydantoins</b>		
DILANTIN	2	
DILANTIN ( <i>phenytoin sodium extended</i> )	2	
DILANTIN INFATABS CHEW ( <i>phenytoin</i> )	2	
DILANTIN-125 SUSP ( <i>phenytoin</i> )	2	

Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits
<i>fosphenytoin sodium</i>	1B	
<i>phenytoin sodium extended 100 MG, 200 MG, 300 MG</i>	1B	
<i>phenytoin sodium SOLN</i>	1B	
<i>phenytoin CHEW</i>	1B	
<i>phenytoin SUSP</i>	1B	
<b>Succinimides</b>		
CELONTIN ( <i>methsuximide</i> )	3	QL(4 ea daily)
<i>ethosuximide CAPS</i>	1B	QL(6 ea daily)
<i>ethosuximide SOLN</i>	1B	QL(30 ml daily)
<i>methsuximide</i>	1B	QL(4 ea daily)
ZARONTIN CAPS ( <i>ethosuximide</i> )	2	QL(6 ea daily)
<b>Valproic Acid</b>		
<i>divalproex sodium TB24</i>	1B	
<i>divalproex sodium TBEC</i>	1B	
<i>valproate sodium SOLN OR 250 MG/5ML</i>	1B	
<i>valproic acid CAPS</i>	1B	
<b>ANTIDEPRESSANTS - Drugs to Treat Depression</b>		
<b>Alpha-2 Receptor Antagonists (Tetracyclics)</b>		
<i>mirtazapine TABS 30 MG</i>	1B	QL(1.5 ea daily)
<i>mirtazapine TABS 15 MG</i>	1B	QL(3 ea daily)
<i>mirtazapine TABS 7.5 MG, 45 MG</i>	1B	QL(1 ea daily)
<i>mirtazapine TBDP 15 MG</i>	1B	QL(3 ea daily)
<i>mirtazapine TBDP 30 MG</i>	1B	QL(1.5 ea daily)
<i>mirtazapine TBDP 45 MG</i>	1B	QL(1 ea daily)
<b>Antidepressants - Misc.</b>		
<i>bupropion hcl TABS</i>	1B	QL(3 ea daily)
<i>bupropion hcl TB12 100 MG</i>	1B	QL(4 ea daily)
<i>bupropion hcl TB12 200 MG</i>	1B	QL(2 ea daily)

Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits	Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits
<i>bupropion hcl TB12 150 MG</i>	1B	QL(3 ea daily)	<i>fluoxetine hcl SOLN</i>	1B	QL(20 ml daily)
<i>bupropion hcl TB24 150 MG</i>	1B	QL(3 ea daily)	<i>fluoxetine hcl TABS 20 MG</i>	1B	QL(3 ea daily)
<i>bupropion hcl TB24 300 MG</i>	1B	QL(1 ea daily)	<i>fluoxetine hcl TABS 10 MG, 60 MG</i>	1B	QL(1 ea daily)
<b>Monoamine Oxidase Inhibitors (MAOIs)</b>			<i>fluvoxamine maleate TABS 25 MG, 50 MG</i>	1B	QL(2 ea daily)
EMSAM	3	QL(1 ea daily)	<i>fluvoxamine maleate TABS 100 MG</i>	1B	QL(3 ea daily)
MARPLAN	2	QL(6 ea daily)	<i>paroxetine hcl SUSP</i>	1B	QL(30 ml daily)
<i>phenelzine sulfate</i>	1B		<i>paroxetine hcl TABS 30 MG</i>	1B	QL(2 ea daily)
<i>tranylcypromine sulfate</i>	1B		<i>paroxetine hcl TABS 20 MG</i>	1B	QL(3 ea daily)
<b>N-Methyl-D-aspartic acid (NMDA) Receptor Antagonists</b>			<i>paroxetine hcl TABS 40 MG</i>	1B	QL(1 ea daily)
SPRAVATO 56MG DOSE	4	PA	<i>paroxetine hcl TABS 10 MG</i>	1B	QL(6 ea daily)
SPRAVATO 84MG DOSE	4	PA	<i>paroxetine hcl TB24 12.5 MG</i>	1B	QL(1 ea daily)
<b>Selective Serotonin Reuptake Inhibitors (SSRIs)</b>			<i>paroxetine hcl TB24 25 MG, 37.5 MG</i>	1B	QL(2 ea daily)
<i>citalopram hydrobromide SOLN</i>	1B	QL(20 ml daily)	<i>sertraline hcl CONC</i>	1B	QL(10 ml daily)
<i>citalopram hydrobromide TABS 10 MG</i>	1B	QL(4 ea daily)	<i>sertraline hcl TABS 100 MG</i>	1B	QL(2 ea daily)
<i>citalopram hydrobromide TABS 40 MG</i>	1B	QL(1 ea daily)	<i>sertraline hcl TABS 25 MG, 50 MG</i>	1B	QL(4 ea daily)
<i>citalopram hydrobromide TABS 20 MG</i>	1B	QL(2 ea daily)	<b>Serotonin Modulators</b>		
<i>escitalopram oxalate SOLN</i>	1B	QL(20 ml daily)	<i>nefazodone hcl</i>	1B	
<i>escitalopram oxalate TABS 10 MG</i>	1B	QL(2 ea daily)	<i>trazodone hcl TABS</i>	1B	
<i>escitalopram oxalate TABS 5 MG</i>	1B	QL(4 ea daily)	TRINTELLIX	3	QL(1 ea daily); PA
<i>escitalopram oxalate TABS 20 MG</i>	1B	QL(1 ea daily)	VIIBRYD STARTER PACK KIT	3	1 rtl pack lmt amt; 180 rtl pack lmt day(s); 1 mail pack lmt amt; 180 mail pack lmt day(s)
<i>fluoxetine hcl CAPS 40 MG</i>	1B	QL(2 ea daily)	<i>vilazodone hcl TABS</i>	1B	QL(1 ea daily)
<i>fluoxetine hcl CAPS 20 MG</i>	1B	QL(3 ea daily)	<b>Serotonin-Norepinephrine Reuptake Inhibitors (SNRIs)</b>		
<i>fluoxetine hcl CAPS 10 MG</i>	1A	QL(1 ea daily)			
<i>fluoxetine hcl CPDR</i>	1B				

Ambetter Formulary Updated April 1, 2024



Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits
<i>desvenlafaxine succinate 25 MG, 50 MG</i>	1B	QL(1 ea daily)
<i>desvenlafaxine succinate 100 MG</i>	1B	QL(4 ea daily)
<i>duloxetine hcl CPEP 20 MG, 30 MG, 60 MG</i>	1B	QL(2 ea daily)
<i>duloxetine hcl CPEP 40 MG</i>	1B	
FETZIMA TITRATION PACK C4PK	3	PA
FETZIMA CP24	3	QL(1 ea daily); PA
<i>venlafaxine hcl CP24 75 MG</i>	1B	QL(5 ea daily)
<i>venlafaxine hcl CP24 150 MG</i>	1B	QL(2 ea daily)
<i>venlafaxine hcl CP24 37.5 MG</i>	1B	QL(4 ea daily)
<i>venlafaxine hcl TABS</i>	1B	QL(3 ea daily)
<i>venlafaxine hcl TB24 37.5 MG, 75 MG, 225 MG</i>	1B	QL(1 ea daily)
<i>venlafaxine hcl TB24 150 MG</i>	1B	QL(2 ea daily)
<b>Tricyclic Agents</b>		
<i>amitriptyline hcl TABS</i>	1B	
<i>amoxapine</i>	1B	
<i>clomipramine hcl</i>	1B	
<i>desipramine hcl TABS</i>	1B	
<i>doxepin hcl CAPS</i>	1B	
<i>doxepin hcl CONC</i>	1B	
<i>imipramine hcl TABS</i>	1B	
<i>imipramine pamoate</i>	1B	
<i>nortriptyline hcl CAPS</i>	1B	
<i>nortriptyline hcl SOLN</i>	1B	
<i>protriptyline hcl</i>	1B	
<i>trimipramine maleate CAPS</i>	1B	
<b>ANTIDIABETICS - Drugs to Regulate Blood Sugar</b>		
<b>Alpha-Glucosidase Inhibitors</b>		

Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits
<i>acarbose</i>	1B	QL(3 ea daily)
<i>miglitol</i>	1B	QL(3 ea daily)
<b>Antidiabetic Combinations</b>		
<i>alogliptin-metformin hcl</i>	1B	QL(2 ea daily); PA
<i>alogliptin-pioglitazone 15 MG-12.5 MG, 30 MG-12.5 MG, 45 MG-12.5 MG</i>	1B	QL(2 ea daily); PA
<i>alogliptin-pioglitazone 15 MG-25 MG, 30 MG-25 MG, 45 MG-25 MG</i>	1B	QL(1 ea daily); PA
<i>glipizide-metformin hcl 250 MG-2.5 MG, 500 MG-2.5 MG</i>	1B	QL(2 ea daily)
<i>glipizide-metformin hcl 500 MG-5 MG</i>	1B	QL(4 ea daily)
<i>glyburide-metformin 250 MG-1.25 MG</i>	1B	QL(2 ea daily)
<i>glyburide-metformin 500 MG-2.5 MG, 500 MG-5 MG</i>	1B	QL(4 ea daily)
GLYXAMBI	2	QL(1 ea daily)
JANUMET XR TB24 1000 MG-100 MG	2	QL(1 ea daily)
JANUMET XR TB24 1000 MG-50 MG, 500 MG-50 MG	2	QL(2 ea daily)
JANUMET TABS	2	QL(2 ea daily)
<i>pioglitazone hcl-glimepiride</i>	1B	QL(1 ea daily)
<i>pioglitazone hcl-metformin hcl TABS</i>	1B	QL(2 ea daily)
<i>saxagliptin-metformin hcl 1000 MG-5 MG, 500 MG-5 MG</i>	1B	QL(1 ea daily)
<i>saxagliptin-metformin hcl 1000 MG-2.5 MG</i>	1B	QL(2 ea daily)
SOLQUA 100/33	2	QL(0.5 ml daily); PA
SYNJARDY XR TB24 1000 MG-25 MG	2	QL(1 ea daily)

Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits	Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits
SYNJARDY XR TB24 1000 MG-10 MG, 1000 MG-12.5 MG, 1000 MG-5 MG	2	QL(2 ea daily)	OZEMPIC SOPN 2 MG/1.5ML	2	QL(0.054 ml daily); PA
SYNJARDY TABS	2	QL(2 ea daily)	RYBELSUS TABS	2	QL(1 ea daily); PA
TRIJARDY XR 1000 MG-2.5 MG-12.5 MG, 1000 MG-2.5 MG-5 MG	2	QL(2 ea daily)	TRULICITY	2	QL(0.143 ml daily); PA
TRIJARDY XR 1000 MG-5 MG-10 MG, 1000 MG-5 MG-25 MG	2	QL(1 ea daily)	VICTOZA	2	QL(0.3 ml daily); PA
XIGDUO XR 1000 MG-2.5 MG, 1000 MG-5 MG	2	QL(2 ea daily)	<b>Insulin</b>		
XIGDUO XR 1000 MG-10 MG, 500 MG-10 MG, 500 MG-5 MG	2	QL(1 ea daily)	APIDRA SOLOSTAR SOPN	3	PA
XULTOPHY 100/3.6	2	QL(0.5 ml daily); PA	APIDRA SOLN	3	PA
<b>Biguanides</b>			BASAGLAR KWIKPEN SOPN	2	
<i>metformin hcl TABS 850 MG</i>	0	QL(3 ea daily)	HUMULIN R U-500 (CONCENTRATED) SOLN SC	2	QL(1.34 ml daily)
<i>metformin hcl TABS 500 MG</i>	1B	QL(5 ea daily)	HUMULIN R U-500 KWIKPEN SOPN SC	2	QL(1.34 ml daily)
<i>metformin hcl TABS 1000 MG</i>	1B	QL(2.5 ea daily)	INSULIN ASPART FLEXPEN SOPN	1B	
<i>metformin hcl TB24 750 MG</i>	1B	QL(3 ea daily)	INSULIN ASPART PENFILL SOCT	1B	
<i>metformin hcl TB24 500 MG</i>	1B	QL(4 ea daily)	INSULIN ASPART PROTAMINE/INSULIN ASPART FLEXPEN SUPN	1B	
<b>Diabetic Other</b>			INSULIN ASPART PROTAMINE/INSULIN ASPART SUSP	1B	
<i>diazoxide</i>	3		INSULIN ASPART SOLN IJ	1B	
<i>glucagon (rdna)</i>	1B	QL(0.035 ea daily)	INSULIN DEGLUDEC FLEXTOUCH SOPN	2	
<b>Dipeptidyl Peptidase-4 (DPP-4) Inhibitors</b>			INSULIN DEGLUDEC SOLN	2	
<i>alogliptin benzoate</i>	1B	QL(1 ea daily)	LEVEMIR FLEXPEN SOPN	3	PA
JANUVIA	2	QL(1 ea daily)	LEVEMIR FLEXTOUCH SOPN	3	PA
<i>saxagliptin hcl</i>	1B	QL(1 ea daily)	LEVEMIR SOLN	3	PA
<b>Incretin Mimetic Agents</b>			NOVOLIN 70/30 FLEXPEN SUPN	2	
OZEMPIC SOPN	2	QL(0.108 ml daily); PA	NOVOLIN 70/30 SUSP	2	

Ambetter Formulary Updated April 1, 2024

Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits
NOVOLIN N FLEXPEN SUPN	2	
NOVOLIN N SUSP	2	
NOVOLIN R FLEXPEN SOPN IJ	2	
NOVOLIN R SOLN IJ	2	
Insulin Sensitizing Agents		
<i>pioglitazone hcl</i>	1B	QL(1 ea daily)
Meglitinide Analogues		
<i>nateglinide</i>	1B	QL(3 ea daily)
<i>repaglinide 0.5 MG, 1 MG</i>	1B	QL(4 ea daily)
<i>repaglinide 2 MG</i>	1B	QL(8 ea daily)
Sodium-Glucose Co-Transporter 2 (SGLT2) Inhibitors		
FARXIGA	2	QL(1 ea daily)
JARDIANCE	2	QL(1 ea daily)
Sulfonylureas		
<i>glimepiride 1 MG, 2 MG</i>	1B	QL(4 ea daily)
<i>glimepiride 4 MG</i>	1B	QL(2 ea daily)
<i>glipizide TABS 5 MG, 10 MG</i>	1B	QL(4 ea daily)
<i>glipizide TB24</i>	1B	QL(2 ea daily)
<i>glyburide micronized 1.5 MG, 3 MG, 6 MG</i>	1B	QL(4 ea daily)
<i>glyburide TABS</i>	1B	QL(4 ea daily)
<b>ANTIDIARRHEAL/PROBIOTIC AGENTS - Drugs to Treat Diarrhea</b>		
Antiperistaltic Agents		
<i>diphenoxylate w/ atropine LIQD</i>	1B	
<i>diphenoxylate w/ atropine TABS</i>	1B	
<i>loperamide hcl CAPS</i>	1B	RX/OTC
MOTOFEN	3	
<b>ANTIDOTES AND SPECIFIC ANTAGONISTS</b>		
Antidotes - Chelating Agents		

Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits
CHEMET	3	
<i>deferiasirox PACK</i>	4	PA
<i>deferiasirox TABS</i>	4	SP; PA
<i>deferiasirox TBSO</i>	4	SP; PA
<i>deferiprone TABS 500 MG</i>	1B	
Antidotes and Specific Antagonists		
VISTOGARD	4	PA
Opioid Antagonists		
<i>naloxone hcl LIQD</i>	1B	2 rti MAX fill; 30 rti day(s) supply; QL(2 ea per fill retail); RX/OTC
<i>naloxone hcl SOLN 0.4 MG/ML, 4 MG/10ML</i>	1B	
<i>naltrexone hcl</i>	1B	
<b>ANTIEMETICS - Drugs to Treat Nausea and Vomiting</b>		
5-HT3 Receptor Antagonists		
ANZEMET TABS 50 MG	3	QL(0.167 ea daily); PA
<i>granisetron hcl SOLN IV 1 MG/ML</i>	1B	
<i>granisetron hcl TABS</i>	1B	QL(0.34 ea daily)
<i>ondansetron hcl SOLN OR 4 MG/5ML</i>	1B	QL(3.34 ml daily)
<i>ondansetron hcl SOLN IJ 4 MG/2ML</i>	1B	
<i>ondansetron hcl SOSY</i>	1B	
<i>ondansetron hcl TABS 4 MG</i>	1B	QL(4 ea daily; 60 ea per fill retail; 60 per fill mail)
<i>ondansetron hcl TABS 8 MG</i>	1B	QL(3 ea daily; 45 ea per fill retail; 45 per fill mail)
<i>ondansetron hcl TABS 24 MG</i>	1B	QL(0.143 ea daily)

Ambetter Formulary Updated April 1, 2024

Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits
<i>ondansetron TBDP 4 MG</i>	1B	QL(1 ea daily)
<i>ondansetron TBDP 8 MG</i>	1B	
<i>palonosetron hcl SOLN</i>	1B	
<b>Antiemetics - Anticholinergic</b>		
<i>meclizine hcl TABS 12.5 MG</i>	1A	RX/OTC
<i>meclizine hcl TABS 25 MG</i>	1B	RX/OTC
<i>scopolamine</i>	1B	QL(0.34 ea daily)
<i>trimethobenzamide hcl CAPS</i>	1B	
<b>Antiemetics - Miscellaneous</b>		
AKYNZEO	3	PA
<i>doxylamine-pyridoxine TBEC</i>	1B	3 rtl MAX fill; 365 rtl day(s) supply; 3 mail MAX fill; QL(4 ea daily); PA
<i>dronabinol CAPS</i>	1B	
<b>Substance P/Neurokinin 1 (NK1) Receptor Antagonists</b>		
<i>aprepitant CAPS</i>	1B	PA
<i>aprepitant CAPS 80 MG</i>	1B	QL(0.134 ea daily)
<i>aprepitant CAPS 40 MG, 125 MG</i>	1B	QL(0.067 ea daily)
<i>aprepitant MISC</i>	1B	PA
VARUBI TBPK	3	PA
<b>ANTIFUNGALS - Drugs to Treat Fungal Infections</b>		
<b>Antifungal - Glucan Synthesis Inhibitors</b>		
<i>caspofungin acetate</i>	1B	
ERAXIS	3	
<i>micafungin sodium</i>	1B	PA
<b>Antifungals</b>		
ABELCET	3	
<i>amphotericin b IV</i>	3	
<i>amphotericin b liposome</i>	3	

Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits
<i>flucytosine</i>	1B	
<i>griseofulvin microsize SUSP</i>	1B	AL(At least 2 yrs old)
<i>griseofulvin microsize TABS</i>	1B	
<i>griseofulvin ultramicrosize</i>	1B	
<i>nystatin TABS</i>	1B	
<i>terbinafine hcl TABS</i>	1B	QL(1 ea daily)
<b>Imidazole-Related Antifungals</b>		
CRESEMBA CAPS 186 MG	3	PA
<i>fluconazole SUSP</i>	1B	
<i>fluconazole TABS</i>	1B	
<i>itraconazole CAPS</i>	1B	QL(4 ea daily); PA
<i>itraconazole SOLN</i>	1B	QL(20 ml daily); PA
<i>ketoconazole</i>	1B	
NOXAFIL SUSP ( <i>posaconazole</i> )	3	QL(20 ml daily)
<i>posaconazole SUSP</i>	1B	QL(20 ml daily)
TOLSURA CAPS	4	PA
<i>voriconazole TABS</i>	1B	QL(4 ea daily)
<b>ANTI-HISTAMINES - Drugs to Treat Allergies</b>		
<b>Antihistamines - Alkylamines</b>		
<i>dexchlorpheniramine maleate SOLN</i>	1B	
<b>Antihistamines - Ethanolamines</b>		
<i>carbinoxamine maleate SOLN</i>	1B	
<i>carbinoxamine maleate TABS 4 MG</i>	1B	
<i>clemastine fumarate SYRP</i>	1B	
<i>clemastine fumarate TABS 2.68 MG</i>	1B	
<i>diphenhydramine hcl CAPS 50 MG</i>	1A	

Ambetter Formulary Updated April 1, 2024

Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits
<i>diphenhydramine hcl ELIX 12.5 MG/5ML</i>	1B	
<i>diphenhydramine hcl LIQD 12.5 MG/5ML, 25 MG/10ML, 50 MG/20ML</i>	1B	QL(20 ml daily)
<i>diphenhydramine hcl SOLN 50 MG/ML</i>	1B	
<b>Antihistamines - Non-Sedating</b>		
<i>cetirizine hcl TABS</i>	1A	QL(1 ea daily)
<i>desloratadine TABS</i>	1B	QL(1 ea daily)
<i>desloratadine TBDP 2.5 MG</i>	1B	QL(1 ea daily)
<i>levocetirizine dihydrochloride SOLN</i>	1B	QL(10 ml daily); RX/OTC
<i>levocetirizine dihydrochloride TABS</i>	1B	QL(1 ea daily); RX/OTC
<i>loratadine CAPS</i>	1B	
<i>loratadine CHEW</i>	1B	
<i>loratadine SOLN</i>	1B	
<i>loratadine TABS</i>	1A	
<i>loratadine TBDP</i>	1B	
<i>QUZYTIR SOLN IV</i>	3	PA
<b>Antihistamines - Phenothiazines</b>		
<i>promethazine hcl SOLN 6.25 MG/5ML</i>	1B	
<i>promethazine hcl SUPP 50 MG</i>	1B	
<i>promethazine hcl SUPP 12.5 MG, 25 MG</i>	1B	QL(6 ea daily)
<i>promethazine hcl SYRP</i>	1B	
<i>promethazine hcl TABS</i>	1B	
<b>Antihistamines - Piperidines</b>		
<i>cyproheptadine hcl SYRP</i>	1B	
<i>cyproheptadine hcl TABS</i>	1B	
<b>ANTHYPERLIPIDEMICS - Drugs to Treat High Cholesterol</b>		
<b>Antihyperlipidemics - Combinations</b>		
<i>ezetimibe-simvastatin</i>	1B	QL(1 ea daily)

Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits
<b>Antihyperlipidemics - Misc.</b>		
<i>icosapent ethyl 1 GM</i>	1B	QL(4 ea daily); PA
<i>omega-3-acid ethyl esters</i>	1B	QL(4 ea daily)
<b>Bile Acid Sequestrants</b>		
<i>cholestyramine light PACK</i>	1B	QL(6 ea daily)
<i>cholestyramine light POWD</i>	1B	QL(24 gm daily)
<i>cholestyramine PACK</i>	1B	QL(6 ea daily)
<i>cholestyramine POWD</i>	1B	QL(25.2 gm daily)
<i>colesevelam hcl PACK</i>	1B	QL(1 ea daily); PA
<i>colesevelam hcl TABS</i>	1B	QL(7 ea daily)
<i>colestipol hcl GRAN</i>	1B	QL(6 gm daily)
<i>colestipol hcl PACK</i>	1B	QL(6 ea daily)
<i>colestipol hcl TABS</i>	1B	QL(16 ea daily)
<b>Fibric Acid Derivatives</b>		
<i>choline fenofibrate</i>	1B	QL(1 ea daily)
<i>fenofibrate micronized 67 MG, 134 MG, 200 MG</i>	1B	QL(1 ea daily)
<i>fenofibrate TABS 48 MG, 54 MG, 145 MG, 160 MG</i>	1B	QL(1 ea daily)
<i>gemfibrozil TABS</i>	1B	QL(2 ea daily)
<b>HMG CoA Reductase Inhibitors</b>		
<i>atorvastatin calcium TABS</i>	1B	QL(1 ea daily)
<i>fluvastatin sodium CAPS 40 MG</i>	1B	QL(2 ea daily)
<i>fluvastatin sodium CAPS 20 MG</i>	1B	QL(1 ea daily)
<i>lovastatin TABS 10 MG, 20 MG</i>	1B	\$0 copay for generic only, age 40 to 76; QL(1 ea daily); PV
<i>lovastatin TABS 40 MG</i>	1B	\$0 copay for generic only, age 40 to 76; QL(2 ea daily); PV

Ambetter Formulary Updated April 1, 2024

Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits
<i>pravastatin sodium</i>	1B	QL(1 ea daily)
<i>rosuvastatin calcium TABS</i>	3	QL(1 ea daily)
<i>simvastatin TABS</i>	1B	QL(1 ea daily)
Intestinal Cholesterol Absorption Inhibitors		
<i>ezetimibe</i>	1B	QL(1 ea daily)
Nicotinic Acid Derivatives		
<i>niacin (antihyperlipidemic) TBCR</i>	1B	QL(2 ea daily)
Proprotein Convertase Subtilisin/Kexin Type 9 Inhibitors		
REPATHA PUSHTRONEX SYSTEM SOCT	4	QL(0.25 ml daily); PA
REPATHA SURECLICK SOAJ	4	QL(0.0714 ml daily); PA
REPATHA SOSY	4	QL(0.0714 ml daily); PA
<b>ANTIHYPERTENSIVES - Drugs to Treat High Blood Pressure</b>		
ACE Inhibitors		
<i>benazepril hcl</i>	1B	
<i>captopril 25 MG, 50 MG, 100 MG</i>	1B	QL(3 ea daily)
<i>captopril 12.5 MG</i>	1B	
<i>enalapril maleate TABS</i>	1B	
<i>fosinopril sodium</i>	1B	
<i>lisinopril TABS 2.5 MG, 5 MG, 10 MG, 20 MG, 30 MG, 40 MG</i>	1B	
<i>moexipril hcl</i>	1B	QL(2 ea daily)
<i>perindopril erbumine 4 MG</i>	1B	
<i>perindopril erbumine 2 MG, 8 MG</i>	1B	QL(2 ea daily)
<i>quinapril hcl 5 MG, 10 MG</i>	1B	QL(2 ea daily)
<i>quinapril hcl 20 MG, 40 MG</i>	1B	
<i>ramipril CAPS</i>	1B	

Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits
<i>trandolapril 1 MG, 2 MG</i>	1B	QL(1 ea daily)
<i>trandolapril 4 MG</i>	1B	QL(2 ea daily)
Agents for Pheochromocytoma		
<i>phenoxybenzamine hcl</i>	3	PA
Angiotensin II Receptor Antagonists		
<i>candesartan cilexetil</i>	1B	QL(1 ea daily)
EDARBI	3	QL(1 ea daily); ST
<i>irbesartan</i>	1B	QL(1 ea daily)
<i>losartan potassium</i>	1B	QL(1 ea daily)
<i>olmesartan medoxomil</i>	1B	QL(1 ea daily)
<i>telmisartan</i>	1B	QL(1 ea daily)
<i>valsartan TABS</i>	1B	QL(1 ea daily)
Antiadrenergic Antihypertensives		
<i>clonidine</i>	3	QL(0.15 ea daily)
<i>clonidine hcl TABS</i>	1B	QL(8 ea daily)
<i>doxazosin mesylate</i>	1B	
<i>guanfacine hcl</i>	1B	
<i>methyldopa TABS</i>	1B	QL(6 ea daily)
<i>prazosin hcl CAPS</i>	1B	QL(4 ea daily)
<i>terazosin hcl</i>	1B	
Antihypertensive Combinations		
<i>amlodipine besylate-benazepril hcl</i>	1B	
<i>amlodipine besylate-olmesartan medoxomil</i>	1B	ST
<i>amlodipine besylate-valsartan</i>	1B	QL(1 ea daily)
<i>amlodipine-valsartan-hydrochlorothiazide</i>	3	
<i>atenolol &amp; chlorthalidone</i>	1B	
<i>benazepril &amp; hydrochlorothiazide 12.5 MG-20 MG, 6.25 MG-5 MG</i>	1B	

Ambetter Formulary Updated April 1, 2024

Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits	Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits
<i>benazepril &amp; hydrochlorothiazide 12.5 MG-10 MG, 25 MG-20 MG</i>	1B	QL(1 ea daily)	<i>quinapril-hydrochlorothiazide 25 MG-20 MG</i>	1B	QL(2 ea daily)
<i>bisoprolol &amp; hydrochlorothiazide</i>	1B	QL(2 ea daily)	<i>quinapril-hydrochlorothiazide 12.5 MG-10 MG</i>	1B	QL(3 ea daily)
<i>candesartan cilexetil-hydrochlorothiazide</i>	1B		<i>telmisartan-amlodipine</i>	1B	QL(1 ea daily)
<i>enalapril maleate &amp; hydrochlorothiazide 12.5 MG-5 MG</i>	1B	QL(2 ea daily)	<i>telmisartan-hydrochlorothiazide</i>	1B	QL(1 ea daily)
<i>enalapril maleate &amp; hydrochlorothiazide 25 MG-10 MG</i>	1B		<i>trandolapril-verapamil hcl 240 MG-2 MG, 240 MG-4 MG</i>	3	QL(1 ea daily)
<i>fosinopril sodium &amp; hydrochlorothiazide</i>	1B	QL(1 ea daily)	<i>trandolapril-verapamil hcl 180 MG-2 MG, 240 MG-1 MG</i>	3	
<i>irbesartan-hydrochlorothiazide</i>	1B		<i>valsartan-hydrochlorothiazide</i>	1B	QL(1 ea daily)
<i>lisinopril &amp; hydrochlorothiazide</i>	1B		<b>Antihypertensives - Misc.</b>		
<i>losartan potassium &amp; hydrochlorothiazide 12.5 MG-100 MG, 25 MG-100 MG</i>	1B	QL(1 ea daily)	<b>VECAMYL</b>	3	PA
<i>losartan potassium &amp; hydrochlorothiazide 12.5 MG-50 MG</i>	1B	QL(2 ea daily)	<b>Direct Renin Inhibitors</b>		
<i>metoprolol &amp; hydrochlorothiazide TABS 25 MG-100 MG, 50 MG-100 MG</i>	1B		<i>aliskiren fumarate</i>	1B	QL(1 ea daily)
<i>metoprolol &amp; hydrochlorothiazide TABS 25 MG-50 MG</i>	1B	QL(1 ea daily)	<b>Selective Aldosterone Receptor Antagonists (SARAs)</b>		
<i>olmesartan medoxomil-amlodipine-hydrochlorothiazide</i>	1B	ST	<i>eplerenone</i>	1B	
<i>olmesartan medoxomil-hydrochlorothiazide</i>	1B		<b>Vasodilators</b>		
<i>quinapril-hydrochlorothiazide 12.5 MG-20 MG</i>	1B	QL(4 ea daily)	<i>hydralazine hcl SOLN</i>	1B	
			<i>hydralazine hcl TABS</i>	1B	
			<i>minoxidil 2.5 MG, 10 MG</i>	1B	
			<b>ANTI-INFECTIVE AGENTS - MISC. - Drugs to Treat Bacterial Infections</b>		
			<b>Anti-infective Agents - Misc.</b>		
			<i>bacitracin</i>	3	
			<b>IMPAVIDO</b>	3	QL(3 ea daily); PA
			<i>metronidazole TABS</i>	1B	
			<i>trimethoprim TABS</i>	1B	

Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits
XIFAXAN 550 MG	3	QL(3 ea daily); AL(At least 12 yrs old); PA
XIFAXAN 200 MG	3	QL(3 ea daily; 9 ea per 3 days retail; 9 ea per 3 days mail); AL(At least 12 yrs old); PA
Anti-infective Misc. - Combinations		
<i>sulfamethoxazole-trimethoprim SOLN</i>	1B	
<i>sulfamethoxazole-trimethoprim SUSP</i>	1B	
<i>sulfamethoxazole-trimethoprim TABS</i>	1A	
Antiprotozoal Agents		
ALINIA SUSR	2	PA
<i>atovaquone</i>	1B	
<i>nitazoxanide TABS</i>	1B	PA
Carbapenems		
<i>ertapenem sodium IJ</i>	1B	
<i>imipenem-cilastatin IV</i>	1B	
<i>meropenem</i>	1B	
Chloramphenicols		
<i>chloramphenicol sodium succinate</i>	4	SP; PA
Cyclic Lipopeptides		
<i>daptomycin 500 MG</i>	1B	
Glycopeptides		
<i>vancomycin hcl CAPS</i>	1B	QL(4 ea daily; 40 ea per fill retail)
<i>vancomycin hcl SOLR OR 25 MG/ML, 50 MG/ML, 250 MG/5ML</i>	1B	QL(300 ml per fill retail)
<i>vancomycin hcl SOLR IV 1 GM, 10 GM, 500 MG, 1000 MG</i>	1B	
Leprostatics		

Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits
<i>dapsone</i>	1B	
Lincosamides		
<i>clindamycin hcl</i>	1B	
<i>clindamycin palmitate hydrochloride</i>	1B	
<i>clindamycin phosphate SOLN IJ 9 GM/60ML, 300 MG/2ML, 600 MG/4ML, 900 MG/6ML, 9000 MG/60ML</i>	1B	
<i>lincomycin hcl</i>	1B	
Monobactams		
<i>aztreonam 1 GM</i>	1B	
CAYSTON	4	QL(3 ml daily); PA
Oxazolidinones		
<i>linezolid SUSR</i>	1B	
<i>linezolid TABS</i>	1B	QL(2 ea daily); PA
SIVEXTRO TABS	3	PA
Polymyxins		
<i>polymyxin b sulfate SOLR</i>	1B	
Urinary Anti-infectives		
<i>fosfomicin tromethamine</i>	1B	
<i>methenamine hippurate</i>	1B	
<i>nitrofurantoin</i>	1B	
<i>nitrofurantoin macrocrystal 50 MG, 100 MG</i>	1B	
<i>nitrofurantoin monohyd macro</i>	1B	
<b>ANTIMALARIALS - Drugs to Treat Malaria (Parasitic Infections)</b>		
Antimalarial Combinations		

Ambetter Formulary Updated April 1, 2024



Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits
<i>atovaquone-proguanil hcl</i>	1B	Covered for malaria treatment only. Limit 1 fill every 180 days; 1 rtl MAX fill; 180 rtl day(s) supply; 1 mail MAX fill; QL(12 ea per fill retail; 12 per fill mail)
COARTEM	2	Covered for malaria treatment only. Limit 1 fill every 180 days; 1 rtl MAX fill; 180 rtl day(s) supply; 1 mail MAX fill; QL(24 ea per fill retail; 24 per fill mail)
<b>Antimalarials</b>		
<i>chloroquine phosphate TABS 500 MG</i>	1B	
<i>chloroquine phosphate TABS 250 MG</i>	1B	QL(3 ea daily)
<i>hydroxychloroquine sulfate 200 MG</i>	1B	QL(3 ea daily)
KRINTAFEL	3	QL(2 ea per 30 days retail)
<i>mefloquine hcl</i>	1B	Covered for malaria treatment only. Limit 1 fill every 180 days; 1 rtl MAX fill; 180 rtl day(s) supply; 1 mail MAX fill; QL(5 ea daily)
<i>primaquine phosphate TABS</i>	3	
<i>pyrimethamine</i>	1B	QL(3 ea daily); PA
<i>quinine sulfate CAPS 324 MG</i>	1B	PA
<b>ANTIMYASTHENIC/CHOLINERGIC AGENTS</b>		

Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits
<b>Antimyasthenic/Cholinergic Agents</b>		
FIRDAPSE	4	PA
<i>neostigmine methylsulfate SOSY</i>	3	PA
<i>pyridostigmine bromide SOLN OR</i>	1B	
<i>pyridostigmine bromide TABS 60 MG</i>	1B	
<i>pyridostigmine bromide TBCR</i>	1B	
<b>ANTIMYCOBACTERIAL AGENTS - Drugs to Treat Tuberculosis (Bacterial Infections)</b>		
<b>Antimycobacterial Agents</b>		
CAPASTAT SULFATE	3	
<i>cycloserine</i>	1B	QL(4 ea daily)
<i>ethambutol hcl TABS</i>	1B	
<i>isoniazid SOLN</i>	1B	
<i>isoniazid SYRP</i>	1B	
<i>isoniazid TABS</i>	1B	
PASER PACK	3	QL(3 ea daily)
PRIFTIN	3	
<i>pyrazinamide</i>	1B	
<i>rifabutin</i>	1B	PA
<i>rifampin CAPS</i>	1B	
<i>rifampin SOLR</i>	1B	
SIRTURO	3	PA
TRECTOR	3	QL(4 ea daily)
<b>ANTINEOPLASTICS AND ADJUNCTIVE THERAPIES - Drugs to Treat Cancer</b>		
<b>Alkylating Agents</b>		
<i>bendamustine hcl SOLR</i>	4	SP; PA
<i>busulfan SOLN</i>	4	SP; PA
<i>carboplatin SOLN 50 MG/5ML</i>	4	SP; PA
<i>carmustine</i>	4	SP; PA
<i>cisplatin SOLN 100 MG/100ML</i>	4	SP; PA

Ambetter Formulary Updated April 1, 2024

Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits	Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits
<i>cyclophosphamide CAPS</i>	1B	PA	<i>methotrexate sodium TABS 2.5 MG</i>	1B	SP
<i>cyclophosphamide SOLR IJ</i>	4		<i>nelarabine</i>	4	SP; PA
GLEOSTINE 40 MG, 100 MG	4	PA	<i>pemetrexed disodium SOLR 500 MG</i>	4	SP; PA
GLEOSTINE 10 MG	4	SP; PA	<i>pralatrexate 20 MG/ML</i>	4	SP; PA
<i>ifosfamide SOLN 1 GM/20ML</i>	4	SP; PA	TABLOID	4	SP; PA
<i>ifosfamide SOLR</i>	4	SP; PA	TREXALL TABS 5 MG, 7.5 MG, 10 MG, 15 MG	4	SP; PA
LEUKERAN	4	SP; PA	<b>Antineoplastic - Angiogenesis Inhibitors</b>		
<i>melphalan</i>	1B		INLYTA	4	QL(2 ea daily); SP; PA
<i>melphalan hcl</i>	1B		LENVIMA 10 MG DAILY DOSE	4	QL(1 ea daily); PA
MYLERAN TABS	4	SP; PA	LENVIMA 12MG DAILY DOSE	4	QL(3 ea daily); PA
<i>oxaliplatin SOLN 50 MG/10ML, 100 MG/20ML</i>	4	SP; PA	LENVIMA 14 MG DAILY DOSE	4	QL(2 ea daily); PA
TEMODAR SOLR	4		LENVIMA 18 MG DAILY DOSE	4	QL(3 ea daily); PA
<i>temozolomide CAPS</i>	4	SP; PA	LENVIMA 20 MG DAILY DOSE	4	QL(2 ea daily); PA
<i>thiotepa 15 MG</i>	4	SP; PA	LENVIMA 24 MG DAILY DOSE	4	QL(3 ea daily); PA
ZANOSAR	4	SP; PA	LENVIMA 4 MG DAILY DOSE	4	QL(1 ea daily); PA
<b>Antimetabolites</b>			LENVIMA 8 MG DAILY DOSE	4	QL(2 ea daily); PA
<i>azacitidine SUSR</i>	4	SP; PA	MVASI	4	PA
<i>capecitabine</i>	4	SP; PA	ZALTRAP 100 MG/4ML	4	SP; PA
<i>clofarabine</i>	4	SP; PA	ZIRABEV	4	PA
<i>cytarabine SOLN</i>	4	SP; PA	<b>Antineoplastic - Antibodies</b>		
<i>decitabine</i>	4	SP; PA	ADCETRIS	4	SP; PA
<i>floxuridine</i>	4	SP; PA	ARZERRA	4	SP; PA
<i>fludarabine phosphate SOLN</i>	4	SP; PA	RUXIENCE	4	PA
<i>fludarabine phosphate SOLR</i>	4	SP; PA	TRUXIMA	4	PA
<i>fluorouracil 500 MG/10ML</i>	4	SP; PA	YERVOY	4	SP; PA
<i>gemcitabine hcl SOLR 2 GM, 200 MG</i>	4	SP; PA	<b>Antineoplastic - Anti-HER2 Agents</b>		
<i>mercaptopurine TABS</i>	1B		KANJINTI	4	PA
<i>methotrexate sodium SOLN 50 MG/2ML, 250 MG/10ML</i>	1B				
<i>methotrexate sodium SOLR</i>	1B	SP			

Ambetter Formulary Updated April 1, 2024

Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits	Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits
OGIVRI	4	PA	ERLEADA 240 MG	4	QL(1 ea daily); PA
PERJETA	4	SP; PA	<i>exemestane</i>	4	QL(1 ea daily); SP
TRAZIMERA	4	PA	FIRMAGON	4	QL(0.143 ea daily); SP; PA
TUKYSA	4	PA	<i>flutamide</i>	4	QL(6 ea daily); SP; PA
<b>Antineoplastic - EGFR Inhibitors</b>			<i>fulvestrant SOSY</i>	4	QL(0.357 ml daily); SP; PA
ERBITUX	4	SP; PA	<i>letrozole</i>	1B	
<i>erlotinib hcl</i>	4	QL(1 ea daily); SP; PA	<i>leuprolide acetate KIT IJ 1 MG/0.2ML</i>	4	SP; PA
<i>gefitinib</i>	4	QL(2 ea daily); PA	LUPRON DEPOT (1-MONTH) KIT IM	4	QL(0.0358 ea daily); SP; PA
GILOTRIF	4	QL(1 ea daily); PA	LUPRON DEPOT (3-MONTH) KIT IM	4	SP; PA
IRESSA ( <i>gefitinib</i> )	4	QL(2 ea daily); PA	LUPRON DEPOT (4-MONTH) IM	4	QL(0.1339 ea daily); SP; PA
TAGRISSE 40 MG	4	QL(2 ea daily); PA	LUPRON DEPOT (6-MONTH) IM	4	QL(0.0089 ea daily); SP; PA
TAGRISSE 80 MG	4	QL(1 ea daily); PA	LYSODREN	4	SP; PA
VECTIBIX 100 MG/5ML	4	SP; PA	<i>megestrol acetate SUSP</i>	1B	
VIZIMPRO	4	QL(1 ea daily); PA	<i>megestrol acetate TABS</i>	1B	
<b>Antineoplastic - Hedgehog Pathway Inhibitors</b>			<i>nilutamide</i>	1B	QL(2 ea daily)
DAURISMO	4	PA	NUBEQA	4	QL(4 ea daily); PA
ERIVEDGE	4	QL(1 ea daily); SP; PA	<i>tamoxifen citrate TABS</i>	0	
ODOMZO	4	QL(1 ea daily); PA	<i>toremifene citrate</i>	1B	
<b>Antineoplastic - Hormonal and Related Agents</b>			TRELSTAR MIXJECT	4	SP; PA
<i>abiraterone acetate 250 MG</i>	4	QL(4 ea daily); SP; PA	XTANDI CAPS	4	QL(4 ea daily); SP; PA
<i>abiraterone acetate 500 MG</i>	4	QL(2 ea daily); PA	XTANDI TABS 80 MG	4	QL(2 ea daily); PA
<i>anastrozole</i>	1B	QL(1 ea daily)	XTANDI TABS 40 MG	4	QL(4 ea daily); PA
<i>bicalutamide</i>	4	QL(1 ea daily); SP; PA	YONSA	4	QL(4 ea daily); PA
ELIGARD SC 22.5 MG, 30 MG, 45 MG	4	SP; PA	ZOLADEX 10.8 MG	4	QL(0.0119 ea daily); SP; PA
ELIGARD KIT SC 7.5 MG	4	QL(0.0089 ea daily); SP; PA	ZOLADEX 3.6 MG	4	QL(0.0357 ea daily); SP; PA
EMCYT	4	SP; PA	<b>Antineoplastic - Immunomodulators</b>		
ERLEADA 60 MG	4	QL(4 ea daily); PA			

Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits	Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits
POMALYST	4	QL(1 ea daily); PA	BALVERSA	4	PA
Antineoplastic - PDGFR-alpha Inhibitors			<i>bortezomib SOLR IJ</i>	4	SP; PA
AYVAKIT	4	QL(1 ea daily); PA	BORTEZOMIB SOLR IV 3.5 MG	4	PA
Antineoplastic - XPO1 Inhibitors			BOSULIF TABS 400 MG	4	QL(1 ea daily); PA
XPOVIO	4	PA	BOSULIF TABS 100 MG, 500 MG	4	QL(1 ea daily); SP; PA
XPOVIO 60 MG TWICE WEEKLY	4	PA	BRAFTOVI 75 MG	4	SP; PA
XPOVIO 80 MG TWICE WEEKLY	4	PA	BRUKINSA	4	PA
Antineoplastic Antibiotics			CABOMETYX TABS	4	QL(1 ea daily); PA
<i>bleomycin sulfate 15 UNIT</i>	4	SP; PA	CALQUENCE	4	QL(2 ea daily); PA
<i>dactinomycin</i>	4	SP; PA	CALQUENCE	4	QL(2 ea daily); PA
<i>doxorubicin hcl liposomal</i>	4	SP; PA	CAPRELSA	4	QL(1 ea daily); SP; PA
<i>doxorubicin hcl SOLN</i>	4	SP; PA	COMETRIQ KIT	4	QL(4 ea daily); SP; PA
<i>doxorubicin hcl SOLR 10 MG, 50 MG</i>	4	SP; PA	COMETRIQ KIT	4	QL(2 ea daily); SP; PA
<i>idarubicin hcl 20 MG/20ML</i>	4	PA	COMETRIQ KIT	4	QL(3 ea daily); SP; PA
<i>idarubicin hcl 5 MG/5ML, 10 MG/10ML</i>	4	SP; PA	COPIKTRA	4	PA
<i>mitomycin SOLR IV 20 MG</i>	4	SP; PA	<i>everolimus TABS</i>	4	QL(1 ea daily); SP; PA
<i>mitoxantrone hcl 2 MG/ML</i>	4	SP; PA	IBRANCE CAPS	4	QL(1 ea daily); PA
<i>valrubicin</i>	4	SP; PA	IBRANCE TABS	4	QL(1 ea daily); PA
Antineoplastic Combinations			ICLUSIG	4	QL(1 ea daily); PA
KISQALI FEMARA 200 DOSE	4	QL(2 ea daily); PA	<i>imatinib mesylate</i>	4	QL(2 ea daily); SP; PA
KISQALI FEMARA 400 DOSE	4	QL(2.5 ea daily); PA	IMBRUVICA CAPS 140 MG	4	QL(3 ea daily); PA
KISQALI FEMARA 600 DOSE	4	QL(3.25 ea daily); PA	IMBRUVICA CAPS 70 MG	4	QL(1 ea daily); PA
Antineoplastic Enzyme Inhibitors			IMBRUVICA SUSP	4	QL(8 ml daily); PA
ALECENSA	4	QL(4 ea daily); PA	IMBRUVICA TABS	4	QL(1 ea daily); PA
ALUNBRIG TABS	4	QL(1 ea daily); PA	INREBIC	4	PA
ALUNBRIG TBPK	4	QL(1 ea daily); PA	JAKAFI	4	QL(2 ea daily); SP; PA

Ambetter Formulary Updated April 1, 2024

Drug Name	Drug Tier	Requirements/ Limits	Drug Name	Drug Tier	Requirements/ Limits
KISQALI	4	QL(2.5 ea daily); PA	TAFINLAR CAPS	4	QL(4 ea daily); PA
KISQALI	4	QL(2 ea daily); PA	TAFINLAR TBSO	4	PA
KOSELUGO	4	PA	TALZENNA 0.25 MG, 0.5 MG, 0.75 MG, 1 MG	4	QL(1 ea daily); PA
KYPROLIS	4	PA	TASIGNA 50 MG	4	QL(4 ea daily); PA
<i>lapatinib ditosylate</i>	4	QL(6 ea daily); SP; PA	TASIGNA 150 MG, 200 MG	4	QL(4 ea daily); SP; PA
LORBRENA	4	QL(1 ea daily); PA	TAZVERIK	4	PA
LYNPARZA TABS	4	QL(4 ea daily); PA	<i>temsirolimus</i>	4	QL(0.143 ml daily); SP; PA
MEKINIST SOLR	4	PA	TIBSOVO	4	PA
MEKINIST TABS 2 MG	4	QL(1 ea daily); PA	TURALIO	4	PA
MEKINIST TABS 0.5 MG	4	QL(3 ea daily); PA	VERZENIO	4	QL(2 ea daily); PA
MEKTOVI	4	SP; PA	VITRAKVI CAPS	4	PA
NINLARO	4	QL(0.143 ea daily); PA	VITRAKVI SOLN	4	PA
<i>pazopanib hcl</i>	4	QL(4 ea daily); SP; PA	VOTRIENT ( <i>pazopanib hcl</i> )	4	QL(4 ea daily); SP; PA
PEMAZYRE	4	QL(1 ea daily); PA	XALKORI CAPS	4	QL(2 ea daily); SP; PA
PIQRAY 200MG DAILY DOSE	4	PA	XOSPATA	4	PA
PIQRAY 250MG DAILY DOSE	4	PA	ZEJULA CAPS	4	QL(3 ea daily); PA
PIQRAY 300MG DAILY DOSE	4	PA	ZEJULA TABS 100 MG	4	QL(3 ea daily); PA
QINLOCK	4	PA	ZEJULA TABS 200 MG, 300 MG	4	QL(1 ea daily); PA
RETEVMO	4	PA	ZELBORAF	4	SP; PA
<i>romidepsin SOLR</i>	4	SP; PA	ZOLINZA	4	QL(4 ea daily); SP; PA
ROZLYTREK CAPS	4	PA	ZYDELIG	4	QL(2 ea daily); PA
RUBRACA	4	QL(4 ea daily); PA	Antineoplastic Enzymes		
<i>sorafenib tosylate</i>	4	QL(4 ea daily); SP; PA	ONCASPAR	4	SP; PA
SPRYCEL	4	QL(1 ea daily); SP; PA	Antineoplastics Misc.		
STIVARGA	4	QL(4 ea daily); SP; PA	ACTIMMUNE	4	SP; PA
<i>sunitinib malate 12.5 MG, 25 MG, 50 MG</i>	4	QL(1 ea daily); SP; PA	<i>arsenic trioxide 10 MG/10ML</i>	4	SP; PA
TABRECTA	4	PA	<i>bexarotene</i>	4	SP; PA

Ambetter Formulary Updated April 1, 2024

Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits
<i>dacarbazine SOLR 200 MG</i>	4	SP; PA
<i>hydroxyurea</i>	1B	
INTRON A SOLR 18000000 UNIT	4	SP
MATULANE	4	SP; PA
NIPENT	4	SP; PA
PHOTOFRIN	4	SP; PA
PROLEUKIN	4	SP; PA
SYNRIBO	4	SP; PA
<i>tretinoin (chemotherapy)</i>	1B	
UVADEX	4	SP; PA
Chemotherapy Adjuncts		
KEPIVANCE 6.25 MG	4	SP; PA
Chemotherapy Rescue/Antidote/Protective Agents		
<i>leucovorin calcium SOLR</i>	1B	
<i>leucovorin calcium TABS</i>	1B	
VORAXAZE	4	SP; PA
Mitotic Inhibitors		
<i>docetaxel CONC 20 MG/ML</i>	4	SP; PA
<i>docetaxel SOLN 20 MG/2ML</i>	4	SP; PA
ETOPOPHOS	4	SP; PA
<i>etoposide CAPS</i>	4	SP; PA
<i>etoposide SOLN 1 GM/50ML, 100 MG/5ML, 500 MG/25ML</i>	4	PA
HALAVEN	4	SP; PA
IXEMPRA KIT 15 MG	4	SP; PA
JEVTANA	4	SP; PA
<i>paclitaxel 6 MG/ML, 100 MG/16.7ML, 150 MG/25ML</i>	4	SP; PA
<i>paclitaxel protein-bound particles</i>	4	SP; PA
<i>vincristine sulfate</i>	4	SP; PA

Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits
<i>vinorelbine tartrate 10 MG/ML</i>	4	SP; PA
Topoisomerase I Inhibitors		
HYCAMTIN CAPS	4	SP; PA
<i>irinotecan hcl 40 MG/2ML, 100 MG/5ML</i>	4	SP; PA
<i>topotecan hcl SOLN</i>	4	
<i>topotecan hcl SOLR</i>	4	
<b>ANTIPARKINSON AND RELATED THERAPY AGENTS - Drugs to Treat Parkinson's Disease</b>		
Antiparkinson Adjunctive Therapy		
<i>carbidopa</i>	1B	
Antiparkinson Anticholinergics		
<i>benztropine mesylate SOLN</i>	1B	
<i>benztropine mesylate TABS</i>	1B	
<i>trihexyphenidyl hcl SOLN</i>	1B	
<i>trihexyphenidyl hcl TABS</i>	1B	
Antiparkinson COMT Inhibitors		
<i>entacapone</i>	1B	QL(8 ea daily)
<i>tolcapone</i>	1B	
Antiparkinson Dopaminergics		
<i>amantadine hcl CAPS</i>	1B	
<i>amantadine hcl SOLN</i>	1B	
<i>amantadine hcl TABS</i>	1B	
<i>apomorphine hydrochloride SOCT</i>	4	PA
<i>bromocriptine mesylate CAPS</i>	1B	
<i>bromocriptine mesylate TABS 2.5 MG</i>	1B	
<i>carbidopa-levodopa-entacapone</i>	1B	
<i>carbidopa-levodopa TABS</i>	1B	
<i>carbidopa-levodopa TBCR</i>	1B	

Ambetter Formulary Updated April 1, 2024

Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits
<i>carbidopa-levodopa TBDP</i>	1B	
NEUPRO	2	
<i>pramipexole dihydrochloride TABS 0.25 MG, 0.5 MG, 0.75 MG, 1 MG, 1.5 MG</i>	1B	
<i>pramipexole dihydrochloride TABS 0.125 MG</i>	1B	QL(4 ea daily)
<i>ropinirole hydrochloride TABS</i>	1B	
<i>ropinirole hydrochloride TB24 2 MG, 4 MG, 6 MG</i>	1B	QL(1 ea daily); ST
<i>ropinirole hydrochloride TB24 8 MG, 12 MG</i>	1B	QL(2 ea daily); ST
<b>Antiparkinson Monoamine Oxidase Inhibitors</b>		
<i>rasagiline mesylate</i>	1B	QL(1 ea daily); PA
<i>selegiline hcl CAPS</i>	1B	
<i>selegiline hcl TABS</i>	1B	
<b>ANTIPSYCHOTICS/ANTIMANIC AGENTS - Drugs to Treat Mood Disorders</b>		
<b>Antimanic Agents</b>		
<i>lithium</i>	1B	
LITHIUM	1B	
<i>lithium carbonate CAPS</i>	1B	
<i>lithium carbonate TABS</i>	1B	
<i>lithium carbonate TBCR</i>	1B	
<b>Antipsychotics - Misc.</b>		
EQUETRO 300 MG	3	QL(4 ea daily); ST
EQUETRO 100 MG	3	QL(2 ea daily); ST
EQUETRO 200 MG	3	QL(8 ea daily); ST
<i>lurasidone hcl 80 MG</i>	1B	QL(2 ea daily)
<i>lurasidone hcl 20 MG, 40 MG, 60 MG, 120 MG</i>	1B	QL(1 ea daily)

Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits
<i>ziprasidone hcl</i>	1B	QL(2 ea daily); AL(At least 18 yrs old)
<b>Benzisoxazoles</b>		
FANAPT	2	QL(2 ea daily); PA
FANAPT TITRATION PACK	2	PA
<i>paliperidone 6 MG</i>	1B	QL(2 ea daily)
<i>paliperidone 1.5 MG, 3 MG, 9 MG</i>	1B	QL(1 ea daily)
PERSERIS PRSY	2	QL(0.072 ea daily); PA
RISPERDAL CONSTA ( <i>risperidone microspheres</i> )	2	QL(0.072 ea daily); PA
<i>risperidone microspheres</i>	1B	QL(0.072 ea daily); PA
<i>risperidone SOLN</i>	1B	QL(8 ml daily)
<i>risperidone TABS</i>	1B	QL(4 ea daily)
<i>risperidone TBDP</i>	1B	QL(4 ea daily)
<b>Butyrophenones</b>		
<i>haloperidol decanoate</i>	1B	QL(0.036 ml daily)
<i>haloperidol lactate CONC</i>	1B	
<i>haloperidol lactate SOLN</i>	1B	
<i>haloperidol TABS</i>	1B	
<b>Dibenzapines</b>		
<i>asenapine maleate 5 MG, 10 MG</i>	1B	QL(2 ea daily); PA
<i>asenapine maleate 2.5 MG</i>	1B	QL(4 ea daily); PA
<i>clozapine TABS</i>	1B	
<i>clozapine TBDP 12.5 MG, 150 MG</i>	1B	QL(6 ea daily)
<i>clozapine TBDP 25 MG</i>	1B	QL(3 ea daily)
<i>clozapine TBDP 100 MG</i>	1B	QL(9 ea daily)
<i>loxapine succinate</i>	1B	
<i>olanzapine SOLR</i>	1B	QL(0.215 ea daily)

Drug Name	Drug Tier	Requirements/ Limits
<i>olanzapine TABS 2.5 MG, 5 MG</i>	1B	QL(4 ea daily)
<i>olanzapine TABS 7.5 MG, 10 MG, 15 MG, 20 MG</i>	1B	QL(2 ea daily)
<i>olanzapine TBDP 20 MG</i>	1B	QL(1 ea daily)
<i>olanzapine TBDP 5 MG, 10 MG, 15 MG</i>	1B	QL(2 ea daily)
<i>quetiapine fumarate TABS 300 MG, 400 MG</i>	1B	QL(2 ea daily); AL(At least 10 yrs old)
<i>quetiapine fumarate TABS 25 MG, 50 MG, 100 MG, 200 MG</i>	1B	QL(4 ea daily); AL(At least 10 yrs old)
<i>quetiapine fumarate TB24 300 MG, 400 MG</i>	1B	QL(2 ea daily)
<i>quetiapine fumarate TB24 50 MG, 150 MG, 200 MG</i>	1B	QL(1 ea daily)
<b>Phenothiazines</b>		
<i>chlorpromazine hcl SOLN</i>	3	
<i>chlorpromazine hcl TABS</i>	1B	
<i>fluphenazine hcl CONC</i>	1B	
<i>fluphenazine hcl ELIX</i>	1B	
<i>fluphenazine hcl SOLN</i>	1B	
<i>fluphenazine hcl TABS</i>	1B	
<i>perphenazine TABS</i>	1B	
<i>prochlorperazine</i>	1B	
<i>prochlorperazine maleate TABS</i>	1B	
<i>thioridazine hcl</i>	1B	
<i>trifluoperazine hcl TABS</i>	1B	
<b>Quinolinone Derivatives</b>		
<i>aripiprazole SOLN OR</i>	1B	QL(30 ml daily); AL(At least 6 yrs old)
<i>aripiprazole TABS</i>	1B	QL(1 ea daily); AL(At least 6 yrs old)
REXULTI	3	PA
<b>Thioxanthenes</b>		
<i>thiothixene</i>	1B	

Drug Name	Drug Tier	Requirements/ Limits
<b>ANTIVIRALS - Drugs to Treat Viral Infections</b>		
<b>Antiretrovirals</b>		
<i>abacavir sulfate-lamivudine</i>	1B	QL(1 ea daily)
<i>abacavir sulfate SOLN</i>	1B	QL(32 ml daily)
<i>abacavir sulfate TABS</i>	1B	QL(2 ea daily)
APTIVUS CAPS	3	QL(4 ea daily)
<i>atazanavir sulfate CAPS 200 MG</i>	1B	QL(2 ea daily)
<i>atazanavir sulfate CAPS 150 MG, 300 MG</i>	1B	QL(1 ea daily)
BIKTARVY	3	QL(1 ea daily)
CIMDUO	3	QL(1 ea daily); ST
COMPLERA	3	QL(1 ea daily)
<i>darunavir TABS</i>	1B	
DELSTRIGO	3	QL(1 ea daily)
DOVATO	3	QL(1 ea daily)
EDURANT	3	QL(1 ea daily)
<i>efavirenz CAPS 200 MG</i>	1B	QL(2 ea daily)
<i>efavirenz CAPS 50 MG</i>	1B	QL(3 ea daily)
<i>efavirenz-emtricitabine-tenofovir disoproxil fumarate</i>	1B	QL(1 ea daily)
<i>efavirenz-lamivudine-tenofovir disoproxil fumarate</i>	1B	QL(1 ea daily)
<i>efavirenz TABS</i>	1B	QL(1 ea daily)
<i>emtricitabine CAPS</i>	1B	QL(1 ea daily)
<i>emtricitabine-tenofovir disoproxil fumarate 100 MG-150 MG, 133 MG-200 MG, 167 MG-250 MG</i>	1B	QL(1 ea daily)
<i>emtricitabine-tenofovir disoproxil fumarate 200 MG-300 MG</i>	0	QL(1 ea daily)
EMTRIVA SOLN	3	QL(24 ml daily)
<i>etravirine 200 MG</i>	1B	QL(2 ea daily)
<i>etravirine 100 MG</i>	1B	QL(4 ea daily)
EVOTAZ	3	QL(1 ea daily)

Ambetter Formulary Updated April 1, 2024



Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits	Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits
<i>fosamprenavir calcium TABS</i>	1B	QL(4 ea daily)	SELZENTRY TABS 25 MG, 75 MG	3	QL(2 ea daily)
FUZEON SOLR	4	SP; PA	<i>stavudine CAPS</i>	1B	QL(2 ea daily)
GENVOYA	3	QL(1 ea daily)	STRIBILD	3	QL(1 ea daily)
INTELENCE 25 MG	3	QL(8 ea daily)	<i>tenofovir disoproxil fumarate TABS</i>	1B	
ISENTRESS HD TABS	3	QL(2 ea daily)	TIVICAY TABS	3	QL(2 ea daily)
ISENTRESS CHEW	3	QL(6 ea daily)	TRIUMEQ TABS	3	QL(1 ea daily)
ISENTRESS TABS	3	QL(2 ea daily)	TRIZIVIR	3	QL(2 ea daily)
JULUCA	3	QL(1 ea daily)	TYBOST	3	QL(1 ea daily)
<i>lamivudine SOLN</i>	1B	QL(30 ml daily)	VIRACEPT TABS 625 MG	3	QL(4 ea daily)
<i>lamivudine TABS 300 MG</i>	1B	QL(1 ea daily)	VIRACEPT TABS 250 MG	3	QL(10 ea daily)
<i>lamivudine TABS 150 MG</i>	1B	QL(2 ea daily)	VIREAD POWD	3	QL(7.5 gm daily)
<i>lamivudine-zidovudine</i>	1B	QL(2 ea daily)	VIREAD TABS 150 MG, 200 MG, 250 MG	3	QL(1 ea daily)
LEXIVA SUSP	3	QL(56 ml daily)	<i>zidovudine CAPS</i>	1B	QL(6 ea daily)
<i>lopinavir-ritonavir SOLN</i>	1B	QL(12.5 ml daily)	<i>zidovudine SYRP</i>	1B	QL(60 ml daily)
<i>lopinavir-ritonavir TABS</i>	1B	QL(4 ea daily)	<i>zidovudine TABS</i>	1B	QL(2 ea daily)
<i>maraviroc TABS 150 MG</i>	1B	QL(2 ea daily)	<b>CMV Agents</b>		
<i>maraviroc TABS 300 MG</i>	1B	QL(4 ea daily)	<i>cidofovir</i>	3	
<i>nevirapine SUSP</i>	1B	QL(40 ml daily)	<i>ganciclovir sodium SOLR</i>	1B	
<i>nevirapine TABS</i>	1B	QL(2 ea daily)	<i>valganciclovir hcl TABS</i>	1B	QL(4 ea daily); PA
<i>nevirapine TB24 100 MG</i>	1B	QL(3 ea daily)	<b>Hepatitis Agents</b>		
<i>nevirapine TB24 400 MG</i>	1B	QL(1 ea daily)	<i>adefovir dipivoxil</i>	4	QL(1 ea daily); SP
NORVIR PACK	3	QL(12 ea daily)	BARACLUDGE SOLN	4	QL(20 ml daily); SP; PA
NORVIR SOLN	3	QL(15 ml daily)	<i>entecavir TABS</i>	4	QL(1 ea daily); SP
ODEFSEY	3	QL(1 ea daily)	EPIVIR HBV SOLN	4	QL(60 ml daily); SP; PA
PIFELTRO	3	QL(1 ea daily)	<i>lamivudine (hbv) TABS</i>	1B	QL(3 ea daily); SP
PREZCOBIX	3	QL(1 ea daily)	PEGASYS SOLN	4	QL(0.0714 ml daily); SP; PA
PREZISTA SUSP	3	QL(12 ml daily)	PEGASYS SOSY	4	QL(0.072 ml daily); PA
PREZISTA TABS 75 MG, 150 MG	3	QL(2 ea daily)	<i>ribavirin (hepatitis c) CAPS</i>	1B	QL(7 ea daily)
PREZISTA TABS ( <i>darunavir</i> )	3				
RETROVIR IV INFUSION SOLN	3				
<i>ritonavir TABS</i>	1B	QL(12 ea daily)			
RUKOBIA	4	PA			
SELZENTRY SOLN	3	QL(30 ml daily)			

Ambetter Formulary Updated April 1, 2024

Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits
<i>ribavirin (hepatitis c) TABS 200 MG</i>	1B	QL(7 ea daily)
SOFOSBUVIR/VELPATA SVIR TABS	1B	QL(1 ea daily); PA
SOVALDI TABS 200 MG	4	QL(1 ea daily); PA
SOVALDI TABS 400 MG	4	QL(1 ea daily); SP; PA
<b>Herpes Agents</b>		
<i>acyclovir CAPS</i>	1A	QL(5 ea daily; 50 ea per fill retail; 50 per fill mail)
<i>acyclovir SUSP</i>	1B	QL(13.34 ml daily)
<i>acyclovir TABS OR</i>	1B	QL(5 ea daily)
<i>famciclovir 125 MG, 250 MG</i>	1B	QL(3 ea daily)
<i>famciclovir 500 MG</i>	1B	QL(4 ea daily)
<i>valacyclovir hcl 1 GM, 1000 MG</i>	1B	QL(4 ea daily)
<i>valacyclovir hcl 500 MG</i>	1B	QL(2 ea daily)
<b>Influenza Agents</b>		
<i>oseltamivir phosphate CAPS</i>	1B	Limit 1 fill every 90 days.; 1 rtl MAX fill; 90 rtl day(s) supply; 1 mail MAX fill; QL(10 ea per fill retail; 10 per fill mail)
<i>oseltamivir phosphate SUSR</i>	1B	Limit 1 fill every 90 days.; 1 rtl MAX fill; 90 rtl day(s) supply; QL(125 ml per fill retail)
RELENZA DISKHALER	2	1 rtl pack lmt amt; 30 rtl pack lmt day(s)
<i>rimantadine hydrochloride TABS</i>	1B	QL(2 ea daily)
<b>BETA BLOCKERS - Drugs to Treat High Blood Pressure</b>		

Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits
<b>Alpha-Beta Blockers</b>		
<i>carvedilol</i>	1B	
<i>carvedilol phosphate</i>	3	QL(1 ea daily)
<i>labetalol hcl SOLN</i>	1B	
<i>labetalol hcl TABS 300 MG</i>	1B	QL(8 ea daily)
<i>labetalol hcl TABS 100 MG, 200 MG</i>	1B	
<b>Beta Blockers Cardio-Selective</b>		
<i>acebutolol hcl CAPS</i>	1B	
<i>atenolol TABS</i>	1B	
<i>betaxolol hcl</i>	1B	
<i>bisoprolol fumarate</i>	1B	
<i>metoprolol succinate TB24 200 MG</i>	1B	QL(2 ea daily)
<i>metoprolol succinate TB24 25 MG, 50 MG, 100 MG</i>	1B	
<i>metoprolol tartrate SOLN IV 5 MG/5ML</i>	1B	
<i>metoprolol tartrate TABS 25 MG, 50 MG, 100 MG</i>	1B	
<i>nebivolol hcl 20 MG</i>	3	QL(2 ea daily)
<i>nebivolol hcl 2.5 MG, 5 MG, 10 MG</i>	3	QL(1 ea daily)
<b>Beta Blockers Non-Selective</b>		
HEMANGEOL SOLN OR	4	QL(75 ml daily); PA
<i>nadolol TABS 80 MG</i>	1B	
<i>nadolol TABS 40 MG</i>	1B	QL(6 ea daily)
<i>nadolol TABS 20 MG</i>	1B	QL(3 ea daily)
<i>pindolol TABS</i>	1B	
<i>propranolol hcl CP24</i>	1B	QL(2 ea daily)
<i>propranolol hcl SOLN OR 20 MG/5ML, 40 MG/5ML</i>	1B	
<i>propranolol hcl TABS</i>	1B	
<i>sotalol hcl (afib/af)</i>	1B	
<i>sotalol hcl TABS 80 MG, 120 MG, 160 MG</i>	1B	QL(2 ea daily)

Ambetter Formulary Updated April 1, 2024

Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits	Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits
<i>sotalol hcl TABS 240 MG</i>	1B		<i>verapamil hcl CP24 100 MG, 200 MG, 300 MG</i>	1B	
<i>timolol maleate TABS</i>	1B		<i>verapamil hcl SOLN 2.5 MG/ML</i>	1B	
<b>CALCIUM CHANNEL BLOCKERS - Drugs to Treat High Blood Pressure</b>			<b>CARDIOTONICS - Drugs to Treat Heart Failure and Abnormal Heart Rhythm</b>		
Calcium Channel Blockers			Cardiac Glycosides		
<i>amlodipine besylate TABS</i>	1B		<i>digoxin SOLN OR 0.05 MG/ML</i>	1B	
<i>diltiazem hcl coated beads CP24 180 MG, 240 MG</i>	1B	QL(2 ea daily)	<i>digoxin TABS 0.0625 MG, 0.125 MG, 0.25 MG, 62.5 MCG, 125 MCG, 250 MCG</i>	1B	
<i>diltiazem hcl coated beads CP24 120 MG, 300 MG, 360 MG</i>	1B		LANOXIN SOLN IJ ( <i>digoxin</i> )	2	
<i>diltiazem hcl extended release beads 120 MG, 180 MG, 240 MG, 300 MG, 360 MG</i>	1B		LANOXIN TABS 62.5 MCG, 125 MCG, 250 MCG ( <i>digoxin</i> )	2	
<i>diltiazem hcl CP12</i>	1B	QL(2 ea daily)	<b>CARDIOVASCULAR AGENTS - MISC. - Drugs to Treat Heart and Circulation Conditions</b>		
<i>diltiazem hcl CP24</i>	1B		Cardiovascular Agents Misc. - Combinations		
<i>diltiazem hcl SOLN 50 MG/10ML</i>	1B		<i>amlodipine besylate-atorvastatin calcium</i>	1B	QL(1 ea daily)
DILTIAZEM HCL SOLR	1B		<i>isosorbide dinitrate-hydralazine hcl</i>	1B	
<i>diltiazem hcl TABS</i>	1B		<b>Impotence Agents</b>		
<i>diltiazem hcl TB24</i>	1B		<i>sildenafil citrate</i>	1B	QL(0.1334 ea daily); PA
<i>felodipine</i>	1B		STENDRA	3	QL(0.134 ea daily)
<i>isradipine CAPS</i>	1B		<i>tadalafil 5 MG</i>	1B	BPH Only; QL(1 ea daily); PA
<i>nicardipine hcl CAPS</i>	1B		<b>Prostaglandin Vasodilators</b>		
<i>nicardipine hcl SOLN</i>	1B		<i>epoprostenol sodium</i>	4	PA
<i>nifedipine CAPS 20 MG</i>	1B	QL(9 ea daily)	ORENITRAM TBCR	4	PA
<i>nifedipine CAPS 10 MG</i>	1B		<i>treprostinil SOLN IJ</i>	4	SP; PA
<i>nifedipine TB24 60 MG</i>	1B	QL(2 ea daily)			
<i>nifedipine TB24</i>	1B				
<i>nifedipine TB24 90 MG</i>	1B	QL(1 ea daily)			
<i>nimodipine CAPS</i>	1B				
<i>nisoldipine 8.5 MG, 17 MG, 20 MG, 30 MG, 34 MG, 40 MG</i>	1B				
<i>verapamil hcl CP24 120 MG, 180 MG, 240 MG, 360 MG</i>	1B	QL(1 ea daily)			

Ambetter Formulary Updated April 1, 2024

Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits
TYVASO REFILL SOLN IN	4	PA
TYVASO STARTER SOLN IN	4	PA
TYVASO SOLN IN	4	PA
Pulmonary Hypertension - Endothelin Receptor Antagonists		
<i>ambrisentan</i>	4	QL(1 ea daily); SP; PA
<i>bosentan TABS 62.5 MG</i>	4	QL(2 ea daily); PA
<i>bosentan TABS 125 MG</i>	4	QL(2 ea daily); SP; PA
OPSUMIT	4	QL(1 ea daily); PA
TRACLEER TBSO	4	QL(2 ea daily); SP; PA
Pulmonary Hypertension - Phosphodiesterase Inhibitors		
<i>sildenafil citrate (pulmonary hypertension) SOLN</i>	4	QL(37.5 ml daily); SP; PA
<i>sildenafil citrate (pulmonary hypertension) SUSR</i>	4	QL(6 ml daily); PA
<i>sildenafil citrate (pulmonary hypertension) TABS</i>	4	QL(3 ea daily); SP; PA
<i>tadalafil (pulmonary hypertension) TABS</i>	4	QL(2 ea daily); SP; PA
Pulmonary Hypertension - Prostacyclin Receptor Agonist		
UPTRAVI TITRATION PACK TBPK	4	1 rtl MAX fill; 180 rtl day(s) supply; PA
UPTRAVI TABS 200 MCG	4	PA
UPTRAVI TABS 400 MCG, 600 MCG, 800 MCG, 1000 MCG, 1200 MCG, 1400 MCG, 1600 MCG	4	QL(2 ea daily); PA
Pulmonary Hypertension - Sol Guanylate Cyclase		

Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits
Stimulator		
ADEMPAS	4	QL(3 ea daily); PA
Sinus Node Inhibitors		
CORLANOR SOLN	3	QL(15 ml daily); PA
CORLANOR TABS	3	QL(2 ea daily); PA
Transthyretin Stabilizers		
VYNDAMAX	4	QL(1 ea daily); PA
VYNDAQEL	4	QL(4 ea daily); PA
CEPHALOSPORINS - Drugs to Treat Bacterial Infections		
Cephalosporins - 1st Generation		
<i>cefadroxil CAPS</i>	1B	
<i>cefadroxil SUSR</i>	1B	
<i>cefadroxil TABS</i>	1B	
<i>cefazolin sodium SOLR IJ 1 GM, 10 GM, 500 MG</i>	1B	
<i>cephalexin CAPS</i>	1B	
<i>cephalexin SUSR</i>	1B	
Cephalosporins - 2nd Generation		
<i>cefaclor CAPS</i>	1B	
<i>cefaclor SUSR 125 MG/5ML, 250 MG/5ML, 375 MG/5ML</i>	1B	
<i>cefotetan disodium IJ 1 GM, 2 GM</i>	1B	
<i>cefoxitin sodium IV 1 GM, 2 GM</i>	1B	
<i>cefprozil SUSR</i>	1B	
<i>cefprozil TABS</i>	1B	
<i>cefuroxime axetil TABS</i>	1B	
<i>cefuroxime sodium IJ 750 MG</i>	1B	
Cephalosporins - 3rd Generation		

Ambetter Formulary Updated April 1, 2024

Drug Name	Drug Tier	Requirements/ Limits	Drug Name	Drug Tier	Requirements/ Limits
<i>cefdinir CAPS</i>	1B		<i>levonorgestrel &amp; eth estradiol TABS</i>	0	
<i>cefdinir SUSR</i>	1B		<i>levonorgestrel-eth estradiol (triphasic)</i>	0	
<i>cefixime CAPS</i>	1B		<i>levonorgestrel-ethinyl estradiol (91-day) 0.03 MG-0.15 MG</i>	0	
<i>cefixime SUSR</i>	1B	ST	<i>levonorgestrel-ethinyl estradiol (continuous)</i>	0	
<i>cefotaxime sodium IJ 1 GM, 2 GM</i>	1B		<i>levonorgestrel-ethinyl estradiol-iron</i>	0	
<i>cefpodoxime proxetil SUSR</i>	1B		LO LOESTRIN FE TABS	0	
<i>cefpodoxime proxetil TABS</i>	1B		NATAZIA	0	
<i>ceftazidime IJ 1 GM, 6 GM</i>	1B		NEXTSTELLIS	0	
<i>ceftriaxone sodium IJ 250 MG</i>	1A		<i>norethin acet &amp; estrad-fe CAPS</i>	0	
<i>ceftriaxone sodium IJ 1 GM, 2 GM, 500 MG</i>	1B		<i>norethin acet &amp; estrad-fe CHEW</i>	0	
Cephalosporins - 4th Generation			<i>norethin acet &amp; estrad-fe TABS 1 MG-20 MCG-75 MG, 1.5 MG-30 MCG-75 MG</i>	0	
<i>cefepime hcl SOLR IV 2 GM</i>	1B		<i>norethindrone &amp; eth estradiol</i>	0	
Cephalosporins - 5th Generation			<i>norethindrone &amp; ethinyl estradiol-fe</i>	0	
TEFLARO	3		<i>norethindrone acet &amp; eth estra</i>	0	
<b>CONTRACEPTIVES - Drugs to Prevent Pregnancy</b>					
Combination Contraceptives - Oral					
BALCOLTRA ( <i>levonorgestrel-ethinyl estradiol-iron</i> )	0		<i>norethindrone acetate-ethinyl estradiol-fe</i>	0	
<i>desogestrel &amp; ethinyl estradiol</i>	0		<i>norethindrone-eth estradiol (triphasic)</i>	0	
<i>desogestrel-ethinyl estradiol (biphasic)</i>	0		<i>norgestimate-ethinyl estradiol</i>	0	
<i>desogestrel-ethinyl estradiol (triphasic)</i>	0		<i>norgestimate-ethinyl estradiol (triphasic)</i>	0	
<i>drospirenone-ethinyl estradiol</i>	0		<i>norgestrel &amp; ethinyl estradiol 30 MCG-0.3 MG</i>	0	
<i>drospirenone-ethinyl estradiol-levomefolate calcium</i>	0		TYBLUME CHEW	0	
<i>ethynodiol diacet &amp; eth estrad</i>	0		Combination Contraceptives - Transdermal		
			<i>norelgestromin-ethinyl estradiol</i>	0	

Ambetter Formulary Updated April 1, 2024

Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits
TWIRLA	0	QL(3 ea per 28 days retail; 9 ea per 84 days mail)
Combination Contraceptives - Vaginal		
ANNOVERA	0	PA
<i>etonogestrel-ethinyl estradiol</i>	0	QL(0.05 ea daily)
Copper Contraceptives - IUD		
PARAGARD INTRAUTERINE COPPER CONTRACEPTIVE T380A	0	
Emergency Contraceptives		
ELLA	0	
<i>levonorgestrel (emergency oc) 1.5 MG</i>	0	
Progestin Contraceptives - Implants		
NEXPLANON	0	
Progestin Contraceptives - Injectable		
DEPO-SUBQ PROVERA 104 SUSY SC	0	
<i>medroxyprogesterone acetate (contraceptive) SUSP IM</i>	0	90 rtl day(s) supply; 90 rtl lmt day(s); QL(1 ml per 90 days retail)
<i>medroxyprogesterone acetate (contraceptive) SUSY IM</i>	0	QL(90 Day(s) limit ; 1 ml per 90 days retail)
Progestin Contraceptives - IUD		
KYLEENA	0	
LILETTA 20.1 MCG/DAY	0	
MIRENA	0	
SKYLA	0	
Progestin Contraceptives - Oral		
<i>norethindrone (contraceptive)</i>	0	
OPILL	0	
SLYND	0	QL(1 ea daily)

Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits
<b>CORTICOSTEROIDS - Steroid Hormone Drugs to Treat Systemic Swelling Conditions</b>		
Glucocorticosteroids		
<i>budesonide CPEP</i>	1B	QL(3 ea daily)
<i>deflazacort TABS</i>	4	PA
DEPO-MEDROL SUSP	3	
DEXAMETHASONE INTENSOL CONC	1B	
<i>dexamethasone sodium phosphate SOLN IJ 4 MG/ML, 20 MG/5ML, 120 MG/30ML</i>	1B	
<i>dexamethasone ELIX</i>	1B	
<i>dexamethasone SOLN</i>	1B	
<i>dexamethasone TABS 0.5 MG, 0.75 MG</i>	1A	
<i>dexamethasone TABS 1 MG, 1.5 MG, 2 MG, 4 MG, 6 MG</i>	1B	
EMFLAZA SUSP	4	PA
EMFLAZA TABS ( <i>deflazacort</i> )	4	PA
<i>hydrocortisone TABS</i>	1B	
MEDROL TABS	3	
<i>methylprednisolone acetate SUSP</i>	1B	
<i>methylprednisolone sod succ 40 MG, 125 MG, 500 MG, 1000 MG</i>	1B	
<i>methylprednisolone TABS</i>	1B	
<i>methylprednisolone TBPK</i>	1B	
<i>prednisolone sodium phosphate SOLN 5 MG/5ML, 6.7 MG/5ML, 10 MG/5ML, 15 MG/5ML, 25 MG/5ML</i>	1B	
<i>prednisolone sodium phosphate TBP</i>	3	
<i>prednisolone SOLN</i>	1B	
<i>prednisolone TABS</i>	1B	

Ambetter Formulary Updated April 1, 2024

Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits
<i>prednisone SOLN</i>	1B	
<i>prednisone TABS 2.5 MG, 10 MG, 20 MG, 50 MG</i>	1A	
<i>prednisone TABS 1 MG, 5 MG</i>	1B	
<i>prednisone TBPK</i>	1B	
SOLU-CORTEF 250 MG	3	
SOLU-CORTEF 100 MG, 500 MG, 1000 MG	3	2 rtl MAX fill; 30 rtl day(s) supply
SOLU-MEDROL 2 GM	3	
<i>triamcinolone acetonide SUSP 40 MG/ML, 200 MG/5ML, 400 MG/10ML</i>	1B	
Mineralocorticoids		
<i>fludrocortisone acetate TABS</i>	1B	
<b>COUGH/COLD/ALLERGY - Drugs to Treat Cough, Cold and Allergy Symptoms</b>		
Antitussives		
<i>benzonatate 150 MG</i>	1B	QL(4 ea daily)
<i>benzonatate 100 MG</i>	1B	QL(6 ea daily)
<i>benzonatate 200 MG</i>	1B	QL(3 ea daily)
Cough/Cold/Allergy Combinations		
<i>hydrocodone polistirex-chlorpheniramine polistirex SUER</i>	1B	
TUZISTRA XR	2	PA
Misc. Respiratory Inhalants		
HYPERSAL NEBU	1B	
NEBUSAL NEBU	1B	
<i>sodium chloride (inhalant) NEBU 7 %</i>	1B	
Mucolytics		
<i>acetylcysteine SOLN</i>	1B	
<b>DERMATOLOGICALS - Drugs to Treat Skin Conditions</b>		

Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits
Acne Products		
<i>adapalene-benzoyl peroxide GEL 2.5 %-0.1 %</i>	1B	AL(At least 12 yrs old); ST
<i>adapalene CREA</i>	1B	AL(At least 12 yrs old); PA
<i>adapalene GEL 0.3 %</i>	1B	AL(At least 12 yrs old); ST
<i>adapalene GEL 0.1 %</i>	1B	AL(At least 12 yrs old); PA; RX/OTC
AZELEX	3	QL(50 gm per 30 days retail; 50 gm per 30 days mail); AL(At least 12 yrs old); ST
BENZEPRO CREAMY WASH LIQD	2	AL(At least 12 yrs old); RX/OTC
<i>benzoyl peroxide-erythromycin GEL</i>	1B	AL(At least 12 yrs old); PA
<i>benzoyl peroxide FOAM 5.3 %, 9.8 %</i>	1B	AL(At least 12 yrs old); RX/OTC
<i>benzoyl peroxide GEL 10 %</i>	1B	AL(At least 12 yrs old)
<i>benzoyl peroxide GEL 5 %</i>	1B	QL(3 gm daily); AL(At least 12 yrs old)
<i>benzoyl peroxide LIQD 4 %, 7 %, 10 %</i>	1B	AL(At least 12 yrs old)
<i>clindamycin phosphate (topical) FOAM</i>	1B	AL(At least 12 yrs old); PA
<i>clindamycin phosphate (topical) GEL</i>	1B	QL(8 gm daily)
<i>clindamycin phosphate (topical) LOTN</i>	1B	AL(At least 12 yrs old)
<i>clindamycin phosphate (topical) SOLN</i>	1B	QL(4 ml daily); AL(At least 12 yrs old)
<i>clindamycin phosphate (topical) SWAB</i>	1B	AL(At least 12 yrs old)
<i>clindamycin phosphate-benzoyl peroxide (refrigerate)</i>	1B	AL(At least 12 yrs old); PA

Ambetter Formulary Updated April 1, 2024

Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits
<i>clindamycin phosphate-benzoyl peroxide GEL 5 %-1 %</i>	1B	AL(At least 12 yrs old); PA
<i>clindamycin phosphate-tretinoin</i>	1B	AL(At least 12 yrs old); ST
DIFFERIN LOTN	2	AL(At least 12 yrs old); ST
<i>erythromycin (acne aid) PADS</i>	1B	AL(At least 12 yrs old)
<i>erythromycin (acne aid) SOLN</i>	1B	AL(At least 12 yrs old)
<i>isotretinoin 10 MG, 20 MG, 30 MG, 40 MG</i>	3	AL(At least 12 yrs old); PA
PR BENZOYL PEROXIDE WASH LIQD	2	AL(At least 12 yrs old); RX/OTC
<i>sulfacetamide sodium (acne)</i>	1B	AL(At least 12 yrs old)
<i>sulfacetamide sodium w/ sulfur CREA 10 %-5 %</i>	1B	AL(At least 12 yrs old)
<i>sulfacetamide sodium w/ sulfur LIQD 9 %-4.5 %</i>	1B	AL(At least 12 yrs old); ST
<i>sulfacetamide sodium w/ sulfur LIQD 10 %-5 %</i>	1B	AL(At least 12 yrs old)
<i>sulfacetamide sodium-sulfur in urea vehicle EMUL 10 %-10 %-4 %</i>	1B	AL(At least 12 yrs old)
<i>tretinoin microsphere 0.1 %</i>	1B	QL(3 gm daily); AL(At least 12 yrs old - Up to 30 yrs old); PA
<i>tretinoin CREA 0.025 %, 0.05 %, 0.1 %</i>	1B	QL(3 gm daily); AL(At least 12 yrs old - Up to 30 yrs old); PA
<i>tretinoin GEL 0.01 %, 0.025 %</i>	1B	QL(3 gm daily); AL(At least 12 yrs old - Up to 30 yrs old); PA
<b>Agents for External Genital and Perianal Warts</b>		
VEREGEN	3	QL(1 gm daily)
<b>Antibiotics - Topical</b>		

Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits
ALTABAX	2	QL(15 gm per 30 days retail; 15 gm per 30 days mail)
<i>gentamicin sulfate (topical) CREA</i>	1B	QL(1 gm daily)
<i>gentamicin sulfate (topical) OINT</i>	1B	
<i>mupirocin OINT</i>	1B	QL(6 gm daily)
NEO-SYNALAR	3	QL(60 gm per 30 days retail; 60 gm per 30 days mail); PA
<b>Antifungals - Topical</b>		
<i>butenafine hcl</i>	1B	QL(6 gm daily); RX/OTC
<i>ciclopirox olamine CREA</i>	1B	1 rti MAX fill; 30 rti day(s) supply; QL(90 gm per fill retail)
<i>ciclopirox olamine SUSP</i>	1B	
<i>ciclopirox GEL</i>	1B	QL(3.35 gm daily)
<i>ciclopirox SHAM</i>	1B	QL(10 ml daily)
<i>ciclopirox SOLN</i>	1B	QL(0.22 ml daily)
<i>clotrimazole (topical) CREA</i>	1B	QL(4.5 gm daily); RX/OTC
<i>clotrimazole (topical) SOLN</i>	1B	QL(10 ml daily); RX/OTC
<i>clotrimazole w/ betamethasone CREA</i>	1B	QL(8 gm daily)
<i>clotrimazole w/ betamethasone LOTN</i>	1B	
<i>econazole nitrate CREA</i>	1B	QL(85 gm per fill retail; 85 per fill mail)
ERTACZO	3	QL(2.15 gm daily)
<i>ketoconazole (topical) CREA</i>	1B	QL(10 gm daily)
<i>ketoconazole (topical) SHAM 2 %</i>	1B	QL(20 ml daily)
<i>luliconazole</i>	1B	PA

Ambetter Formulary Updated April 1, 2024



Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits	Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits
<i>naftifine hcl CREA 1 %</i>	1B	1 rtl MAX fill; 180 rtl day(s) supply; 1 mail MAX fill; QL(3 gm daily)	<i>diclofenac sodium (actinic keratoses) EX</i>	1B	QL(3.34 gm daily); PA
<i>naftifine hcl CREA 2 %</i>	1B	1 rtl MAX fill; 180 rtl day(s) supply; 1 mail MAX fill; QL(2 gm daily)	<i>fluorouracil (topical) CREA 5 %</i>	1B	QL(4 gm daily)
<i>nystatin (topical) CREA</i>	1B	QL(10 gm daily)	<i>fluorouracil (topical) SOLN</i>	1B	QL(2 ml daily)
<i>nystatin (topical) OINT</i>	1B	QL(6 gm daily)	PANRETIN	3	QL(60 gm per 30 days retail; 60 gm per 30 days mail)
<i>nystatin (topical) POWD EX</i>	1B	QL(10 gm daily)	<b>Antipruritics - Topical</b>		
<i>nystatin-triamcinolone CREA</i>	1B	QL(10 gm daily)	<i>doxepin hcl (antipruritic)</i>	3	Limit 1 fill every 180 days; 1 rtl MAX fill; 180 rtl day(s) supply; 1 mail MAX fill; QL(45 gm per fill retail; 45 per fill mail); PA
<i>nystatin-triamcinolone OINT</i>	1B	QL(4 gm daily)	<b>Antipsoriatics</b>		
<i>oxiconazole nitrate CREA</i>	1B	Limit 1 Fill per 180 days; 1 rtl MAX fill; 180 rtl day(s) supply; 1 mail MAX fill; QL(3 gm daily)	<i>acitretin 10 MG, 17.5 MG</i>	1B	QL(1 ea daily)
OXISTAT LOTN	2	Limit 1 Fill per 180 days; 1 rtl MAX fill; 180 rtl day(s) supply; 1 mail MAX fill; QL(2 ml daily)	<i>acitretin 25 MG</i>	1B	QL(2 ea daily)
<i>sulconazole nitrate CREA</i>	1B		<i>calcipotriene CREA</i>	1B	QL(4 gm daily); PA
<i>sulconazole nitrate SOLN</i>	1B	1 rtl MAX fill; 90 rtl day(s) supply; 1 mail MAX fill	<i>calcipotriene OINT</i>	1B	QL(4 gm daily); PA
<i>tavaborole</i>	1B	PA	<i>calcipotriene SOLN</i>	1B	QL(4 ml daily); PA
<b>Anti-inflammatory Agents - Topical</b>			<i>calcitriol (topical)</i>	1B	QL(3.34 gm daily)
<i>diclofenac epolamine PTCH EX</i>	1B	QL(2 ea daily); PA	COSENTYX SENSOREADY PEN SOAJ	4	QL(0.072 ml daily); PA
<i>diclofenac sodium (topical) GEL EX</i>	1B	QL(3.34 gm daily); RX/OTC	COSENTYX UNOREADY SOAJ	4	QL(0.072 ml daily); PA
<b>Antineoplastic or Premalignant Lesion Agents - Topical</b>			COSENTYX SOSY 150 MG/ML	4	QL(0.036 ml daily); PA
<i>bexarotene (topical)</i>	4	SP; PA	COSENTYX SOSY 75 MG/0.5ML	4	QL(0.18 ml daily); PA
			COSENTYX SOSY 150 MG/ML	4	QL(0.072 ml daily); PA
			<i>methoxsalen rapid</i>	1B	QL(4 ea daily)
			SKYRIZI PEN SOAJ	4	QL(0.025 ml daily); PA

Ambetter Formulary Updated April 1, 2024

Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits	Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits
SKYRIZI PSKT	4	QL(0.025 ea daily); PA	<i>amcinonide OINT</i>	3	
SKYRIZI SOSY	4	QL(0.025 ml daily); PA	<i>betamethasone dipropionate (topical) CREA</i>	1B	QL(3 gm daily)
STELARA SOSY 90 MG/ML	4	QL(0.018 ml daily); SP; PA	<i>betamethasone dipropionate (topical) LOTN</i>	1B	
STELARA SOSY 45 MG/0.5ML	4	QL(0.012 ml daily); PA	<i>betamethasone dipropionate (topical) OINT</i>	1B	QL(3 gm daily)
<i>tazarotene CREA</i>	1B	QL(1 gm daily)	<i>betamethasone dipropionate augmented CREA</i>	1B	QL(3.5 gm daily)
TREMFYA SOPN	4	QL(0.018 ml daily); PA	<i>betamethasone dipropionate augmented LOTN</i>	1B	QL(5 ml daily)
TREMFYA SOSY	4	QL(0.018 ml daily); PA	<i>betamethasone dipropionate augmented OINT</i>	1B	QL(3.5 gm daily)
Antiseborrheic Products			<i>betamethasone valerate CREA</i>	1B	QL(2.5 gm daily)
<i>selenium sulfide LOTN 2.5 %</i>	1B		<i>betamethasone valerate FOAM</i>	1B	QL(1.67 gm daily)
Antivirals - Topical			<i>betamethasone valerate LOTN</i>	1B	QL(5 ml daily)
<i>acyclovir topical CREA</i>	1B	1 rtl pack lmt per fill; 1 mail pack lmt per fill	<i>betamethasone valerate OINT</i>	1B	QL(3 gm daily)
<i>acyclovir topical OINT</i>	1B	1 rtl pack lmt per fill; 1 mail pack lmt per fill	<i>calcipotriene-betamethasone dipropionate OINT</i>	1B	ST
<i>penciclovir</i>	3	QL(0.18 gm daily)	<i>calcipotriene-betamethasone dipropionate SUSP</i>	1B	ST
Burn Products			<i>clobetasol propionate emollient base 0.05 %</i>	1B	QL(1 gm daily); PA
<i>mafenide acetate PACK</i>	3		<i>clobetasol propionate CREA 0.05 %</i>	1B	QL(3 gm daily); PA
<i>silver sulfadiazine</i>	1B	QL(20 gm daily)	<i>clobetasol propionate FOAM</i>	1B	QL(3 gm daily); ST
SULFAMYLON CREA	3		<i>clobetasol propionate GEL 0.05 %</i>	1B	QL(2 gm daily); ST
Corticosteroids - Topical			<i>clobetasol propionate OINT 0.05 %</i>	1B	QL(1 gm daily); PA
<i>alclometasone dipropionate CREA</i>	1B	QL(2 gm daily)			
<i>alclometasone dipropionate OINT</i>	1B	QL(3 gm daily)			
<i>amcinonide CREA</i>	1B	1 rtl MAX fill; 30 rtl day(s) supply; 1 mail MAX fill; QL(60 gm per fill retail; 60 per fill mail)			
<i>amcinonide LOTN</i>	3				

Ambetter Formulary Updated April 1, 2024

Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits	Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits
<i>clobetasol propionate SOLN 0.05 %</i>	1B	QL(3.34 ml daily); PA	<i>fluticasone propionate CREA 0.05 %</i>	1B	QL(4 gm daily)
<i>clocortolone pivalate</i>	3	QL(3 gm daily)	<i>fluticasone propionate LOTN</i>	1B	QL(6 ml daily)
CORDRAN TAPE	3	1 rtl pack lmt amt; 30 rtl pack lmt day(s); 3 mail pack lmt amt; 90 mail pack lmt day(s)	<i>fluticasone propionate OINT</i>	1B	QL(4 gm daily)
<i>desonide CREA</i>	1B	QL(4 gm daily)	<i>halcinonide CREA</i>	1B	PA
<i>desonide LOTN</i>	1B	QL(4 ml daily)	<i>halobetasol propionate CREA</i>	1B	QL(3.5 gm daily)
<i>desonide OINT</i>	1B	QL(3 gm daily)	<i>halobetasol propionate OINT</i>	1B	QL(3.5 gm daily)
<i>desoximetasone CREA 0.25 %</i>	1B	QL(4 gm daily)	HALOG OINT	3	PA
<i>desoximetasone GEL</i>	1B	QL(3 gm daily)	<i>hydrocortisone (topical) CREA 1 %, 2.5 %</i>	1B	QL(15.15 gm daily); RX/OTC
<i>desoximetasone OINT 0.25 %</i>	1B	QL(4 gm daily)	<i>hydrocortisone (topical) LOTN 2.5 %</i>	1B	
<i>diflorasone diacetate CREA</i>	1B	PA	<i>hydrocortisone (topical) OINT 1 %, 2.5 %</i>	1B	QL(15.15 gm daily); RX/OTC
<i>diflorasone diacetate OINT</i>	1B	PA	<i>hydrocortisone butyrate CREA</i>	1B	QL(3 gm daily)
<i>fluocinolone acetonide CREA 0.025 %</i>	1B	QL(4 gm daily)	<i>hydrocortisone butyrate OINT</i>	1B	QL(3 gm daily)
<i>fluocinolone acetonide CREA 0.01 %</i>	1B		<i>hydrocortisone butyrate SOLN</i>	1B	QL(5 ml daily)
<i>fluocinolone acetonide OIL</i>	1B	QL(8 ml daily)	<i>hydrocortisone valerate CREA</i>	1B	
<i>fluocinolone acetonide OINT</i>	1B	QL(4 gm daily)	<i>hydrocortisone valerate OINT</i>	1B	
<i>fluocinolone acetonide SOLN</i>	1B	QL(4 ml daily)	<i>mometasone furoate CREA</i>	1B	QL(3 gm daily)
<i>fluocinonide emulsified base</i>	1B	QL(2 gm daily)	<i>mometasone furoate OINT</i>	1B	QL(4 gm daily)
<i>fluocinonide CREA 0.05 %</i>	1B	QL(2 gm daily)	<i>mometasone furoate SOLN</i>	1B	QL(5 ml daily)
<i>fluocinonide GEL</i>	1B		<i>prednicarbate OINT</i>	1B	
<i>fluocinonide OINT</i>	1B	QL(2 gm daily)	<i>triamcinolone acetonide (topical) CREA 0.1 %</i>	1B	QL(3.34 gm daily)
<i>fluocinonide SOLN</i>	1B	QL(2 ml daily)	<i>triamcinolone acetonide (topical) CREA 0.025 %</i>	1B	QL(15.15 gm daily)
<i>flurandrenolide CREA</i>	2	QL(2 gm daily)	<i>triamcinolone acetonide (topical) CREA 0.5 %</i>	1B	QL(5 gm daily)
<i>flurandrenolide CREA</i>	2				
<i>flurandrenolide LOTN</i>	2	QL(2 ml daily)			

Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits
<i>triamcinolone acetonide (topical) LOTN 0.025 %</i>	1B	
<i>triamcinolone acetonide (topical) LOTN 0.1 %</i>	1B	QL(6 ml daily)
<i>triamcinolone acetonide (topical) OINT 0.025 %, 0.1 %</i>	1B	QL(15.15 gm daily)
<i>triamcinolone acetonide (topical) OINT 0.5 %</i>	1B	QL(6 gm daily)
<i>triamcinolone acetonide-dimethicone-silicone</i>	1B	PA
<b>Emollients</b>		
<i>lactic acid (ammonium lactate) CREA</i>	1B	QL(12.9 gm daily); RX/OTC
<i>lactic acid (ammonium lactate) LOTN 12 %</i>	1B	RX/OTC
<b>Enzymes - Topical</b>		
SANTYL OINT	3	PA
<b>Immunomodulating Agents - Topical</b>		
<i>imiquimod 5 %</i>	1B	QL(12 ea per fill retail; 12 per fill mail)
<b>Immunosuppressive Agents - Topical</b>		
<i>pimecrolimus</i>	1B	QL(3 gm daily); AL(At least 2 yrs old); PA
<i>tacrolimus (topical) OINT</i>	1B	AL(At least 2 yrs old); PA
<b>Keratolytic/Antimitotic Agents</b>		
<i>podofilox SOLN</i>	1B	
<b>Local Anesthetics - Topical</b>		
<i>lidocaine hcl GEL 2 %</i>	1B	QL(4 ml daily)
<i>lidocaine hcl PRSY</i>	1B	QL(4 ml daily)
<i>lidocaine hcl SOLN</i>	1B	QL(10 ml daily)
<i>lidocaine-prilocaine CREA</i>	1B	QL(1 gm daily)
<i>lidocaine PTCH 5 %</i>	1B	PA

Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits
SYNERA PTCH	3	1 rtl MAX fill; 30 rtl day(s) supply; 1 mail MAX fill; QL(10 ea per fill retail; 10 per fill mail)
<b>Phosphodiesterase 4 (PDE4) Inhibitors - Topical</b>		
EUCRISA	3	QL(2 gm daily); PA
<b>Rosacea Agents</b>		
<i>azelaic acid GEL</i>	1B	QL(1.67 gm daily)
<i>brimonidine tartrate (topical)</i>	3	QL(1 gm daily); PA
<i>metronidazole (topical) CREA</i>	1B	QL(3 gm daily)
<i>metronidazole (topical) GEL 1 %</i>	1B	QL(5 gm daily)
<i>metronidazole (topical) GEL 0.75 %</i>	1B	QL(3 gm daily)
<i>metronidazole (topical) LOTN</i>	1B	
<b>Scabicides &amp; Pediculicides</b>		
<i>crotamiton LOTN</i>	1B	PA
<i>ivermectin (pediculicide)</i>	1B	PA; RX/OTC
<i>malathion</i>	1B	
<i>permethrin CREA</i>	1B	
<i>permethrin LIQD EX</i>	1B	
<i>spinosad</i>	1B	PA
<b>Wound Care Products</b>		
REGRANEX	3	QL(0.5 gm daily)
<b>DIAGNOSTIC PRODUCTS</b>		
<b>Diagnostic Drugs</b>		
GLUCAGEN DIAGNOSTIC	3	QL(0.035 ea daily)
THYROGEN 0.9 MG	3	1 rtl MAX fill; 365 rtl day(s) supply; 1 mail MAX fill; PA

Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits	Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits
<b>Diagnostic Tests</b>			PANCREAZE CPEP 149900 UNIT-97300 UNIT-37000 UNIT, 15200 UNIT-8800 UNIT-2600 UNIT, 24600 UNIT-14200 UNIT-4200 UNIT, 61500 UNIT-35500 UNIT-10500 UNIT, 83900 UNIT-54700 UNIT-21000 UNIT, 98400 UNIT-56800 UNIT-16800 UNIT	3	Non-FDA approved uses require Prior Authorization
CHEMSTRIP-K STRP	1B				
FORA GTEL BLOOD KETONE TEST STRIPS	1B				
FORA TEST N' GO ADVANCE/VOICE/6 CONNECT	1B				
GOJJI BLOOD KETONE TEST STRIPS	1B				
KETONE TEST STRIPS STRP	1B				
KETONE STRP	1B				
KETOSTIX STRP	1B				
NOVA MAX PLUS KETONE TESTSTRIPS	1B				
PRECISION XTRA	1B				
PTS PANELS KETONE TEST	1B				
RELION KETONE TEST STRIPS STRP	1B		ZENPEP CPEP 105000 UNIT-79000 UNIT-25000 UNIT, 14000 UNIT-10000 UNIT-3000 UNIT, 168000 UNIT-126000 UNIT-40000 UNIT, 24000 UNIT-17000 UNIT-5000 UNIT, 42000 UNIT-32000 UNIT-10000 UNIT, 63000 UNIT-47000 UNIT-15000 UNIT, 84000 UNIT-63000 UNIT-20000 UNIT	2	Non-FDA approved uses require Prior Authorization
RELION TRUE METRIX BLOODGLUCOSE TEST STRIPS STRP	1B	QL(3.34 ea daily); RX/OTC			
TRUE METRIX BLOOD GLUCOSETEST STRIPS STRP	1B	Limit 100 per month; QL(3.34 ea daily); RX/OTC			
TRUETRACK TEST STRP	1B	Limit 100 per month; QL(3.34 ea daily); RX/OTC			
<b>DIURETICS - Drugs to Treat Heart, Circulation Conditions and Blood Pressure</b>					
<b>Carbonic Anhydrase Inhibitors</b>					
<i>acetazolamide sodium</i>	1B				
<i>acetazolamide CP12</i>	1B	QL(2 ea daily)			
<i>acetazolamide TABS 250 MG</i>	1B	QL(4 ea daily)			
<i>acetazolamide TABS 125 MG</i>	1B	QL(8 ea daily)			
<i>dichlorphenamide</i>	4	QL(4 ea daily); PA			
<i>methazolamide TABS</i>	1B	QL(6 ea daily)			
<b>Diuretic Combinations</b>					
<i>amiloride &amp; hydrochlorothiazide</i>	1B				
<i>spironolactone &amp; hydrochlorothiazide</i>	1B				
<b>DIGESTIVE AIDS - Drugs to Treat Low Digestive Enzymes</b>					
<b>Digestive Enzymes</b>					
CREON CPEP	2	Non-FDA approved uses require Prior Authorization			

Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits
<i>triamterene &amp; hydrochlorothiazide CAPS 25 MG-37.5 MG</i>	1B	
<i>triamterene &amp; hydrochlorothiazide TABS</i>	1B	
<b>Loop Diuretics</b>		
<i>bumetanide SOLN 0.25 MG/ML</i>	1B	
<i>bumetanide TABS</i>	1B	QL(5 ea daily)
<i>ethacrynic acid</i>	1B	QL(16 ea daily)
<i>furosemide SOLN OR 10 MG/ML, 40 MG/5ML</i>	1B	
<i>furosemide TABS</i>	1B	
<i>torseamide TABS</i>	1B	
<b>Potassium Sparing Diuretics</b>		
<i>amiloride hcl TABS</i>	1B	
<i>spironolactone TABS</i>	1B	
<i>triamterene CAPS</i>	1B	QL(3 ea daily)
<b>Thiazides and Thiazide-Like Diuretics</b>		
<i>chlorthalidone 25 MG, 50 MG</i>	1B	
DIURIL SUSP	2	QL(20 ml daily)
<i>hydrochlorothiazide CAPS</i>	1B	QL(2 ea daily)
<i>hydrochlorothiazide TABS 12.5 MG</i>	1B	QL(2 ea daily)
<i>hydrochlorothiazide TABS 25 MG, 50 MG</i>	1A	QL(2 ea daily)
<i>indapamide TABS 1.25 MG</i>	1B	QL(1 ea daily)
<i>indapamide TABS 2.5 MG</i>	1B	QL(2 ea daily)
<i>metolazone</i>	1B	QL(2 ea daily)
<b>ENDOCRINE AND METABOLIC AGENTS - MISC.</b>		
<b>- Drugs to Treat Bone Disease and Regulate Hormones</b>		
<b>Bone Density Regulators</b>		
<i>alendronate sodium TABS 35 MG, 70 MG</i>	1B	QL(0.143 ea daily)

Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits
<i>alendronate sodium TABS 5 MG, 10 MG</i>	1B	QL(1 ea daily)
<i>calcitonin (salmon) NA</i>	1B	QL(0.14 ml daily)
FORTEO SOPN ( <i>teriparatide (recombinant)</i> )	4	QL(0.09 ml daily); SP; PA
FOSAMAX PLUS D	3	QL(0.143 ea daily); PA
<i>ibandronate sodium SOLN</i>	4	SP; PA
<i>ibandronate sodium TABS</i>	1B	QL(0.036 ea daily)
<i>pamidronate disodium SOLN 30 MG/10ML, 90 MG/10ML</i>	4	SP; PA
PAMIDRONATE DISODIUM SOLN	4	SP; PA
PROLIA SOSY	4	1 rtl MAX fill; 180 rtl day(s) supply; SP; PA
<i>risedronate sodium TABS 5 MG, 30 MG</i>	1B	QL(1 ea daily); PA
<i>risedronate sodium TABS 150 MG</i>	1B	QL(0.036 ea daily); PA
<i>risedronate sodium TABS 35 MG</i>	1B	QL(0.143 ea daily); PA
<i>risedronate sodium TBEC</i>	1B	PA
<i>teriparatide (recombinant) SOPN</i>	4	QL(0.09 ml daily); SP; PA
TERIPARATIDE SOPN	4	QL(0.09 ml daily); PA
TYMLOS	4	PA
XGEVA SOLN	4	SP; PA
<i>zoledronic acid CONC</i>	4	SP; PA
<i>zoledronic acid SOLN</i>	4	SP; PA
<b>Corticotropin</b>		
ACTHAR	3	PA
<b>Fertility Regulators</b>		
CHORIONIC GONADOTROPIN IM	4	30 rtl day(s) supply; PA
<i>clomiphene citrate TABS</i>	3	PA

Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits
NOVAREL IM 10000 UNIT	4	30 rtl day(s) supply; PA
<b>GnRH/LHRH Antagonists</b>		
<i>ganirelix acetate</i>	4	PA
ORLISSA	2	PA
<b>Growth Hormone Receptor Antagonists</b>		
SOMAVERT 10 MG, 15 MG, 20 MG	4	SP; PA
<b>Growth Hormone Releasing Hormones (GHRH)</b>		
EGRIFTA 2 MG	4	PA
EGRIFTA SV	4	PA
<b>Growth Hormones</b>		
HUMATROPE CART IJ	4	SP; PA
NORDITROPIN FLEXPRO SOPN 30 MG/3ML	4	PA
NORDITROPIN FLEXPRO SOPN 5 MG/1.5ML, 10 MG/1.5ML, 15 MG/1.5ML	4	SP; PA
ZORBTIVE SC	4	SP; PA
<b>Hormone Receptor Modulators</b>		
OSPHENA	3	PA
<i>raloxifene hcl</i>	0	QL(1 ea daily)
<b>Insulin-Like Growth Factors (Somatomedins)</b>		
INCRELEX	4	SP; PA
<b>LHRH/GnRH Agonist Analog Pituitary Suppressants</b>		
FENSOLVI SC	4	SP; PA
LUPRON DEPOT-PED (1-MONTH)	4	SP; PA
LUPRON DEPOT-PED (3-MONTH) 30 MG	4	SP; PA
LUPRON DEPOT-PED (3-MONTH) 11.25 MG	4	PA
SYNAREL	4	SP; PA
<b>Metabolic Modifiers</b>		
ALDURAZYME	4	SP; PA

Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits
<i>betaine</i>	4	SP; PA
<i>calcitriol CAPS</i>	1B	
<i>calcitriol SOLN IV</i>	1B	
<i>cinacalcet hcl</i>	4	QL(4 ea daily); SP; PA
<i>doxercalciferol CAPS</i>	1B	
<i>doxercalciferol SOLN</i>	1B	
ELAPRASE	4	SP; PA
GALAFOLD	4	QL(0.5 ea daily); PA
LUMIZYME	4	SP; PA
MYALEPT	4	PA
NAGLAZYME	4	SP; PA
<i>nitisinone CAPS</i>	4	PA
<i>paricalcitol CAPS</i>	1B	
<i>paricalcitol SOLN</i>	1B	
PHEBURANE PLLT	4	PA
<i>sapropterin dihydrochloride PACK</i>	4	PA
<i>sapropterin dihydrochloride TABS</i>	4	PA
<i>sodium phenylbutyrate POWD</i>	1B	PA
<i>sodium phenylbutyrate TABS</i>	1B	PA
<b>Posterior Pituitary Hormones</b>		
<i>desmopressin acetate spray</i>	1B	
<i>desmopressin acetate spray refrigerated</i>	1B	
<i>desmopressin acetate SOLN IJ</i>	1B	PA
DESMOPRESSIN ACETATE SOLN NA	4	SP; PA
<i>desmopressin acetate TABS 0.1 MG</i>	1B	QL(6 ea daily)
<i>desmopressin acetate TABS 0.2 MG</i>	1B	QL(8 ea daily)
STIMATE SOLN NA	4	SP; PA
<b>Prolactin Inhibitors</b>		

Ambetter Formulary Updated April 1, 2024

Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits
<i>cabergoline</i>	1B	
<b>Somatostatic Agents</b>		
<i>octreotide acetate SOLN</i>	4	SP; PA
SANDOSTATIN LAR DEPOT KIT	4	PA
SIGNIFOR	4	PA
<b>Vasopressin Receptor Antagonists</b>		
<i>tolvaptan TABS</i>	4	QL(2 ea daily); SP; PA
<b>ESTROGENS - Hormone Replacement/Modifying Drugs</b>		
<b>Estrogen Combinations</b>		
CLIMARA PRO	3	
DUAVEE	3	PA
<i>norethindrone acetate-ethinyl estradiol</i>	1B	
PREMPHASE	2	
PREMPRO	2	QL(1 ea daily)
<b>Estrogens</b>		
DELESTROGEN 10 MG/ML ( <i>estradiol valerate</i> )	1B	
DEPO-ESTRADIOL	3	
ELESTRIN GEL	3	
<i>estradiol valerate</i>	1B	
<i>estradiol GEL</i>	1B	
<i>estradiol PTTW</i>	1B	QL(0.286 ea daily)
<i>estradiol PTWK</i>	1B	
<i>estradiol TABS</i>	1B	
ESTROGEL GEL	3	
EVAMIST SOLN	3	
MENEST	3	
MENOSTAR PTWK	3	
PREMARIN SOLR	2	
PREMARIN TABS	2	QL(1 ea daily)
<b>FLUOROQUINOLONES - Drugs to Treat Bacterial</b>		

Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits
<b>Infections</b>		
<b>Fluoroquinolones</b>		
BAXDELA SOLR	3	PA
BAXDELA TABS	3	PA
<i>ciprofloxacin hcl TABS</i>	1B	
<i>ciprofloxacin in d5w 5 %-200 MG/100ML</i>	3	
<i>ciprofloxacin SUSR 5 GM/100ML, 500 MG/5ML</i>	1B	2 rtl MAX fill; 30 rtl day(s) supply
CIPRO SUSR	2	2 rtl MAX fill; 30 rtl day(s) supply
<i>levofloxacin in d5w 5 %-500 MG/100ML</i>	1B	
<i>levofloxacin SOLN OR</i>	1B	
<i>levofloxacin TABS 250 MG, 750 MG</i>	1B	
<i>levofloxacin TABS 500 MG</i>	1A	
<i>moxifloxacin hcl in sodium chloride</i>	1B	
<i>moxifloxacin hcl TABS</i>	1B	
<i>ofloxacin 300 MG, 400 MG</i>	1B	
<b>GASTROINTESTINAL AGENTS - MISC. - Miscellaneous Gastrointestinal Drugs</b>		
<b>Bile Acid Synthesis Disorder Agents</b>		
CHOLBAM	4	SP; PA
<b>Gallstone Solubilizing Agents</b>		
<i>ursodiol CAPS</i>	1B	QL(3 ea daily)
<i>ursodiol TABS</i>	1B	
<b>Gastrointestinal Chloride Channel Activators</b>		
<i>lubiprostone</i>	1B	QL(2 ea daily)
<b>Gastrointestinal Stimulants</b>		
<i>metoclopramide hcl SOLN IJ 5 MG/ML</i>	1B	



Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits
<i>metoclopramide hcl SOLN OR 5 MG/5ML, 10 MG/10ML</i>	1B	QL(60 ml daily)
<i>metoclopramide hcl TABS</i>	1A	QL(6 ea daily)
<b>Inflammatory Bowel Agents</b>		
<i>balsalazide disodium CAPS</i>	1B	QL(9 ea daily)
DIPENTUM	2	
INFLECTRA SOLR	4	PA
<i>mesalamine CP24</i>	1B	
<i>mesalamine CPDR</i>	1B	
<i>mesalamine ENEM</i>	3	
<i>mesalamine SUPP</i>	3	
<i>mesalamine TBEC 1.2 GM</i>	3	
<i>mesalamine TBEC 800 MG</i>	3	QL(6 ea daily)
RENFLEXIS	4	PA
SKYRIZI SOCT	4	QL(0.043 ml daily); PA
STELARA 130 MG/26ML	4	QL(3.47 ml daily); PA
<i>sulfasalazine TABS</i>	1B	
<i>sulfasalazine TBEC</i>	1B	
<b>Intestinal Acidifiers</b>		
<i>lactulose (encephalopathy)</i>	1B	
<b>Irritable Bowel Syndrome (IBS) Agents</b>		
<i>alosetron hcl</i>	1B	QL(2 ea daily)
LINZESS	2	QL(1 ea daily)
<b>Peripheral Opioid Receptor Antagonists</b>		
<i>alvimopan</i>	1B	
MOVANTIK	3	QL(1 ea daily); PA
<b>Phosphate Binder Agents</b>		
<i>calcium acetate (phosphate binder) CAPS</i>	1B	

Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits
<i>calcium acetate (phosphate binder) TABS</i>	1B	RX/OTC
<i>lanthanum carbonate CHEW</i>	1B	
PHOSLYRA SOLN	2	
<i>sevelamer carbonate PACK</i>	1B	
<i>sevelamer carbonate TABS</i>	1B	
VELPHORO	3	PA
<b>GENITOURINARY AGENTS - MISCELLANEOUS - Miscellaneous Drugs to Treat Reproductive Organs and Urinary System</b>		
<b>Alkalinizers</b>		
<i>potassium citrate (alkalinizer) TBCR 10 MEQ, 1080 MG</i>	1B	
<i>sodium citrate &amp; citric acid</i>	1B	RX/OTC
<b>Cystinosis Agents</b>		
CYSTAGON CAPS	3	PA
<b>Genitourinary Irrigants</b>		
<i>acetic acid 0.25 %</i>	1B	
<i>glycine (gu irrigant) SOLN 1.5 %</i>	1B	
<i>sodium chloride (gu irrigant) 0.9 %</i>	1B	
SORBITOL 3 %	1B	
SORBITOL/MANNITOL IRRIGATION	1B	
<b>Interstitial Cystitis Agents</b>		
ELMIRON CAPS	2	QL(3 ea daily)
<b>Prostatic Hypertrophy Agents</b>		
<i>alfuzosin hcl</i>	1B	QL(1 ea daily)
<i>dutasteride</i>	1B	QL(1 ea daily)
<i>dutasteride-tamsulosin hcl</i>	3	PA
<i>finasteride</i>	1B	5 mg only
<i>silodosin</i>	1B	

Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits
<i>tamsulosin hcl</i>	1B	
Urinary Analgesics		
<i>phenazopyridine hcl TABS 100 MG, 100 MG, 200 MG</i>	1B	
Urinary Stone Agents		
THIOLA EC TBEC 100 MG	3	QL(3 ea daily); PA
THIOLA EC TBEC 300 MG	3	QL(10 ea daily); PA
<i>tiopronin TBEC 100 MG</i>	3	QL(3 ea daily); PA
<i>tiopronin TBEC 300 MG</i>	3	QL(10 ea daily); PA
<b>GOUT AGENTS - Drugs to Treat Gout</b>		
Gout Agent Combinations		
<i>colchicine w/ probenecid</i>	1B	
Gout Agents		
<i>allopurinol</i>	1B	
<i>colchicine TABS</i>	1B	QL(1 ea daily)
<i>febuxostat</i>	1B	QL(1 ea daily); PA
Uricosurics		
<i>probenecid</i>	1B	
<b>HEMATOLOGICAL AGENTS - MISC. - Drugs to Treat Blood Disorders</b>		
Bradykinin B2 Receptor Antagonists		
<i>icatibant acetate SOLN</i>	4	QL(9 ml daily); PA
<i>icatibant acetate SOSY</i>	4	QL(9 ml daily); PA
Complement Inhibitors		
HAEGARDA SOLR SC	4	PA
Hematorheologic Agents		
<i>pentoxifylline</i>	1B	QL(3 ea daily)
Plasma Kallikrein Inhibitors		
ORLADEYO	4	PA

Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits
TAKHZYRO SOLN	4	PA
TAKHZYRO SOSY	4	PA
Platelet Aggregation Inhibitors		
<i>anagrelide hcl</i>	1B	
<i>aspirin-dipyridamole</i>	1B	QL(2 ea daily); PA
BRILINTA	2	QL(2 ea daily)
CABLIVI	4	PA
<i>cilostazol</i>	1B	
<i>clopidogrel bisulfate 75 MG</i>	1B	QL(1 ea daily)
<i>clopidogrel bisulfate 300 MG</i>	1B	
<i>dipyridamole</i>	1B	
<i>prasugrel hcl</i>	1B	QL(1 ea daily)
ZONTIVITY	3	PA
<b>HEMATOPOIETIC AGENTS - Drugs to Treat Blood Disorders</b>		
Agents for Gaucher Disease		
CERDELGA	4	QL(2 ea daily); PA
CEREZYME 400 UNIT	4	SP; PA
<i>miglustat</i>	4	QL(3 ea daily); SP; PA
Agents for Sickle Cell Disease		
DROXIA CAPS	3	
OXBRYTA TABS 500 MG	4	PA
Cobalamins		
<i>cyanocobalamin SOLN IJ 1000 MCG/ML</i>	1B	QL(1 ml daily)
Folic Acid/Folates		
<i>folic acid TABS</i>	0	
Hematopoietic Growth Factors		
ARANESP ALBUMIN FREE SOLN 25 MCG/ML	4	SP

Ambetter Formulary Updated April 1, 2024

Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits
ARANESP ALBUMIN FREE SOLN 40 MCG/ML, 60 MCG/ML, 100 MCG/ML	4	SP; PA
ARANESP ALBUMIN FREE SOSY 150 MCG/0.3ML, 200 MCG/0.4ML, 300 MCG/0.6ML, 500 MCG/ML	4	SP; PA
DOPTELET	4	QL(3 ea daily); PA
EPOGEN 2000 UNIT/ML, 3000 UNIT/ML, 4000 UNIT/ML, 10000 UNIT/ML, 20000 UNIT/ML	4	SP; PA
LEUKINE SOLR IJ	4	SP; PA
MIRCERA 30 MCG/0.3ML, 50 MCG/0.3ML, 75 MCG/0.3ML, 100 MCG/0.3ML, 150 MCG/0.3ML, 200 MCG/0.3ML	4	PA
MULPLETA	4	QL(1 ea daily); PA
PROCRIT 2000 UNIT/ML, 3000 UNIT/ML, 4000 UNIT/ML, 10000 UNIT/ML, 20000 UNIT/ML	4	SP; PA
PROCRIT 40000 UNIT/ML	4	SP; PA
RETACRIT	4	PA
RETACRIT	4	PA
UDENYCA ONBODY SOSY	4	PA
UDENYCA SOAJ	4	PA
UDENYCA SOSY	4	PA
ZARXIO	4	PA
ZIEXTENZO	4	PA
Hematopoietic Mixtures		
<i>ferrous fumarate-folic acid</i>	1B	QL(1 ea daily)
Iron		
<i>ferrous sulfate SOLN 15 MG/ML</i>	0	AL(Up to 1 yrs old)

Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits
<i>ferrous sulfate TABS 65 MG, 325 MG</i>	0	
<i>ferrous sulfate TBEC 325 MG</i>	0	
Stem Cell Mobilizers		
MOZOBIL ( <i>plerixafor</i> )	4	SP; PA
<i>plerixafor</i>	4	SP; PA
<b>HEMOSTATICS - Drugs to Stop Bleeding/Treat Blood Disorders</b>		
Hemostatics - Systemic		
<i>aminocaproic acid TABS</i>	1B	PA
<i>tranexamic acid SOLN 1000 MG/10ML</i>	1B	
<i>tranexamic acid TABS</i>	1B	
<b>HYPNOTICS/SEDATIVES/SLEEP DISORDER AGENTS</b>		
Barbiturate Hypnotics		
<i>phenobarbital ELIX</i>	1B	
<i>phenobarbital TABS 15 MG, 16.2 MG, 30 MG, 32.4 MG, 64.8 MG, 97.2 MG, 100 MG</i>	1B	
Hypnotics - Tricyclic Agents		
<i>doxepin hcl (sleep)</i>	1B	QL(1 ea daily); PA
Non-Barbiturate Hypnotics		
<i>estazolam</i>	1B	
<i>eszopiclone</i>	1B	QL(1 ea daily); AL(At least 18 yrs old); ST
<i>flurazepam hcl</i>	1B	PA
<i>temazepam 7.5 MG, 22.5 MG</i>	1B	QL(1 ea daily)
<i>temazepam 15 MG, 30 MG</i>	1A	QL(1 ea daily)
<i>triazolam</i>	1B	
<i>zaleplon 5 MG</i>	1B	QL(1 ea daily); AL(At least 18 yrs old)

Ambetter Formulary Updated April 1, 2024

Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits
<i>zaleplon 10 MG</i>	1B	QL(2 ea daily); AL(At least 18 yrs old)
<i>zolpidem tartrate TABS</i>	1A	QL(1 ea daily); AL(At least 18 yrs old)
<i>zolpidem tartrate TBCR</i>	1B	QL(1 ea daily)
<b>Orexin Receptor Antagonists</b>		
<i>BELSOMRA</i>	3	PA
<b>Selective Melatonin Receptor Agonists</b>		
<i>ramelteon</i>	1B	QL(1 ea daily); AL(At least 18 yrs old)
<b>LAXATIVES - Bowel Treatment Drugs</b>		
<b>Bulk Laxatives</b>		
<i>calcium polycarbophil TABS</i>	1B	
<b>Laxative Combinations</b>		
<i>peg 3350-kcl-nacl-na sulfate-na ascorbate-ascorbic acid</i>	1B	
<i>peg 3350-kcl-sod bicarb-sod chloride-sod sulfate SOLR 6.74 GM-2.97 GM-5.86 GM-22.74 GM-236 GM</i>	0	
<i>peg 3350-potassium chloride-sod bicarbonate-sod chloride</i>	1B	PA
<i>sodium sulfate-potassium sulfate-magnesium sulfate</i>	1B	
<b>Laxatives - Miscellaneous</b>		
<i>lactulose SOLN</i>	1B	
<b>Saline Laxatives</b>		
<i>OSMOPREP</i>	3	PA
<b>Stimulant Laxatives</b>		
<i>bisacodyl SUPP</i>	1A	
<i>bisacodyl TBEC</i>	1A	
<b>Surfactant Laxatives</b>		

Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits
<i>docusate calcium</i>	1A	QL(1 ea daily)
<i>docusate sodium CAPS 250 MG</i>	1A	
<i>docusate sodium CAPS 100 MG</i>	1A	QL(4 ea daily)
<b>LOCAL ANESTHETICS-Parenteral - Drugs for Numbing</b>		
<b>Local Anesthetics - Amides</b>		
<i>lidocaine hcl (local anesth.) SOLN 0.5 %, 1 %, 2 %</i>	1B	
<b>MACROLIDES - Drugs to Treat Bacterial Infections</b>		
<b>Azithromycin</b>		
<i>azithromycin PACK</i>	1B	
<i>azithromycin SOLR</i>	1B	
<i>azithromycin SUSR</i>	1B	
<i>azithromycin TABS 500 MG</i>	1B	QL(4 ea per fill retail; 4 per fill mail)
<i>azithromycin TABS 250 MG</i>	1B	QL(6 ea per fill retail; 6 per fill mail)
<i>azithromycin TABS 600 MG</i>	1B	QL(0.286 ea daily)
<b>Clarithromycin</b>		
<i>clarithromycin SUSR</i>	1B	
<i>clarithromycin TABS</i>	1B	
<i>clarithromycin TB24</i>	1B	
<b>Erythromycins</b>		
<i>erythromycin base CPEP</i>	3	
<i>erythromycin base TABS</i>	3	
<i>erythromycin base TBEC</i>	1B	
<i>erythromycin ethylsuccinate SUSR</i>	1B	
<i>erythromycin ethylsuccinate TABS</i>	3	
<b>Fidaxomicin</b>		
<i>DIFICID TABS</i>	2	

Ambetter Formulary Updated April 1, 2024

Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits	Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits
<b>MEDICAL DEVICES AND SUPPLIES</b>			<b>MEDICAL DEVICES AND SUPPLIES</b>		
Contraceptives			Contraceptives		
AIMSCO LUBRICATED MISC	0	QL(2 ea daily)	KIMONO SENSATION PLUS SPERMICIDE LUBRICATED MISC	0	QL(2 ea daily)
CAYA DPRH	0		KIMONO SPECIAL DEVI	0	QL(2 ea daily)
DUREX EXTRA SENSITIVE THIN DEVI	0	QL(2 ea daily)	K-Y ME & YOU EXTRA LUBRICATED DEVI	0	QL(2 ea daily)
FANTASY LUBRICATED/SPERMICIDE MISC	0	QL(2 ea daily)	K-Y ME & YOU INTENSE DEVI	0	QL(2 ea daily)
FANTASY LUBRICATED MISC	0	QL(2 ea daily)	MAXX LUBRICATED MISC	0	QL(2 ea daily)
FC2 FEMALE CONDOM	0	1 rtl MAX fill; 90 rtl day(s) supply; 1 mail MAX fill; QL(12 ea per fill retail; 12 per fill mail)	MAXX PLUS SPERMICIDE LUBRICATED MISC	0	QL(2 ea daily)
FEMCAP DEVI	0		OMNIFLEX DIAPHRAGM	0	
KAMELEON LUBRICATED MISC	0	QL(2 ea daily)	PREMIUM CONDOMS LUBRICATED MISC	0	QL(2 ea daily)
KIMONO COLORS DEVI	0	QL(2 ea daily)	REALITY LATEX CONDOMS/LUBRICATED MISC	0	QL(2 ea daily)
KIMONO LUBRICATED MISC	0	QL(2 ea daily)	REALITY LATEX/ULTRA TEXTURED DEVI	0	QL(2 ea daily)
KIMONO MAXX/LARGE FLARE MISC	0	QL(2 ea daily)	REALITY LATEX/ULTRA THIN DEVI	0	QL(2 ea daily)
KIMONO MICRO THIN PLUS SPERMICIDE LUBRICATED MISC	0	QL(2 ea daily)	TRUSTEX COLOR CONDOMS + LUBE MISC	0	QL(2 ea daily)
KIMONO PLUS SPERMICIDE LUBRICATED MISC	0	QL(2 ea daily)	TRUSTEX LUBRICATED EXTRALARGE MISC	0	QL(2 ea daily)
KIMONO PLUS SPERMICIDE/LUBRICATED MISC	0	QL(2 ea daily)	TRUSTEX LUBRICATED EXTRASTRENGTH MISC	0	QL(2 ea daily)
KIMONO PS LUBRICATED MISC	0	QL(2 ea daily)	TRUSTEX LUBRICATED/RIBBED/STUDDED MISC	0	QL(2 ea daily)
KIMONO PS PLUS SPERMICIDE/LUBRICATED MISC	0	QL(2 ea daily)	TRUSTEX LUBRICATED/SPERMICIDE EXTRA LARGE MISC	0	QL(2 ea daily)
KIMONO SENSATION LUBRICATED MISC	0	QL(2 ea daily)	TRUSTEX LUBRICATED/SPERMICIDE EXTRA STRENGTH MISC	0	QL(2 ea daily)
			TRUSTEX LUBRICATED/SPERMICIDE MISC	0	QL(2 ea daily)

Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits	Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits
TRUSTEX LUBRICATED MISC	0	QL(2 ea daily)	FREESTYLE LIBRE 2/READER/FLASH GLUCOSE MONITORING SYSTEM	3	PA
TRUSTEX NATURAL CONDOMS +LUBE/LUBRICATED MISC	0	QL(2 ea daily)	FREESTYLE LIBRE 2/SENSOR/FLASH GLUCOSE MONITORING SYSTEM	3	QL(0.072 ea daily); PA
TRUSTEX WITH NONOXYNOL-9/RIBBED/STUDED MISC	0	QL(2 ea daily)	FREESTYLE LIBRE 3/READER/GLUCOSE MONITORING SYSTEM	3	QL(0.072 ea daily); PA
TRUSTEX/RIA LUBRICATED SPERMICIDE MISC	0	QL(2 ea daily)	FREESTYLE LIBRE 3/SENSOR/GLUCOSE MONITORING SYSTEM	3	QL(0.072 ea daily); PA
TRUSTEX/RIA LUBRICATED/SPERMICIDE MISC	0	QL(2 ea daily)	FREESTYLE LIBRE/READER/FLASH MONITORING SYSTEM	3	PA
TRUSTEX/RIA LUBRICATED MISC	0	QL(2 ea daily)	SELECT LANCETS	1B	6.66/day
WIDE-SEAL SILICONE DIAPHRAGM KIT 60	0		SELECT LANCETS	1	6.66/day
WIDE-SEAL SILICONE DIAPHRAGM KIT 65	0		TRUE METRIX CONTROL SOLUTION LEVEL 3 SOLN	1B	
WIDE-SEAL SILICONE DIAPHRAGM KIT 70	0		<b>Parenteral Therapy Supplies</b>		
WIDE-SEAL SILICONE DIAPHRAGM KIT 75	0		SELECT INSULIN SYRINGES	1B	5/day
WIDE-SEAL SILICONE DIAPHRAGM KIT 80	0		SELECT INSULIN SYRINGES	1	5/day
WIDE-SEAL SILICONE DIAPHRAGM KIT 85	0		<b>MIGRAINE PRODUCTS - Drugs to Treat Migraine Headaches</b>		
WIDE-SEAL SILICONE DIAPHRAGM KIT 90	0		Calcitonin Gene-Related Peptide (CGRP) Receptor Antag		
WIDE-SEAL SILICONE DIAPHRAGM KIT 95	0		AIMOVIG	2	QL(0.04 ml daily); PA
<b>Diabetic Supplies</b>			EMGALITY SOAJ	2	QL(0.07 ml daily); PA
FREESTYLE LIBRE 14 DAY/READER/FLASH MONITORING SYSTEM	3	PA	EMGALITY SOSY 120 MG/ML	2	QL(0.07 ml daily); PA
FREESTYLE LIBRE 14 DAY/SENSOR/FLASH MONITORING SYSTEM	3	QL(0.072 ea daily); PA	EMGALITY SOSY 100 MG/ML	2	QL(0.1 ml daily); PA
			UBRELVY	3	ST
			<b>Migraine Combinations</b>		

Ambetter Formulary Updated April 1, 2024

Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits	Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits
<i>ergotamine w/ caffeine TABS</i>	1B	QL(1.5 ea daily)	<i>rizatriptan benzoate TBDP 5 MG</i>	1B	QL(0.4 ea daily); AL(At least 6 yrs old)
<i>sumatriptan-naproxen sodium</i>	3	QL(10 ea per 30 days retail; 10 ea per 30 days mail)	<i>sumatriptan</i>	1B	QL(0.2 ea daily); AL(At least 18 yrs old)
<b>Migraine Products</b>			<i>sumatriptan succinate SOAJ</i>	1B	QL(0.134 ml daily); AL(At least 18 yrs old)
<i>dihydroergotamine mesylate SOLN IJ 1 MG/ML</i>	1B		<i>sumatriptan succinate SOCT</i>	1B	QL(0.134 ml daily); AL(At least 18 yrs old)
<i>dihydroergotamine mesylate SOLN NA 4 MG/ML</i>	1B	QL(0.267 ml daily)	<i>sumatriptan succinate SOLN 6 MG/0.5ML</i>	1B	QL(0.134 ml daily); AL(At least 18 yrs old)
ERGOMAR SUBL	3	QL(0.667 ea daily)	<i>sumatriptan succinate TABS</i>	1B	QL(0.3 ea daily); AL(At least 18 yrs old)
<b>Serotonin Agonists</b>			<i>zolmitriptan SOLN</i>	1B	QL(0.2 ea daily); AL(At least 12 yrs old); ST
<i>almotriptan malate 12.5 MG</i>	1B	QL(0.4 ea daily); AL(At least 12 yrs old); ST	<i>zolmitriptan TABS</i>	1B	QL(0.3 ea daily); AL(At least 12 yrs old); ST
<i>almotriptan malate 6.25 MG</i>	1B	QL(0.3 ea daily); AL(At least 12 yrs old); ST	<i>zolmitriptan TBDP</i>	1B	QL(0.3 ea daily); AL(At least 12 yrs old); ST
<i>eletriptan hydrobromide</i>	1B	QL(0.2 ea daily); AL(At least 18 yrs old); ST	<b>MINERALS &amp; ELECTROLYTES</b>		
<i>frovatriptan succinate</i>	1B	QL(0.4 ea daily); AL(At least 18 yrs old); ST	<b>Bicarbonates</b>		
<i>naratriptan hcl</i>	1B	QL(0.3 ea daily); AL(At least 18 yrs old)	<i>sodium acetate SOLN</i>	1B	
<i>rizatriptan benzoate TABS 10 MG</i>	1B	QL(0.6 ea daily); AL(At least 6 yrs old)	SODIUM ACETATE SOLN ( <i>sodium acetate</i> )	1B	
<i>rizatriptan benzoate TABS 5 MG</i>	1B	QL(0.4 ea daily); AL(At least 6 yrs old)	<b>Calcium</b>		
<i>rizatriptan benzoate TBDP 10 MG</i>	1B	QL(0.6 ea daily); AL(At least 6 yrs old)	<i>calcium chloride (dihydrate) SOLN</i>	1B	
			<b>Electrolyte Mixtures</b>		

Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits
<i>dextrose in lactated ringers</i>	1B	
<i>electrolyte-148</i>	1B	
<i>electrolyte-a</i>	1B	
IONOSOL-MB/DEXTROSE 5%	1B	
ISOLYTE-P/DEXTROSE 5%	1B	
ISOLYTE-S	1B	
KCL 0.3%/D5W/NACL 0.9% ( <i>potassium chloride in dextrose &amp; sodium chloride</i> )	1B	
<i>lactated ringer's</i>	1B	
NORMOSOL-M/D5W	1B	
NORMOSOL-R	1B	
PLASMA-LYTE A ( <i>electrolyte-a</i> )	1B	
PLASMA-LYTE-148 ( <i>electrolyte-148</i> )	1B	
<i>potassium chloride in dextrose 5 %-20 MEQ/L</i>	1B	
<i>potassium chloride in dextrose &amp; sodium chloride 5 %-0.075 %-0.45 %, 5 %-0.15 %-0.9 %, 5 %-10 MEQ/L-0.45 %, 5 %-20 MEQ/L-0.2 %, 5 %-20 MEQ/L-0.45 %, 5 %-20 MEQ/L-0.9 %, 5 %-30 MEQ/L-0.45 %, 5 %-40 MEQ/L-0.45 %, 5 %-40 MEQ/L-0.9 %</i>	1B	
<i>potassium chloride in nacl 20 MEQ/L-0.45 %, 20 MEQ/L-0.9 %, 40 MEQ/L-0.9 %</i>	1B	
POTASSIUM CHLORIDE/DEXTROSE/LACTATED RINGERS	1B	

Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits
POTASSIUM CHLORIDE/SODIUM CHLORIDE 20 MEQ/L-0.45 % ( <i>potassium chloride in nacl</i> )	1B	
<i>ringer's</i>	1B	
Fluoride		
<i>sodium fluoride CHEW 0.25 MG, 0.5 MG, 1 MG, 2.2 MG</i>	0	QL(1 ea daily)
Magnesium		
<i>magnesium sulfate IJ 50 %</i>	1B	
Phosphate		
<i>potassium phosphates 236 MG/ML-224 MG/ML</i>	1B	
Potassium		
<i>potassium acetate SOLN 2 MEQ/ML</i>	1B	
<i>potassium bicarbonate TBEF</i>	1B	
<i>potassium chloride microencapsulated crystals er</i>	1B	
<i>potassium chloride CPCR</i>	1B	
<i>potassium chloride PACK OR 20 MEQ</i>	1B	PA
<i>potassium chloride SOLN IV 2 MEQ/ML, 10 MEQ/50ML, 20 MEQ/50ML</i>	1B	
POTASSIUM CHLORIDE SOLN IV 10 MEQ/50ML ( <i>potassium chloride</i> )	1B	
<i>potassium chloride TBCR 8 MEQ, 10 MEQ</i>	1B	
Sodium		
<i>sodium chloride SOLN IV 0.45 %, 0.9 %, 3 %, 4 MEQ/ML, 5 %</i>	1B	
<b>MISCELLANEOUS THERAPEUTIC CLASSES</b>		



Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits
<b>Chelating Agents</b>		
<i>penicillamine CAPS</i>	1B	PA
<i>penicillamine TABS</i>	1B	QL(8 ea daily)
<i>trientine hcl 250 MG</i>	4	QL(8 ea daily); SP; PA
<b>Immunomodulators</b>		
<i>lenalidomide 2.5 MG, 5 MG, 10 MG, 15 MG, 25 MG</i>	4	QL(1 ea daily); SP; PA
<i>lenalidomide 20 MG</i>	4	QL(1 ea daily); PA
THALOMID	4	QL(3 ea daily); SP; PA
<b>Immunosuppressive Agents</b>		
ATGAM	4	SP; PA
AZATHIOPRINE	1B	
<i>azathioprine TABS</i>	1B	
<i>cyclosporine modified (for microemulsion) CAPS</i>	1B	
<i>cyclosporine modified (for microemulsion) SOLN</i>	1B	
<i>cyclosporine CAPS</i>	1B	
<i>cyclosporine SOLN IV 50 MG/ML</i>	1B	
ENSPRYNG	4	PA
<i>everolimus (immunosuppressant) 0.25 MG, 0.5 MG, 0.75 MG</i>	4	QL(20 ea daily); SP; PA
<i>mycophenolate mofetil CAPS</i>	1B	
<i>mycophenolate mofetil TABS</i>	1B	
<i>mycophenolate sodium</i>	1B	
NULOJIX	4	SP; PA
PROGRAF PACK	2	PA
PROGRAF SOLN	2	
SIMULECT	3	
<i>sirolimus TABS</i>	1B	
<i>tacrolimus CAPS</i>	1B	

Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits
THYMOGLOBULIN	4	SP; PA
<b>Irrigation Solutions</b>		
<i>irrigation solutions, physiological</i>	1B	
<i>lactated ringer's (irrigation)</i>	1B	
<i>ringer's irrigation</i>	1B	
<i>water for irrigation, sterile</i>	1B	
<b>Potassium Removing Agents</b>		
LOKELMA	3	QL(1 ea daily); PA
<i>sodium polystyrene sulfonate POWD</i>	1B	
<i>sodium polystyrene sulfonate SUSP OR 15 GM/60ML</i>	1B	
<b>MOUTH/THROAT/DENTAL AGENTS</b>		
<b>Anesthetics Topical Oral</b>		
<i>lidocaine hcl (mouth-throat) 2 %</i>	1B	QL(4 ml daily)
<i>lidocaine hcl (mouth-throat) 4 %</i>	1B	
<b>Anti-infectives - Throat</b>		
<i>clotrimazole</i>	1B	
<i>nystatin (mouth-throat)</i>	1B	
<b>Antiseptics - Mouth/Throat</b>		
<i>chlorhexidine gluconate (mouth-throat)</i>	1B	
DEBACTEROL	2	
<b>Dental Products</b>		
<i>stannous fluoride CONC</i>	0	RX/OTC
<b>Steroids - Mouth/Throat/Dental</b>		
<i>triamcinolone acetonide (mouth)</i>	1B	
<b>Throat Products - Misc.</b>		
<i>cevimeline hcl</i>	1B	

Ambetter Formulary Updated April 1, 2024

Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits
<i>pilocarpine hcl (oral)</i>	1B	
<b>MULTIVITAMINS</b>		
Ped MV w/ Fluoride		
<i>pediatric multivitamins w/fl CHEW</i>	1A	RX/OTC
Prenatal Vitamins		
CLASSIC PRENATAL TABS	2	QL(1 ea daily)
CVS PRENATAL TABS 100 MG-2.6 MG-800 MCG-400 UNIT-4 MCG- 1.7 MG-18 MG-27 MG-1.5 MG-25 MG-263 MG-11 UNIT-4000 UNIT	2	QL(1 ea daily)
EQL PRENATAL FORMULA TABS	2	QL(1 ea daily)
GNP PRENATAL TABS	2	QL(1 ea daily)
KP PRENATAL MULTIVITAMINS TABS	2	QL(1 ea daily)
MASONATAL TABS	2	QL(1 ea daily)
M-NATAL PLUS TABS	2	QL(1 ea daily); RX/OTC
MULTI PRENATAL TABS	2	QL(1 ea daily)
NEONATAL COMPLETE TABS 120 MG-10 MG-9.2 MG-1000 MCG-10 MCG- 12 MCG-3 MG-5 MG-20 MG-27 MG-200 MG-1.84 MG-25 MG-2 MG-1200 MCG-2 MG-0.2 MG	2	QL(1 ea daily); RX/OTC
NEONATAL PLUS TABS	2	QL(1 ea daily); RX/OTC
NEONATAL PRENATAL VITAMIN TABS	2	QL(1 ea daily)
NEONATAL VITAMIN TABS	2	QL(1 ea daily)
NIVA-PLUS TABS	2	QL(1 ea daily); RX/OTC
ONE VITE WOMENS PRENATALVITAMIN PLUS TABS	2	QL(1 ea daily); RX/OTC

Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits
ONE VITE WOMENS PRENATALVITAMIN TABS	2	QL(1 ea daily)
PRENATAL MULTIVITAMIN TABS	2	QL(1 ea daily)
PRENATAL ONE DAILY TABS	2	QL(1 ea daily)
PRENATAL PLUS VITAMIN ANDMINERAL TABS	2	QL(1 ea daily); RX/OTC
PRENATAL PLUS TABS	2	QL(1 ea daily); RX/OTC
PRENATAL VITAMIN & MINERAL TABS	2	QL(1 ea daily)
PRENATAL VITAMIN/IRON TABS	2	QL(1 ea daily)
PRENATAL VITAMINS PLUS LOW IRON TABS	2	QL(1 ea daily); RX/OTC
PRENATAL VITAMINS TABS 120 MG-2.6 MG- 800 MCG-400 UNIT-8 MCG-1.7 MG-20 MG-28 MG-200 MG-1.8 MG-25 MG-4000 UNIT-30 UNIT	2	QL(1 ea daily)
PRENATAL VITAMIN TABS	2	QL(1 ea daily)
PRENATAL TABS	2	QL(1 ea daily)
PRENATRIX TABS	2	QL(1 ea daily); RX/OTC
PRENATRYL TABS	2	QL(1 ea daily); RX/OTC
PREPLUS TABS	2	QL(1 ea daily); RX/OTC
PX PRENATAL MULTIVITAMINS TABS	2	QL(1 ea daily)
QC PRENATAL TABS	2	QL(1 ea daily)
RA PRENATAL FORMULA/FOLICACID TABS	2	QL(1 ea daily)
RA PRENATAL TABS	2	QL(1 ea daily)
SM PRENATAL VITAMINS TABS	2	QL(1 ea daily)
THERANATAL CORE NUTRITION TABS	2	QL(1 ea daily); RX/OTC

Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits
TRICARE TABS	2	QL(1 ea daily); RX/OTC
VITATHELY/GINGER TABS	2	QL(1 ea daily); RX/OTC
WESTAB PLUS TABS	2	QL(1 ea daily); RX/OTC
<b>MUSCULOSKELETAL THERAPY AGENTS - Drugs to Treat Spasms</b>		
Central Muscle Relaxants		
<i>baclofen TABS 10 MG, 20 MG</i>	1B	
<i>carisoprodol TABS</i>	1B	
<i>chlorzoxazone TABS 500 MG</i>	1B	QL(6 ea daily)
<i>cyclobenzaprine hcl TABS 5 MG, 10 MG</i>	1A	QL(3 ea daily)
<i>metaxalone 800 MG</i>	1B	QL(4 ea daily)
<i>methocarbamol TABS 500 MG, 750 MG</i>	1B	
<i>orphenadrine citrate TB12</i>	1B	QL(2 ea daily)
<i>tizanidine hcl CAPS</i>	1B	
<i>tizanidine hcl TABS</i>	1B	
Direct Muscle Relaxants		
<i>dantrolene sodium CAPS</i>	1B	QL(4 ea daily)
Muscle Relaxant Combinations		
<i>carisoprodol w/ aspirin &amp; codeine</i>	3	PA
<b>NASAL AGENTS - SYSTEMIC AND TOPICAL - Drugs to treat the Nose or Sinus</b>		
Nasal Antiallergy		
<i>azelastine hcl</i>	1B	RX/OTC
<i>olopatadine hcl (nasal)</i>	1B	
Nasal Anticholinergics		
<i>ipratropium bromide (nasal) 0.06 %</i>	1B	
<i>ipratropium bromide (nasal) 0.03 %</i>	1B	QL(1 ml daily)

Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits
Nasal Steroids		
<i>budesonide (nasal)</i>	1B	
<i>flunisolide (nasal) 0.025 %</i>	1B	1 rtl pack lmt per fill
<i>fluticasone propionate (nasal) SUSP</i>	1B	Limit 2 inhalers per month; QL(32 ml per 30 days retail); RX/OTC
<i>mometasone furoate (nasal) SUSP</i>	1B	QL(1.14 gm daily); PA; RX/OTC
<i>triamcinolone acetonide (nasal) AERO</i>	1B	
XHANCE EXHU	3	PA
<b>NEUROMUSCULAR AGENTS - Drugs to Relax/Paralyze Muscles</b>		
ALS Agents		
<i>riluzole TABS</i>	3	
Neuromuscular Blocking Agent - Neurotoxins		
XEOMIN	3	PA
Nondepolarizing Muscle Relaxants		
<i>atracurium besylate 100 MG/10ML</i>	3	PA
<b>NUTRIENTS</b>		
Proteins		
CLINIMIX 4.25%/DEXTROSE 10%	3	
CLINIMIX 4.25%/DEXTROSE 5%	3	
CLINIMIX E 5%/DEXTROSE 20%	3	
<b>OPHTHALMIC AGENTS - Drugs to Treat the Eye</b>		
Beta-blockers - Ophthalmic		
<i>betaxolol hcl (ophth) SOLN</i>	1B	
<i>brimonidine tartrate-timolol maleate</i>	1B	

Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits	Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits
<i>carteolol hcl (ophth)</i>	1B		<i>moxifloxacin hcl (ophth) SOLN OP</i>	1B	
<i>dorzolamide hcl-timolol maleate</i>	1B		NATACYN	2	
<i>levobunolol hcl 0.5 %</i>	1B		<i>neomycin-bacitracin zn-polymyxin</i>	1B	
<i>timolol maleate (ophth) SOLG</i>	1B		<i>ofloxacin (ophth)</i>	1B	
<i>timolol maleate (ophth) SOLN</i>	1B		<i>polymyxin b-trimethoprim</i>	1B	
Cycloplegic Mydriatics			<i>sulfacetamide sodium (ophth) SOLN</i>	1B	
<i>tropicamide SOLN 0.5 %</i>	1B	QL(2.5 ml daily)	<i>tobramycin (ophth) SOLN</i>	1B	
<i>tropicamide SOLN 1 %</i>	1B		<i>trifluridine</i>	1B	
Miotics			ZIRGAN GEL	2	
<i>pilocarpine hcl SOLN 1 %, 2 %, 4 %</i>	1B		Ophthalmic Immunomodulators		
Ophthalmic Adrenergic Agents			<i>cyclosporine (ophth) EMUL</i>	3	PA
<i>apraclonidine hcl</i>	1B		Ophthalmic Local Anesthetics		
<i>brimonidine tartrate 0.15 %, 0.2 %</i>	1B		<i>proparacaine hcl</i>	1B	
IOPIDINE	3		Ophthalmic Steroids		
Ophthalmic Anti-infectives			ALREX SUSP ( <i>loteprednol etabonate</i> )	3	PA
AZASITE	3	QL(2.5 ml per 30 days retail; 2 ml per 30 days mail)	<i>dexamethasone sodium phosphate (ophth)</i>	1B	QL(0.4 ml daily)
<i>bacitracin (ophthalmic)</i>	3		<i>difluprednate</i>	1B	PA
BESIVANCE	3	PA	<i>fluorometholone (ophth) SUSP</i>	1B	
<i>ciprofloxacin hcl (ophth) SOLN</i>	1B		FML FORTE SUSP	3	PA
<i>erythromycin (ophth)</i>	1B		FML OINT	3	PA
<i>gatifloxacin (ophth)</i>	1B		LOTEMAX OINT	3	PA
<i>gentamicin sulfite (ophth) OINT</i>	1B		<i>loteprednol etabonate GEL</i>	1B	PA
<i>gentamicin sulfate (ophth) SOLN</i>	1B		<i>loteprednol etabonate SUSP</i>	1B	PA
KLARITY-A	3	QL(2.5 ml per 30 days retail; 2 ml per 30 days mail)	MAXIDEX SUSP OP	3	PA
<i>levofloxacin (ophth) 0.5 %</i>	1B		<i>neomycin-polymy-dexameth OINT</i>	1B	
			<i>neomycin-polymy-dexameth SUSP</i>	1B	
			<i>neomycin-polymyxin-hc (ophth)</i>	1B	QL(2.5 ml daily)

Ambetter Formulary Updated April 1, 2024

Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits
PRED MILD	3	PA
PRED-G SUSP	3	PA
<i>prednisolone acetate (ophth)</i>	1B	
PREDNISOLONE SODIUM PHOSPHATE	3	
<i>sulfacetamide sod-prednisolone SOLN</i>	3	PA
<i>tobramycin-dexamethasone SUSP</i>	1B	
ZYLET	3	PA
Ophthalmic Surgical Aids		
HEALON PRO SOSY	3	PA
PROVISC SOSY	3	PA
Ophthalmics - Misc.		
ALOCRIAL	3	PA
ALOMIDE	3	PA
<i>azelastine hcl (ophth)</i>	1B	
<i>bepotastine besilate</i>	3	PA
<i>brinzolamide</i>	1B	
<i>bromfenac sodium (ophth) 0.09 %</i>	1B	
<i>cromolyn sodium (ophth)</i>	1B	
CYSTARAN	2	QL(2.143 ml daily); PA
<i>diclofenac sodium (ophth)</i>	1B	
<i>dorzolamide hcl</i>	1B	
<i>epinastine hcl (ophth)</i>	1B	
<i>flurbiprofen sodium</i>	1B	
<i>ketorolac tromethamine (ophth)</i>	1B	
<i>ketotifen fumarate (ophth) 0.035 %</i>	1B	
LASTACAFT	3	PA
NEVANAC	3	QL(0.2 ml daily); ST
<i>olopatadine hcl 0.1 %</i>	1B	QL(0.34 ml daily); RX/OTC
<i>olopatadine hcl 0.2 %</i>	1B	RX/OTC

Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits
Prostaglandins - Ophthalmic		
<i>bimatoprost SOLN</i>	3	
<i>latanoprost SOLN</i>	1B	
<i>tafluprost</i>	1B	
<i>travoprost SOLN</i>	1B	
OTIC AGENTS - Drugs to Treat the Ear		
Otic Agents - Miscellaneous		
<i>acetic acid (otic)</i>	1B	QL(0.5 ml daily)
Otic Anti-infectives		
<i>ciprofloxacin hcl (otic)</i>	1B	
<i>ofloxacin (otic)</i>	1B	
Otic Combinations		
<i>ciprofloxacin-dexamethasone</i>	1B	PA
<i>ciprofloxacin-fluocinolone acetamide</i>	1B	QL(0.5 ea daily); PA
CORTISPORIN-TC	3	
<i>neomycin-polymyxin-hc (otic) SOLN</i>	1B	QL(2 ml daily)
<i>neomycin-polymyxin-hc (otic) SUSP</i>	1B	
Otic Steroids		
<i>fluocinolone acetonide (otic)</i>	1B	
<i>hydrocortisone w/acetic acid</i>	1B	
PASSIVE IMMUNIZING AND TREATMENT AGENTS - Antibody Drugs to Treat Low Immune System		
Immune Serums		
GAMMAGARD LIQUID 2.5 GM/25ML, 5 GM/50ML, 10 GM/100ML, 20 GM/200ML	4	SP; PA
GAMMAGARD LIQUID 1 GM/10ML	4	SP; PA

Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits
GAMMAGARD LIQUID 30 GM/300ML	4	PA
GAMMAGARD S/D IGA LESS THAN 1MCG/ML SOLR	4	SP; PA
GAMMAKED 5 GM/50ML, 10 GM/100ML, 20 GM/200ML	4	SP; PA
GAMMAKED 1 GM/10ML	4	SP; PA
GAMUNEX-C 2.5 GM/25ML, 5 GM/50ML, 10 GM/100ML, 20 GM/200ML, 40 GM/400ML	4	SP; PA
GAMUNEX-C 1 GM/10ML	4	SP; PA
Passive Immunizing Agents - Combinations		
HYQVIA	4	PA
<b>PENICILLINS - Drugs to Treat Bacterial Infections</b>		
Aminopenicillins		
<i>amoxicillin CAPS</i>	1A	
<i>amoxicillin CHEW 125 MG, 250 MG</i>	1B	
<i>amoxicillin SUSR 200 MG/5ML, 250 MG/5ML, 400 MG/5ML</i>	1B	
<i>amoxicillin SUSR 125 MG/5ML</i>	1A	
<i>amoxicillin TABS</i>	1B	
<i>ampicillin sodium IJ 1 GM</i>	1B	
<i>ampicillin CAPS 500 MG</i>	1B	
Natural Penicillins		
<i>penicillin g potassium 5000000 UNIT</i>	1B	
PENICILLIN G POTASSIUM IN ISO-OSMOTIC DEXTROSE 40000 UNIT/ML, 60000 UNIT/ML	1B	
PENICILLIN G PROCAINE	3	
<i>penicillin g sodium</i>	3	

Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits
<i>penicillin v potassium SOLR</i>	1B	
<i>penicillin v potassium TABS</i>	1B	
Penicillin Combinations		
<i>amoxicillin &amp; pot clavulanate CHEW</i>	1B	
<i>amoxicillin &amp; pot clavulanate SUSR</i>	1B	
<i>amoxicillin &amp; pot clavulanate TABS</i>	1B	
<i>amoxicillin &amp; pot clavulanate TB12</i>	1B	
<i>ampicillin &amp; sulbactam sodium IV 10 GM-5 GM</i>	1B	
<i>piperacillin sodium-tazobactam sodium</i>	1B	
Penicillinase-Resistant Penicillins		
<i>dicloxacillin sodium</i>	1B	
<i>naftillin sodium IV 10 GM</i>	1B	
<i>oxacillin sodium IV 10 GM</i>	1B	
<b>PROGESTINS - Hormone Replacement/Modifying Drugs</b>		
Progestins		
<i>medroxyprogesterone acetate 10 MG</i>	1A	
<i>medroxyprogesterone acetate 2.5 MG, 5 MG</i>	1B	
<i>megestrol acetate (appetite)</i>	1B	PA
<i>norethindrone acetate TABS</i>	0	
<i>progesterone CAPS</i>	1B	
<b>PSYCHOTHERAPEUTIC AND NEUROLOGICAL AGENTS - MISC. - Drugs to Treat Mental and Emotional Conditions</b>		
Agents for Chemical Dependency		
<i>acamprosate calcium</i>	1B	

Ambetter Formulary Updated April 1, 2024

Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits
<i>disulfiram</i>	1B	
LUCEMYRA	3	QL(224 ea per 14 days retail); PA
<b>Antidementia Agents</b>		
<i>donepezil hydrochloride TABS 5 MG</i>	1B	QL(1 ea daily)
<i>donepezil hydrochloride TABS 10 MG</i>	1B	QL(2 ea daily)
<i>donepezil hydrochloride TBDP 5 MG</i>	1B	QL(1 ea daily)
<i>donepezil hydrochloride TBDP 10 MG</i>	1B	QL(2 ea daily)
<i>galantamine hydrobromide CP24</i>	1B	QL(1 ea daily)
<i>galantamine hydrobromide SOLN</i>	1B	QL(6 ml daily)
<i>galantamine hydrobromide TABS</i>	1B	QL(2 ea daily)
<i>memantine hcl TABS</i>	1B	
<i>memantine hcl TABS</i>	1B	QL(2 ea daily)
<i>rivastigmine tartrate CAPS</i>	1B	
<b>Combination Psychotherapeutics</b>		
<i>chlordiazepoxide-amitriptyline</i>	1B	
<i>perphenazine-amitriptyline</i>	1B	QL(4 ea daily)
<b>Fibromyalgia Agents</b>		
SAVELLA TITRATION PACK MISC	2	1 rtl MAX fill; 365 rtl day(s) supply; PA
SAVELLA TABS	2	QL(2 ea daily); PA
<b>Movement Disorder Drug Therapy</b>		
AUSTEDO TABS	4	QL(4 ea daily); PA
INGREZZA CAPS	4	QL(1 ea daily); PA
INGREZZA CPPK	4	1 rtl MAX fill; 180 rtl day(s) supply; PA

Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits
<i>tetrabenazine</i>	4	QL(3 ea daily); SP; PA
<b>Multiple Sclerosis Agents</b>		
AVONEX PEN AJKT	4	QL(0.0714 ml daily); SP; PA
AVONEX PSKT	4	QL(0.0714 ml daily); SP; PA
BETASERON KIT	4	QL(0.5 ea daily); SP; PA
<i>dalfampridine</i>	4	QL(2 ea daily); SP; PA
<i>dimethyl fumarate CDPK</i>	4	QL(2 ea daily)
<i>dimethyl fumarate CPDR</i>	1B	QL(2 ea daily)
<i> fingolimod hcl</i>	4	QL(1 ea daily)
<i>glatiramer acetate SOSY 20 MG/ML</i>	3	QL(1 ml daily)
<i>glatiramer acetate SOSY 40 MG/ML</i>	3	QL(0.43 ml daily)
KESIMPTA	4	QL(0.0144 ml daily); PA
PLEGRIDY STARTER PACK SOPN	4	QL(0.036 ml daily); PA
PLEGRIDY STARTER PACK SOSY SC	4	QL(0.036 ml daily); PA
PLEGRIDY SOPN	4	QL(0.036 ml daily); PA
PLEGRIDY SOSY SC	4	QL(0.036 ml daily); PA
REBIF REBIDOSE TITRATIONPACK SOAJ	4	1 rtl MAX fill; 365 rtl day(s) supply; SP; PA
REBIF REBIDOSE SOAJ	4	QL(0.214 ml daily); SP; PA
REBIF TITRATION PACK SOSY	4	1 rtl MAX fill; 365 rtl day(s) supply; SP; PA
REBIF SOSY	4	QL(0.214 ml daily); SP; PA
<i>teriflunomide</i>	4	QL(1 ea daily)
<b>Postherpetic Neuralgia (PHN)/Neuropathic Pain Agents</b>		
<i>pregabalin (once-daily) 82.5 MG, 165 MG</i>	3	QL(1 ea daily); PA

Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits
<i>pregabalin (once-daily) 330 MG</i>	3	QL(2 ea daily); PA
<b>Pseudobulbar Affect (PBA) Agents</b>		
NUDEXTA	3	QL(2 ea daily); PA
<b>Psychotherapeutic and Neurological Agents - Misc.</b>		
<i>ergoloid mesylates TABS</i>	1B	
<i>pimozide</i>	1B	
<b>Smoking Deterrents</b>		
<i>bupropion hcl (smoking deterrent)</i>	0	QL(2 ea daily)
<i>nicotine polacrilex GUM</i>	0	
<i>nicotine polacrilex LOZG</i>	0	
NICOTINE TRANSDERMAL SYSTEM KIT	0	
<i>nicotine MISC XX</i>	0	QL(1 ea daily)
<i>nicotine PT24 TD 7 MG/24HR, 14 MG/24HR, 21 MG/24HR</i>	0	QL(1 ea daily)
NICOTROL INHALER INHA	0	
NICOTROL NS SOLN	0	
<i>varenicline tartrate TABS</i>	0	QL(2 ea daily)
<i>varenicline tartrate TBPk</i>	0	
<b>Transthyretin Amyloidosis Agents</b>		
TEGSEDI	4	PA
<b>RESPIRATORY AGENTS - MISC. - Drugs to Treat Lung Conditions</b>		
<b>Alpha-Proteinase Inhibitor (Human)</b>		
PROLASTIN-C SOLN	4	PA
PROLASTIN-C SOLR	4	PA
<b>Cystic Fibrosis Agents</b>		
KALYDECO TABS	4	QL(2 ea daily); SP; PA

Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits
ORKAMBI PACK 125 MG-100 MG, 188 MG-150 MG	4	QL(2 ea daily); PA
ORKAMBI TABS	4	QL(4 ea daily); PA
PULMOZYME	4	QL(2.5 ml daily); SP; PA
TRIKAFTA TBPk 100 MG-50 MG	4	QL(3 ea daily); PA
<b>Pulmonary Fibrosis Agents</b>		
OFEV	4	QL(2 ea daily); PA
<i>pirfenidone CAPS</i>	4	QL(1 ea daily); PA
<i>pirfenidone TABS 267 MG, 801 MG</i>	4	QL(1 ea daily); PA
<i>pirfenidone TABS 534 MG</i>	4	QL(3 ea daily); PA
<b>SULFONAMIDES - Drugs to Treat Bacterial Infections</b>		
<b>Sulfonamides</b>		
<i>sulfadiazine TABS</i>	1B	
<b>TETRACYCLINES - Drugs to Treat Bacterial Infections</b>		
<b>Fluorocyclines</b>		
XERAVA	4	PA
<b>Glycylcyclines</b>		
<i>tigecycline</i>	1B	
<b>Tetracyclines</b>		
<i>demeclocycline hcl TABS</i>	1B	
<i>doxycycline (monohydrate) CAPS 75 MG</i>	1B	
<i>doxycycline (monohydrate) CAPS 50 MG, 100 MG</i>	1B	QL(2 ea daily)
<i>doxycycline (monohydrate) TABS 50 MG</i>	1B	



Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits
<i>doxycycline (monohydrate) TABS 100 MG</i>	1B	QL(2 ea daily)
<i>doxycycline hyclate CAPS</i>	1B	QL(2 ea daily)
<i>doxycycline hyclate SOLR</i>	1B	
<i>doxycycline hyclate TABS 20 MG, 100 MG</i>	1B	QL(2 ea daily)
<i>minocycline hcl CAPS</i>	1B	QL(3 ea daily)
<i>minocycline hcl TABS</i>	1B	QL(3 ea daily)
<i>tetracycline hcl CAPS</i>	1B	QL(8 ea daily)
<b>THYROID AGENTS - Drugs to Regulate Thyroid Hormones</b>		
Antithyroid Agents		
<i>methimazole TABS</i>	1B	
<i>propylthiouracil</i>	1B	
Thyroid Hormones		
ADTHYZA TABS 16.25 MG, 32.5 MG, 65 MG, 97.5 MG, 130 MG	2	
ARMOUR THYROID TABS	2	QL(1 ea daily)
<i>levothyroxine sodium TABS</i>	1B	
<i>liothyronine sodium SOLN</i>	1B	
<i>liothyronine sodium TABS</i>	1B	
NP THYROID 120 TABS	1B	QL(1 ea daily)
NP THYROID 15 TABS	1B	QL(1 ea daily)
NP THYROID 30 TABS	1B	QL(1 ea daily)
NP THYROID 60 TABS	1B	QL(1 ea daily)
NP THYROID 90 TABS	1B	QL(1 ea daily)
SYNTHROID TABS ( <i>levothyroxine sodium</i> )	2	
<b>TOXOIDS</b>		
Toxoid Combinations		
ADACEL SUSP	0	
BOOSTRIX SUSP	0	
BOOSTRIX SUSY	0	

Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits
DAPTACEL	0	
DIPHThERIA/TETANUS TOXOIDS ADSORBED PEDIATRIC SUSP	0	
INFANRIX	0	
KINRIX SUSY	0	
PEDIARIX SUSY	0	
PENTACEL	0	
QUADRACEL SUSP	0	
QUADRACEL SUSY	0	
TDVAX SUSP	0	
TENIVAC INJ	0	
TETANUS/DIPHThERIA TOXOIDS-ADSORBED ADULT SUSP	0	
<b>ULCER DRUGS - Drugs to Treat Bowel, Intestine and Stomach Conditions</b>		
Antispasmodics		
<i>atropine sulfate SOLN IJ 0.4 MG/ML, 1 MG/ML</i>	1B	
<i>atropine sulfate SOSY IJ 0.25 MG/5ML</i>	1B	
<i>chlordiazepoxide hcl-clidinium bromide</i>	1B	
<i>dicyclomine hcl CAPS</i>	1B	
<i>dicyclomine hcl SOLN OR</i>	1B	
<i>dicyclomine hcl TABS</i>	1B	
<i>glycopyrrolate SOLN IJ 0.2 MG/ML, 4 MG/20ML</i>	1B	
<i>glycopyrrolate TABS 1 MG</i>	1B	
<i>glycopyrrolate TABS 2 MG</i>	1B	QL(6 ea daily)
<i>methscopolamine bromide</i>	1B	
H-2 Antagonists		
<i>cimetidine TABS</i>	1B	RX/OTC
<i>famotidine in nacl SOLN</i>	1B	
<i>famotidine SOLN 40 MG/4ML, 200 MG/20ML</i>	1B	

Ambetter Formulary Updated April 1, 2024

Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits
<i>famotidine SOLN 20 MG/2ML</i>	1A	
<i>famotidine SUSR</i>	1B	QL(10 ml daily)
<i>famotidine TABS 20 MG, 40 MG</i>	1B	
<i>nizatidine CAPS</i>	1B	
<i>nizatidine SOLN</i>	1B	QL(20 ml daily)
<i>ranitidine hcl TABS 150 MG</i>	1B	
Misc. Anti-Ulcer		
<i>sucralfate SUSP</i>	1B	QL(40 ml daily)
<i>sucralfate TABS</i>	1B	QL(4 ea daily)
Proton Pump Inhibitors		
<i>dexlansoprazole</i>	3	QL(1 ea daily)
<i>esomeprazole magnesium CPDR 20 MG</i>	1B	QL(2 ea daily); RX/OTC
<i>esomeprazole magnesium CPDR 40 MG</i>	3	QL(1 ea daily)
<i>esomeprazole magnesium TBEC</i>	1B	QL(2 ea daily)
<i>lansoprazole CPDR 30 MG</i>	1B	
<i>lansoprazole CPDR 15 MG</i>	1B	QL(2 ea daily); RX/OTC
<b>NEXIUM 24HR TBEC (esomeprazole magnesium)</b>	1B	QL(2 ea daily)
<i>omeprazole magnesium CPDR</i>	1B	QL(4 ea daily)
<i>omeprazole CPDR</i>	1B	QL(2 ea daily)
<i>omeprazole TBEC</i>	1B	QL(2 ea daily)
<i>pantoprazole sodium TBEC 40 MG</i>	1B	
<i>pantoprazole sodium TBEC 20 MG</i>	1B	QL(1 ea daily)
<i>rabeprazole sodium TBEC</i>	3	QL(1 ea daily)
Ulcer Drugs - Prostaglandins		
<i>misoprostol</i>	1B	QL(4 ea daily)
Ulcer Therapy Combinations		

Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits
<i>amoxicillin-clarithromycin w/ lansoprazole THPK</i>	1B	14 rtl MAX day(s) supply; 365 rtl lmt day(s); 14 mail MAX day(s) supply; 365 mail lmt day(s)
<i>omeprazole-sodium bicarbonate CAPS 1100 MG-20 MG</i>	1B	QL(1 ea daily); RX/OTC
<b>URINARY ANTISPASMODICS - Drugs to Treat Miscellaneous Bladder Spasms</b>		
Urinary Antispasmodic - Antimuscarinics (Anticholinergic)		
<i>darifenacin hydrobromide</i>	1B	QL(1 ea daily)
<i>fesoterodine fumarate</i>	1B	QL(1 ea daily); PA
<i>oxybutynin chloride SOLN</i>	1B	
<i>oxybutynin chloride TABS 5 MG</i>	1B	
<i>oxybutynin chloride TB24</i>	1B	
<i>solifenacin succinate TABS</i>	1B	QL(1 ea daily); PA
<i>tolterodine tartrate CP24</i>	1B	QL(1 ea daily)
<i>tolterodine tartrate TABS</i>	1B	
<i>tropium chloride CP24</i>	1B	QL(1 ea daily)
<i>tropium chloride TABS</i>	1B	QL(3 ea daily)
Urinary Antispasmodics - Cholinergic Agonists		
<i>bethanechol chloride 5 MG, 10 MG, 50 MG</i>	1B	QL(4 ea daily)
<i>bethanechol chloride 25 MG</i>	1B	
Urinary Antispasmodics - Direct Muscle Relaxants		
<i>flavoxate hcl</i>	1B	
<b>VACCINES</b>		
Bacterial Vaccines		
ACTHIB SOLR IM	0	
BEXSERO	0	
HIBERIX SOLR IJ	0	

Ambetter Formulary Updated April 1, 2024

Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits	Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits
MENACTRA	0		AREXVY	0	
MENQUADFI	0		COMIRNATY 2023-24 SUSP	0	
MENVEO SOLR	0		COMIRNATY 2023-24 SUSY	0	
PEDVAX HIB SUSP	0		COMIRNATY SUSP	0	
PNEUMOVAX 23	0		ENGERIX-B SUSP 20 MCG/ML	0	3 rtl MAX fill; 365 rtl day(s) supply; 3 mail MAX fill
PNEUMOVAX 23/1 DOSE	0		ENGERIX-B SUSY	0	3 rtl MAX fill; 365 rtl day(s) supply; 3 mail MAX fill
PREVNAR 13	0		FLUAD QUADRIVALENT 2021-2022	0	1 rtl MAX fill; 180 rtl day(s) supply
PREVNAR 20	0	1 rtl MAX fill; 999 rtl day(s) supply	FLUAD QUADRIVALENT 2022-2023	0	1 rtl MAX fill; 180 rtl day(s) supply
TRUMENBA	0		FLUAD QUADRIVALENT 2023-2024	0	1 rtl MAX fill; 180 rtl day(s) supply
VAXNEUVANCE	0	4 rtl MAX fill; 999 rtl day(s) supply	FLUARIX QUADRIVALENT 2021-2022 SUSY	0	Limit 1 dose per season; 1 rtl MAX fill; 180 rtl day(s) supply
Viral Vaccines			FLUARIX QUADRIVALENT 2022-2023 SUSY	0	Limit 1 dose per season; 1 rtl MAX fill; 180 rtl day(s) supply
ABRYSVO	0		FLUARIX QUADRIVALENT 2023-2024 SUSY	0	Limit 1 dose per season; 1 rtl MAX fill; 180 rtl day(s) supply
AFLURIA QUADRIVALENT 2021-2022 SUSP	0	Limit 1 dose per season; 1 rtl MAX fill; 180 rtl day(s) supply	FLUBLOK QUADRIVALENT 2021-2022	0	Limit 1 dose per season; 1 rtl MAX fill; 180 rtl day(s) supply
AFLURIA QUADRIVALENT 2021-2022 SUSY	0	Limit 1 dose per season; 1 rtl MAX fill; 180 rtl day(s) supply	FLUBLOK QUADRIVALENT 2022-2023	0	Limit 1 dose per season; 1 rtl MAX fill; 180 rtl day(s) supply
AFLURIA QUADRIVALENT 2022-2023 SUSP	0	Limit 1 dose per season; 1 rtl MAX fill; 180 rtl day(s) supply			
AFLURIA QUADRIVALENT 2022-2023 SUSY	0	Limit 1 dose per season; 1 rtl MAX fill; 180 rtl day(s) supply			
AFLURIA QUADRIVALENT 2023-2024 SUSP	0	Limit 1 dose per season; 1 rtl MAX fill; 180 rtl day(s) supply			
AFLURIA QUADRIVALENT 2023-2024 SUSY	0	Limit 1 dose per season; 1 rtl MAX fill; 180 rtl day(s) supply			

Ambetter Formulary Updated April 1, 2024

Drug Name	Drug Tier	Requirements/ Limits	Drug Name	Drug Tier	Requirements/ Limits
FLUBLOK QUADRIVALENT 2023-2024	0	Limit 1 dose per season; 1 rtl MAX fill; 180 rtl day(s) supply	FLUMIST QUADRIVALENT	0	Limit 1 dose per season; 1 rtl MAX fill; 180 rtl day(s) supply
FLUCELVAX QUADRIVALENT 2021-2022 SUSP	0	Limit 1 dose per season; 1 rtl MAX fill; 180 rtl day(s) supply	FLUZONE HIGH-DOSE PF 2021-2022	0	1 rtl MAX fill; 180 rtl day(s) supply
FLUCELVAX QUADRIVALENT 2021-2022 SUSY	0	Limit 1 dose per season; 1 rtl MAX fill; 180 rtl day(s) supply	FLUZONE HIGH-DOSE PF 2022-2023	0	1 rtl MAX fill; 180 rtl day(s) supply
FLUCELVAX QUADRIVALENT 2022-2023 SUSP	0	Limit 1 dose per season; 1 rtl MAX fill; 180 rtl day(s) supply	FLUZONE HIGH-DOSE PF 2023-2024	0	1 rtl MAX fill; 180 rtl day(s) supply
FLUCELVAX QUADRIVALENT 2022-2023 SUSY	0	Limit 1 dose per season; 1 rtl MAX fill; 180 rtl day(s) supply	FLUZONE QUADRIVALENT 2021-2022 SUSP	0	Limit 1 dose per season; 1 rtl MAX fill; 180 rtl day(s) supply
FLUCELVAX QUADRIVALENT 2023-2024 SUSP	0	Limit 1 dose per season; 1 rtl MAX fill; 180 rtl day(s) supply	FLUZONE QUADRIVALENT 2021-2022 SUSY	0	Limit 1 dose per season; 1 rtl MAX fill; 180 rtl day(s) supply
FLUCELVAX QUADRIVALENT 2023-2024 SUSY	0	Limit 1 dose per season; 1 rtl MAX fill; 180 rtl day(s) supply	FLUZONE QUADRIVALENT 2022-2023 SUSP	0	Limit 1 dose per season; 1 rtl MAX fill; 180 rtl day(s) supply
FLULAVAL QUADRIVALENT 2021-2022 SUSY	0	Limit 1 dose per season; 1 rtl MAX fill; 180 rtl day(s) supply	FLUZONE QUADRIVALENT 2022-2023 SUSY	0	Limit 1 dose per season; 1 rtl MAX fill; 180 rtl day(s) supply
FLULAVAL QUADRIVALENT 2022-2023 SUSY	0	Limit 1 dose per season; 1 rtl MAX fill; 180 rtl day(s) supply	FLUZONE QUADRIVALENT 2023-2024 SUSP	0	Limit 1 dose per season; 1 rtl MAX fill; 180 rtl day(s) supply
FLULAVAL QUADRIVALENT 2023-2024 SUSY	0	Limit 1 dose per season; 1 rtl MAX fill; 180 rtl day(s) supply	FLUZONE QUADRIVALENT 2023-2024 SUSY	0	Limit 1 dose per season; 1 rtl MAX fill; 180 rtl day(s) supply
			GARDASIL 9 SUSP	0	3 rtl MAX fill; 365 rtl day(s) supply
			GARDASIL 9 SUSY	0	3 rtl MAX fill; 365 rtl day(s) supply

Ambetter Formulary Updated April 1, 2024

Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits
HAVRIX	0	
HEPLISAV-B SOSY	0	2 rtl MAX fill; 292 rtl day(s) supply; 2 mail MAX fill
IPOL INACTIVATED IPV	0	
M-M-R II SOLR	0	2 rtl MAX fill; 365 rtl day(s) supply
MODERNA COVID-19 VACCINE/6MO-11Y/2023-24 SUSP	0	
MODERNA COVID-19 VACCINE6-11Y SUSP	0	
MODERNA COVID-19 VACCINE6MO-5Y SUSP	0	
MODERNA COVID-19 VACCINE SUSP	0	
PFIZER-BIONTECH COVID-19VACCINE/5-11Y/2023-24 SUSP	0	
PFIZER-BIONTECH COVID-19VACCINE/5-11Y SUSP	0	
PFIZER-BIONTECH COVID-19VACCINE/6MO-4Y/2023-24 SUSP	0	
PFIZER-BIONTECH COVID-19VACCINE/6MO-4Y SUSP	0	
PFIZER-BIONTECH COVID-19VACCINE/ADULT RTU SUSP	0	
PFIZER-BIONTECH COVID-19VACCINE SUSP	0	
PREHEVBRIO	0	3 rtl MAX fill; 365 rtl day(s) supply
PRIORIX SUSR	0	3 rtl MAX fill; 365 rtl day(s) supply
RECOMBIVAX HB SUSP	0	
RECOMBIVAX HB SUSY	0	

Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits
ROTARIX SUSP	0	
ROTARIX SUSR	0	
ROTATEQ SOLN	0	
SHINGRIX	0	2 rtl MAX fill; 999 rtl day(s) supply; AL(At least 50 yrs old)
SPIKEVAX COVID-19 VACCINE/2023-24 SUSP	0	
SPIKEVAX COVID-19 VACCINE/2023-24 SUSY	0	
SPIKEVAX COVID-19 VACCINE SUSP	0	
TWINRIX SUSY	0	
VAQTA	0	
VARIVAX INJ	0	2 rtl MAX fill; 365 rtl day(s) supply
<b>VAGINAL AND RELATED PRODUCTS</b>		
Miscellaneous Vaginal Products		
INTRAROSA	3	QL(1 ea daily); PA
Spermicides		
TODAY SPONGE MISC	0	
Vaginal Anti-infectives		
<i>clindamycin phosphate vaginal CREA</i>	1B	
<i>clotrimazole vaginal CREA 1 %</i>	1B	
GYNAZOLE-1	3	QL(5 gm per 30 days retail; 5 gm per 30 days mail)
<i>metronidazole vaginal</i>	1B	
<i>miconazole nitrate vaginal SUPP 200 MG</i>	1B	
<i>terconazole vaginal CREA</i>	1B	
<i>terconazole vaginal CREA</i>	1B	
<i>terconazole vaginal SUPP</i>	1B	
Vaginal Contraceptive - pH Modulators		

Ambetter Formulary Updated April 1, 2024

Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits
PHEXXI	0	PV
Vaginal Estrogens		
<i>estradiol vaginal CREA</i>	1B	QL(2 gm daily)
<i>estradiol vaginal TABS</i>	1B	
FEMRING	3	PA
PREMARIN	2	QL(1.5 gm daily)
<b>VASOPRESSORS - Drugs to Treat Heart and Circulation Conditions</b>		
Anaphylaxis Therapy Agents		
<i>epinephrine (anaphylaxis) SOAJ 0.15 MG/0.3ML</i>	1B	2 rtl MAX fill; 365 rtl day(s) supply; 2 mail MAX fill; QL(2 ea per fill retail; 2 per fill mail)
<i>epinephrine (anaphylaxis) SOAJ 0.3 MG/0.3ML</i>	2	2 rtl MAX fill; 365 rtl day(s) supply; 2 mail MAX fill; QL(2 ea per fill retail; 2 per fill mail)
Vasopressors		
<i>midodrine hcl</i>	1B	
<b>VITAMINS</b>		
Oil Soluble Vitamins		
<i>cholecalciferol CAPS 1.25 MG, 1.25 MG, 10 MCG, 50 MCG, 400 UNIT, 2000 UNIT, 50000 UNIT</i>	1A	
<i>cholecalciferol TABS 10 MCG, 400 UNIT</i>	0	
<i>ergocalciferol CAPS</i>	0	
<i>ergocalciferol SOLN OR</i>	1B	
VITAMIN D2 TABS 400 UNIT	0	AL(At least 65 yrs old)
Water Soluble Vitamins		
<i>ascorbic acid SOLN IJ</i>	3	QL(0.4 ml daily)
NIACIN TR TBCR	1B	

Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits
<i>niacinamide TABS 100 MG</i>	1B	
<i>niacinamide TABS 500 MG</i>	1A	
<i>niacin CPCR 250 MG, 500 MG</i>	1A	
<i>niacin TABS</i>	1A	
<i>niacin TBCR</i>	1A	

Ambetter Formulary Updated April 1, 2024

## INDEX

abacavir sulfate SOLN .....	29	acyclovir CAPS .....	31	AIRDUO DIGIHALER 232/14 .....	9
abacavir sulfate TABS .....	29	acyclovir SUSP .....	31	AIRDUO DIGIHALER 55/14 .....	9
abacavir sulfate-lamivudine .....	29	acyclovir TABS OR .....	31	AIRSUPRA .....	9
ABELCET .....	17	acyclovir topical CREA .....	39	AKYNZEO .....	17
abiraterone acetate 250 MG .....	24	acyclovir topical OINT .....	39	albendazole .....	7
abiraterone acetate 500 MG .....	24	ADACEL SUSP .....	62	albuterol sulfate AERS .....	9
ABRYSVO .....	64	ADALIMUMAB-ADAZ SOAJ .....	3	albuterol sulfate NEBU 0.083 %, 0.5 %, 0.63 MG/3ML, 1.25 MG/3ML, 2.5 MG/0.5ML .....	9
acamprosate calcium .....	59	ADALIMUMAB-ADAZ SOSY .....	3	albuterol sulfate SYRP .....	9
acarbose .....	14	adapalene CREA .....	36	albuterol sulfate TABS .....	9
acebutolol hcl CAPS .....	31	adapalene GEL 0.1 % .....	36	alclometasone dipropionate CREA	39
acetaminophen w/ codeine SOLN ..	6	adapalene GEL 0.3 % .....	36	alclometasone dipropionate OINT	39
acetaminophen w/ codeine TABS 15 MG-300 MG .....	6	adapalene-benzoyl peroxide GEL 2.5 %-0.1 % .....	36	ALDURAZYME .....	44
acetaminophen w/ codeine TABS 30 MG-300 MG .....	6	ADCETRIS .....	23	ALECENSA .....	25
acetaminophen w/ codeine TABS 60 MG-300 MG .....	6	adefovir dipivoxil .....	30	alendronate sodium TABS 35 MG, 70 MG .....	43
acetaminophen-caff-dihydrocod CAPS 30 MG-320.5 MG-16 MG ....	6	ADEMPAS .....	33	alendronate sodium TABS 5 MG, 10 MG .....	43
acetazolamide CP12 .....	42	ADTHYZA TABS 16.25 MG, 32.5 MG, 65 MG, 97.5 MG, 130 MG ....	62	alfuzosin hcl .....	46
acetazolamide sodium .....	42	AFLURIA QUADRIVALENT 2021- 2022 SUSP .....	64	ALINIA SUSR .....	21
acetazolamide TABS 125 MG .....	42	AFLURIA QUADRIVALENT 2021- 2022 SUSY .....	64	aliskiren fumarate .....	20
acetazolamide TABS 250 MG .....	42	AFLURIA QUADRIVALENT 2022- 2023 SUSP .....	64	allopurinol .....	47
acetic acid (otic) .....	58	AFLURIA QUADRIVALENT 2022- 2023 SUSY .....	64	almotriptan malate 12.5 MG .....	52
acetic acid 0.25 % .....	46	AFLURIA QUADRIVALENT 2023- 2024 SUSP .....	64	almotriptan malate 6.25 MG .....	52
acetylcysteine SOLN .....	36	AFLURIA QUADRIVALENT 2023- 2024 SUSY .....	64	ALOCRIAL .....	58
acitretin 10 MG, 17.5 MG .....	38	AFLURIA QUADRIVALENT 2023- 2024 SUSY .....	64	alogliptin benzoate .....	15
acitretin 25 MG .....	38	AIMOVIG .....	51	alogliptin-metformin hcl .....	14
ACTHAR .....	43	AIMSCO LUBRICATED MISC .....	50	alogliptin-pioglitazone 15 MG-12.5 MG, 30 MG-12.5 MG, 45 MG-12.5 MG .....	14
ACTHIB SOLR IM .....	63	AIRDUO DIGIHALER 113/14 .....	9	alogliptin-pioglitazone 15 MG-25 MG,	
ACTIMMUNE .....	26				

30 MG-25 MG, 45 MG-25 MG	14	amlodipine besylate TABS	32	amphetamine-dextroamphetamine CP24 5 MG-5 MG-5 MG-5 MG, 6.25 MG-6.25 MG-6.25 MG-6.25 MG, 7.5 MG-7.5 MG-7.5 MG-7.5 MG	1
ALOMIDE	58	amlodipine besylate-atorvastatin calcium	32	amphetamine-dextroamphetamine TABS 1.25 MG-1.25 MG-1.25 MG- 1.25 MG, 1.875 MG-1.875 MG-1.875 MG-1.875 MG, 2.5 MG-2.5 MG-2.5 MG-2.5 MG, 3.125 MG-3.125 MG- 3.125 MG-3.125 MG, 3.75 MG-3.75 MG-3.75 MG-3.75 MG, 5 MG-5 MG-5 MG-5 MG	1
alose tron hcl	46	amlodipine besylate-benazepril hcl	19	amphetamine-dextroamphetamine TABS 7.5 MG-7.5 MG-7.5 MG-7.5 MG	1
alprazolam TABS 0.25 MG, 0.5 MG, 1 MG	8	amlodipine besylate-olmesartan medoxomil	19	amphotericin b IV	17
alprazolam TABS 2 MG	8	amlodipine besylate-valsartan	19	amphotericin b liposome	17
alprazolam TB24	8	amlodipine-valsartan- hydrochlorothiazide	19	ampicillin & sulbactam sodium IV 10 GM-5 GM	59
alprazolam TBDP	8	amoxapine	14	ampicillin CAPS 500 MG	59
ALREX SUSP (loteprednol etabonate)	57	amoxicillin & pot clavulanate CHEW	59	ampicillin sodium IJ 1 GM	59
ALTABAX	37	amoxicillin & pot clavulanate SUSR	59	anagrelide hcl	47
ALUNBRIG TABS	25	amoxicillin & pot clavulanate TABS	59	anastrozole	24
ALUNBRIG TBPk	25	amoxicillin & pot clavulanate TB12	59	ANDRODERM PT24 2 MG/24HR, 4 MG/24HR	7
ALVESCO	9	amoxicillin CAPS	59	ANNOVERA	35
alvimopan	46	amoxicillin CHEW 125 MG, 250 MG	59	ANORO ELLIPTA	9
amantadine hcl CAPS	27	amoxicillin SUSR 125 MG/5ML	59	ANZEMET TABS 50 MG	16
amantadine hcl SOLN	27	amoxicillin SUSR 200 MG/5ML, 250 MG/5ML, 400 MG/5ML	59	APIDRA SOLN	15
amantadine hcl TABS	27	amoxicillin TABS	59	APIDRA SOLOSTAR SOPN	15
ambrisentan	33	amoxicillin-clarithromycin w/ lansoprazole THPK	63	apomorphine hydrochloride SOCT	27
amcinonide CREA	39	amphetamine sulfate TABS	1	apraclonidine hcl	57
amcinonide LOTN	39	amphetamine-dextroamphetamine CP24 1.25 MG-1.25 MG-1.25 MG- 1.25 MG, 2.5 MG-2.5 MG-2.5 MG-2.5 MG	1	aprepitant CAPS 40 MG, 125 MG	17
amcinonide OINT	39	amphetamine-dextroamphetamine CP24 3.75 MG-3.75 MG-3.75 MG- 3.75 MG	1	aprepitant CAPS 80 MG	17
amikacin sulfate SOLN 1 GM/4ML, 500 MG/2ML	2			aprepitant CAPS	17
amiloride & hydrochlorothiazide	42				
amiloride hcl TABS	43				
aminocaproic acid TABS	48				
aminophylline SOLN	9				
amiodarone hcl SOLN 50 MG/ML	8				
amiodarone hcl TABS	8				
amitriptyline hcl TABS	14				



aprepitant MISC .....	17	atazanavir sulfate CAPS 200 MG ..	29	azithromycin SUSR .....	49
APTIOM .....	11	atenolol & chlorthalidone .....	19	azithromycin TABS 250 MG .....	49
APTIVUS CAPS .....	29	atenolol TABS .....	31	azithromycin TABS 500 MG .....	49
ARANESP ALBUMIN FREE SOLN 25 MCG/ML .....	47	ATGAM .....	54	azithromycin TABS 600 MG .....	49
ARANESP ALBUMIN FREE SOLN 40 MCG/ML, 60 MCG/ML, 100 MCG/ML .....	48	atomoxetine hcl 10 MG, 18 MG, 25 MG, 40 MG .....	1	aztreonam 1 GM .....	21
ARANESP ALBUMIN FREE SOSY 150 MCG/0.3ML, 200 MCG/0.4ML, 300 MCG/0.6ML, 500 MCG/ML ....	48	atomoxetine hcl 60 MG, 80 MG, 100 MG .....	1	bacitracin (ophthalmic) .....	57
ARCALYST .....	3	atorvastatin calcium TABS .....	18	bacitracin .....	20
AREXVY .....	64	atovaquone .....	21	baclofen TABS 10 MG, 20 MG ....	56
arformoterol tartrate .....	9	atovaquone-proguanil hcl .....	22	BALCOLTRA (levonorgestrel-ethinyl estradiol-iron) .....	34
ARIKAYCE .....	2	atracurium besylate 100 MG/10ML 56		balsalazide disodium CAPS .....	46
aripiprazole SOLN OR .....	29	atropine sulfate SOLN IJ 0.4 MG/ML, 1 MG/ML .....	62	BALVERSA .....	25
aripiprazole TABS .....	29	atropine sulfate SOSY IJ 0.25 MG/5ML .....	62	BANZEL TABS 200 MG (rufinamide) 11	
armodafinil .....	1	ATROVENT HFA .....	8	BANZEL TABS 400 MG (rufinamide) 11	
ARMOUR THYROID TABS .....	62	AUSTEDO TABS .....	60	BARACLUDE SOLN .....	30
ARNUIITY ELLIPTA .....	9	AVONEX PEN AJKT .....	60	BASAGLAR KWIKPEN SOPN .....	15
arsenic trioxide 10 MG/10ML .....	26	AVONEX PSKT .....	60	BAXDELA SOLR .....	45
ARZERRA .....	23	AYVAKIT .....	25	BAXDELA TABS .....	45
ascorbic acid SOLN IJ .....	67	azacitidine SUSR .....	23	BELSOMRA .....	49
asenapine maleate 2.5 MG .....	28	AZASITE .....	57	benazepril & hydrochlorothiazide 12.5 MG-10 MG, 25 MG-20 MG ...	20
asenapine maleate 5 MG, 10 MG .	28	AZATHIOPRINE .....	54	benazepril & hydrochlorothiazide 12.5 MG-20 MG, 6.25 MG-5 MG ..	19
aspirin CHEW .....	4	azathioprine TABS .....	54	benazepril hcl .....	19
aspirin TABS 325 MG .....	4	azelaic acid GEL .....	41	bendamustine hcl SOLR .....	22
aspirin TBEC 325 MG .....	4	azelastine hcl (ophth) .....	58	BENZEPRO CREAMY WASH LIQD . 36	
aspirin TBEC 81 MG .....	4	azelastine hcl .....	56	benzonatate 100 MG .....	36
aspirin-dipyridamole .....	47	AZELEX .....	36	benzonatate 150 MG .....	36
atazanavir sulfate CAPS 150 MG, 300 MG .....	29	azithromycin PACK .....	49	benzonatate 200 MG .....	36
		azithromycin SOLR .....	49		

benzoyl peroxide FOAM 5.3 %, 9.8 % .....36	bethanechol chloride 5 MG, 10 MG, 50 MG .....63	BRIVIACT TABS ..... 11
benzoyl peroxide GEL 10 % .....36	bexarotene (topical) .....38	bromfenac sodium (ophth) 0.09 % .58
benzoyl peroxide GEL 5 % ..... 36	bexarotene ..... 26	bromocriptine mesylate CAPS .....27
benzoyl peroxide LIQD 4 %, 7 %, 10 % .....36	BEXSERO ..... 63	bromocriptine mesylate TABS 2.5 MG ..... 27
benzoyl peroxide-erythromycin GEL . 36	bicalutamide ..... 24	BRUKINSA ..... 25
benztropine mesylate SOLN ..... 27	BIKTARVY ..... 29	budesonide (inhalation) SUSP .....9
benztropine mesylate TABS ..... 27	bimatoprost SOLN ..... 58	budesonide (intrarectal) ..... 7
bepotastine besilate .....58	bisacodyl SUPP ..... 49	budesonide (nasal) .....56
BESIVANCE .....57	bisacodyl TBEC .....49	budesonide CPEP ..... 35
betaine ..... 44	bisoprolol & hydrochlorothiazide ..20	budesonide-formoterol fumarate dihydrate .....9
betamethasone dipropionate (topical) CREA .....39	bisoprolol fumarate ..... 31	bumetanide SOLN 0.25 MG/ML ...43
betamethasone dipropionate (topical) LOTN .....39	bleomycin sulfate 15 UNIT .....25	bumetanide TABS ..... 43
betamethasone dipropionate (topical) OINT .....39	BOOSTRIX SUSP ..... 62	buprenorphine hcl SOLN .....6
betamethasone dipropionate augmented CREA .....39	BOOSTRIX SUSY ..... 62	buprenorphine hcl SUBL ..... 6
betamethasone dipropionate augmented LOTN .....39	bortezomib SOLR IJ ..... 25	buprenorphine hcl-naloxone hcl dihydrate FILM SL 0.5 MG-2 MG, 1 MG-4 MG, 2 MG-8 MG .....6
betamethasone dipropionate augmented OINT .....39	BORTEZOMIB SOLR IV 3.5 MG ..25	buprenorphine hcl-naloxone hcl dihydrate FILM SL 3 MG-12 MG ....6
betamethasone valerate CREA ...39	bosentan TABS 125 MG ..... 33	buprenorphine hcl-naloxone hcl dihydrate SUBL ..... 6
betamethasone valerate FOAM ... 39	bosentan TABS 62.5 MG ..... 33	buprenorphine PTWK ..... 6
betamethasone valerate LOTN ....39	BOSULIF TABS 100 MG, 500 MG 25	bupropion hcl (smoking deterrent) 61
betamethasone valerate OINT ....39	BOSULIF TABS 400 MG ..... 25	bupropion hcl TABS .....12
BETASERON KIT .....60	BRAFTOVI 75 MG .....25	bupropion hcl TB12 100 MG .....12
betaxolol hcl (ophth) SOLN .....56	BREO ELLIPTA .....9	bupropion hcl TB12 150 MG .....13
betaxolol hcl .....31	BREZTRI AEROSPHERE .....9	bupropion hcl TB12 200 MG .....12
bethanechol chloride 25 MG .....63	BRILINTA .....47	bupropion hcl TB24 150 MG .....13
	brimonidine tartrate (topical) ..... 41	bupropion hcl TB24 300 MG .....13
	brimonidine tartrate 0.15 %, 0.2 % 57	bupirone hcl 5 MG ..... 8
	brimonidine tartrate-timolol maleate . 56	
	brinzolamide .....58	
	BRIVIACT SOLN OR 10 MG/ML .. 11	

bupirone hcl 7.5 MG, 10 MG, 15 MG, 30 MG .....	8	calcitriol (topical) .....	38	carbidopa-levodopa-entacapone ..	27
busulfan SOLN .....	22	calcitriol CAPS .....	44	carbinoxamine maleate SOLN .....	17
butalbital-acetaminophen TABS 50 MG-325 MG .....	4	calcitriol SOLN IV .....	44	carbinoxamine maleate TABS 4 MG .	17
butalbital-acetaminophen-caffeine CAPS 40 MG-50 MG-300 MG .....	4	calcium acetate (phosphate binder) CAPS .....	46	carboplatin SOLN 50 MG/5ML .....	22
butalbital-acetaminophen-caffeine CAPS 40 MG-50 MG-325 MG .....	4	calcium acetate (phosphate binder) TABS .....	46	carisoprodol TABS .....	56
butalbital-acetaminophen-caffeine TABS 40 MG-50 MG-325 MG .....	4	calcium chloride (dihydrate) SOLN	52	carisoprodol w/ aspirin & codeine .	56
butalbital-acetaminophen-caffeine w/ codeine 30 MG-40 MG-50 MG-300 MG .....	6	calcium polycarbophil TABS .....	49	carmustine .....	22
butalbital-acetaminophen-caffeine w/ codeine 30 MG-40 MG-50 MG-325 MG .....	6	CALQUENCE .....	25	carteolol hcl (ophth) .....	57
butalbital-aspirin-caffeine CAPS .....	4	candesartan cilexetil .....	19	carvedilol .....	31
butalbital-aspirin-caffeine w/cod .....	6	candesartan cilexetil-hydrochlorothiazide .....	20	carvedilol phosphate .....	31
butenafine hcl .....	37	CAPASTAT SULFATE .....	22	caspofungin acetate .....	17
butorphanol tartrate IJ 1 MG/ML, 2 MG/ML .....	7	capecitabine .....	23	CAYA DPRH .....	50
butorphanol tartrate NA 10 MG/ML .	7	CAPRELSA .....	25	CAYSTON .....	21
cabergoline .....	45	captopril 12.5 MG .....	19	cefaclor CAPS .....	33
CABLIVI .....	47	captopril 25 MG, 50 MG, 100 MG .	19	cefaclor SUSR 125 MG/5ML, 250 MG/5ML, 375 MG/5ML .....	33
CABOMETYX TABS .....	25	carbamazepine CHEW .....	11	cefadroxil CAPS .....	33
calcipotriene CREA .....	38	carbamazepine CP12 100 MG .....	11	cefadroxil SUSR .....	33
calcipotriene OINT .....	38	carbamazepine CP12 200 MG .....	11	cefadroxil TABS .....	33
calcipotriene SOLN .....	38	carbamazepine CP12 300 MG .....	11	cefazolin sodium SOLR IJ 1 GM, 10 GM, 500 MG .....	33
calcipotriene-betamethasone dipropionate OINT .....	39	carbamazepine SUSP .....	11	cefdinir CAPS .....	34
calcipotriene-betamethasone dipropionate SUSP .....	39	carbamazepine TABS .....	11	cefdinir SUSR .....	34
calcitonin (salmon) NA .....	43	carbamazepine TB12 100 MG, 400 MG .....	11	cefepime hcl SOLR IV 2 GM .....	34
		carbamazepine TB12 200 MG .....	11	cefixime CAPS .....	34
		carbidopa .....	27	cefixime SUSR .....	34
		carbidopa-levodopa TABS .....	27	cefotaxime sodium IJ 1 GM, 2 GM	34
		carbidopa-levodopa TBCR .....	27	cefotetan disodium IJ 1 GM, 2 GM	33
		carbidopa-levodopa TBDP .....	28	cefoxitin sodium IV 1 GM, 2 GM ...	33
				cefpodoxime proxetil SUSR .....	34

cefepodoxime proxetil TABS .....34	chlorpromazine hcl TABS .....29	ciprofloxacin SUSR 5 GM/100ML, 500 MG/5ML ..... 45
cefprozil SUSR .....33	chlorthalidone 25 MG, 50 MG ..... 43	ciprofloxacin-dexamethasone .....58
cefprozil TABS .....33	chlorzoxazone TABS 500 MG ..... 56	ciprofloxacin-fluocinolone acetonide . 58
ceftazidime IJ 1 GM, 6 GM ..... 34	CHOLBAM .....45	cisplatin SOLN 100 MG/100ML ... .22
ceftriaxone sodium IJ 1 GM, 2 GM, 500 MG .....34	cholecalciferol CAPS 1.25 MG, 1.25 MG, 10 MCG, 50 MCG, 400 UNIT, 2000 UNIT, 50000 UNIT ..... 67	citalopram hydrobromide SOLN ... 13
ceftriaxone sodium IJ 250 MG .....34	cholecalciferol TABS 10 MCG, 400 UNIT .....67	citalopram hydrobromide TABS 10 MG ..... 13
cefuroxime axetil TABS .....33	cholestyramine light PACK ..... 18	citalopram hydrobromide TABS 20 MG ..... 13
cefuroxime sodium IJ 750 MG .....33	cholestyramine light POWD .....18	citalopram hydrobromide TABS 40 MG ..... 13
celecoxib .....3	cholestyramine PACK .....18	clarithromycin SUSR .....49
CELONTIN (methsuximide) .....12	cholestyramine POWD .....18	clarithromycin TABS ..... 49
cephalexin CAPS ..... 33	cholesterol fenofibrate .....18	clarithromycin TB24 .....49
cephalexin SUSR .....33	CHORIONIC GONADOTROPIN IM 43	CLASSIC PRENATAL TABS ..... 55
CERDELGA .....47	ciclopirox GEL .....37	clemastine fumarate SYRP ..... 17
CEREZYME 400 UNIT .....47	ciclopirox olamine CREA .....37	clemastine fumarate TABS 2.68 MG . 17
cetirizine hcl TABS .....18	ciclopirox olamine SUSP .....37	CLIMARA PRO .....45
cevimeline hcl ..... 54	ciclopirox SHAM ..... 37	clindamycin hcl .....21
CHEMET ..... 16	ciclopirox SOLN .....37	clindamycin palmitate hydrochloride . 21
CHEMSTRIP-K STRP .....42	cidofovir .....30	clindamycin phosphate (topical) FOAM ..... 36
chloramphenicol sodium succinate 21	cilostazol .....47	clindamycin phosphate (topical) GEL 36
chlordiazepoxide hcl CAPS ..... 8	CIMDUO .....29	clindamycin phosphate (topical) LOTN .....36
chlordiazepoxide hcl-clidinium bromide .....62	cimetidine TABS ..... 62	clindamycin phosphate (topical) SOLN .....36
chlordiazepoxide-amitriptyline .....60	cinacalcet hcl .....44	clindamycin phosphate (topical) SWAB .....36
chlorhexidine gluconate (mouth- throat) .....54	CIPRO SUSR .....45	
chloroquine phosphate TABS 250 MG ..... 22	ciprofloxacin hcl (ophth) SOLN .... 57	
chloroquine phosphate TABS 500 MG ..... 22	ciprofloxacin hcl (otic) ..... 58	
chlorpromazine hcl SOLN ..... 29	ciprofloxacin hcl TABS .....45	
	ciprofloxacin in d5w 5 %-200 MG/100ML ..... 45	

clindamycin phosphate SOLN IJ 9 GM/60ML, 300 MG/2ML, 600 MG/4ML, 900 MG/6ML, 9000 MG/60ML .....	21	clonidine hcl (adhd) TB12 .....	1	COMIRNATY SUSP .....	64
clindamycin phosphate vaginal CREA .....	66	clonidine hcl TABS .....	19	COMPLERA .....	29
clindamycin phosphate-benzoyl peroxide (refrigerate) .....	36	clopidogrel bisulfate 300 MG .....	47	CONTRACE .....	1
clindamycin phosphate-benzoyl peroxide GEL 5 %-1 % .....	37	clopidogrel bisulfate 75 MG .....	47	COPIKTRA .....	25
clindamycin phosphate-tretinoin ..	37	clorazepate dipotassium TABS .....	8	CORDRAN TAPE .....	40
CLINIMIX 4.25%/DEXTROSE 10% 56		clotrimazole (topical) CREA .....	37	CORLANOR SOLN .....	33
CLINIMIX 4.25%/DEXTROSE 5% 56		clotrimazole (topical) SOLN .....	37	CORLANOR TABS .....	33
CLINIMIX E 5%/DEXTROSE 20% 56		clotrimazole .....	54	CORTISPORIN-TC .....	58
clobazam SUSP .....	10	clotrimazole vaginal CREA 1 % ...	66	COSENTYX SENSOREADY PEN SOAJ .....	38
clobazam TABS .....	10	clotrimazole w/ betamethasone CREA .....	37	COSENTYX SOSY 150 MG/ML ...	38
clobetasol propionate CREA 0.05 % . 39		clotrimazole w/ betamethasone LOTN .....	37	COSENTYX SOSY 75 MG/0.5ML .	38
clobetasol propionate emollient base 0.05 % .....	39	clozapine TABS .....	28	COSENTYX UNOREADY SOAJ ..	38
clobetasol propionate FOAM .....	39	clozapine TBDP 100 MG .....	28	CREON CPEP .....	42
clobetasol propionate GEL 0.05 % 39		clozapine TBDP 12.5 MG, 150 MG 28		CRESEMBA CAPS 186 MG .....	17
clobetasol propionate OINT 0.05 % 39		clozapine TBDP 25 MG .....	28	cromolyn sodium (ophth) .....	58
clobetasol propionate SOLN 0.05 % . 40		COARTEM .....	22	cromolyn sodium NEBU .....	8
clocortolone pivalate .....	40	codeine sulfate TABS 30 MG .....	5	crotamiton LOTN .....	41
clofarabine .....	23	CODEINE SULFATE TABS .....	5	CVS PRENATAL TABS 100 MG-2.6 MG-800 MCG-400 UNIT-4 MCG-1.7 MG-18 MG-27 MG-1.5 MG-25 MG- 263 MG-11 UNIT-4000 UNIT .....	55
clomiphene citrate TABS .....	43	colchicine TABS .....	47	cyanocobalamin SOLN IJ 1000 MCG/ML .....	47
clomipramine hcl .....	14	colchicine w/ probenecid .....	47	cyclobenzaprine hcl TABS 5 MG, 10 MG .....	56
clonazepam TABS .....	11	colesevelam hcl PACK .....	18	cyclophosphamide CAPS .....	23
clonidine .....	19	colesevelam hcl TABS .....	18	cyclophosphamide SOLR IJ .....	23
		colestipol hcl GRAN .....	18	cycloserine .....	22
		colestipol hcl PACK .....	18	cyclosporine (ophth) EMUL .....	57
		colestipol hcl TABS .....	18	cyclosporine CAPS .....	54
		COMETRIQ KIT .....	25	cyclosporine modified (for	
		COMIRNATY 2023-24 SUSP .....	64		
		COMIRNATY 2023-24 SUSY .....	64		

microemulsion) CAPS .....	54	DAURISMO .....	24	desogestrel-ethinyl estradiol (triphasic) .....	34
cyclosporine modified (for microemulsion) SOLN .....	54	DEBACTEROL .....	54	desonide CREA .....	40
cyclosporine SOLN IV 50 MG/ML .	54	decitabine .....	23	desonide LOTN .....	40
CYLTEZO AJKT .....	3	deferasirox PACK .....	16	desonide OINT .....	40
CYLTEZO PSKT 10 MG/0.2ML .....	3	deferasirox TABS .....	16	desoximetasone CREA 0.25 % .....	40
CYLTEZO PSKT 20 MG/0.4ML, 40 MG/0.8ML .....	3	deferasirox TBSO .....	16	desoximetasone GEL .....	40
CYLTEZO STARTER PACKAGE FOR CROHNS DISEASE/UC/HS AJKT .....	3	deferiprone TABS 500 MG .....	16	desoximetasone OINT 0.25 % .....	40
CYLTEZO STARTER PACKAGE FOR PSORIASIS AJKT .....	3	deflazacort TABS .....	35	desvenlafaxine succinate 100 MG .	14
cyproheptadine hcl SYRP .....	18	DELESTROGEN 10 MG/ML (estradiol valerate) .....	45	desvenlafaxine succinate 25 MG, 50 MG .....	14
cyproheptadine hcl TABS .....	18	DELSTRIGO .....	29	dexamethasone ELIX .....	35
CYSTAGON CAPS .....	46	demeclocycline hcl TABS .....	61	DEXAMETHASONE INTENSOL CONC .....	35
CYSTARAN .....	58	DEPO-ESTRADIOL .....	45	dexamethasone sodium phosphate (ophth) .....	57
cytarabine SOLN .....	23	DEPO-MEDROL SUSP .....	35	dexamethasone sodium phosphate SOLN IJ 4 MG/ML, 20 MG/5ML, 120 MG/30ML .....	35
dabigatran etexilate mesylate CAPS 110 MG .....	10	DEPO-SUBQ PROVERA 104 SUSY SC .....	35	dexamethasone SOLN .....	35
dabigatran etexilate mesylate CAPS 75 MG, 150 MG .....	10	desipramine hcl TABS .....	14	dexamethasone TABS 0.5 MG, 0.75 MG .....	35
dacarbazine SOLR 200 MG .....	27	desloratadine TABS .....	18	dexamethasone TABS 1 MG, 1.5 MG, 2 MG, 4 MG, 6 MG .....	35
dactinomycin .....	25	desloratadine TBDP 2.5 MG .....	18	dexchlorpheniramine maleate SOLN .	17
dalfampridine .....	60	desmopressin acetate SOLN IJ ...	44	dexlansoprazole .....	63
danazol CAPS .....	7	DESMOPRESSIN ACETATE SOLN NA .....	44	dexmethylphenidate hcl CP24 .....	1
dantrolene sodium CAPS .....	56	desmopressin acetate spray .....	44	dexmethylphenidate hcl TABS .....	1
dapsone .....	21	desmopressin acetate spray refrigerated .....	44	dextroamphetamine sulfate CP24 10 MG, 15 MG .....	1
DAPTACEL .....	62	desmopressin acetate TABS 0.1 MG 44		dextroamphetamine sulfate CP24 5 MG .....	1
daptomycin 500 MG .....	21	desmopressin acetate TABS 0.2 MG 44		dextroamphetamine sulfate TABS 5	
darifenacin hydrobromide .....	63	desogestrel & ethinyl estradiol ....	34		
darunavir TABS .....	29	desogestrel-ethinyl estradiol (biphasic) .....	34		

MG, 10 MG .....	1	difluprednate .....	57	MG/5ML .....	18
dextrose in lactated ringers .....	53	digoxin SOLN OR 0.05 MG/ML .....	32	diphenhydramine hcl LIQD 12.5 MG/5ML, 25 MG/10ML, 50 MG/20ML .....	18
DIACOMIT CAPS 250 MG .....	11	digoxin TABS 0.0625 MG, 0.125 MG, 0.25 MG, 62.5 MCG, 125 MCG, 250 MCG .....	32	diphenhydramine hcl SOLN 50 MG/ML .....	18
DIACOMIT CAPS 500 MG .....	11	dihydroergotamine mesylate SOLN IJ 1 MG/ML .....	52	diphenoxylate w/ atropine LIQD ...	16
DIACOMIT PACK 250 MG .....	11	dihydroergotamine mesylate SOLN NA 4 MG/ML .....	52	diphenoxylate w/ atropine TABS ...	16
DIACOMIT PACK 500 MG .....	11	DILANTIN (phenytoin sodium extended) .....	12	DIPHThERIA/TETANUS TOXOIDS ADSORBED PEDIATRIC SUSP ...	62
diazepam (anticonvulsant) GEL ...	11	DILANTIN .....	12	dipyridamole .....	47
diazepam CONC .....	8	DILANTIN INFATABS CHEW (phenytoin) .....	12	disopyramide phosphate CAPS .....	8
diazepam SOLN OR 5 MG/5ML ....	8	DILANTIN-125 SUSP (phenytoin) .	12	disulfiram .....	60
diazepam TABS .....	8	diltiazem hcl coated beads CP24 120 MG, 300 MG, 360 MG .....	32	DIURIL SUSP .....	43
diazoxide .....	15	diltiazem hcl coated beads CP24 180 MG, 240 MG .....	32	divalproex sodium TB24 .....	12
dichlorphenamide .....	42	diltiazem hcl CP12 .....	32	divalproex sodium TBEC .....	12
diclofenac epolamine PTCH EX ...	38	diltiazem hcl CP24 .....	32	docetaxel CONC 20 MG/ML .....	27
diclofenac potassium TABS 50 MG .	3	diltiazem hcl extended release beads 120 MG, 180 MG, 240 MG, 300 MG, 360 MG .....	32	docetaxel SOLN 20 MG/2ML .....	27
diclofenac sodium (actinic keratoses) EX .....	38	diltiazem hcl SOLN 50 MG/10ML ..	32	docosate calcium .....	49
diclofenac sodium (ophth) .....	58	DILTIAZEM HCL SOLR .....	32	docosate sodium CAPS 100 MG ..	49
diclofenac sodium (topical) GEL EX 38		diltiazem hcl TABS .....	32	docosate sodium CAPS 250 MG ..	49
diclofenac sodium TB24 .....	3	diltiazem hcl TB24 .....	32	dofetilide .....	8
diclofenac sodium TBEC .....	3	dimethyl fumarate CDPK .....	60	donepezil hydrochloride TABS 10 MG .....	60
diclofenac w/ misoprostol TBEC ....	3	dimethyl fumarate CPDR .....	60	donepezil hydrochloride TABS 5 MG . 60	
dicloxacillin sodium .....	59	DIPENTUM .....	46	donepezil hydrochloride TBDP 10 MG .....	60
dicyclomine hcl CAPS .....	62	diphenhydramine hcl CAPS 50 MG 17		donepezil hydrochloride TBDP 5 MG 60	
dicyclomine hcl SOLN OR .....	62	diphenhydramine hcl ELIX 12.5		DOPTELET .....	48
dicyclomine hcl TABS .....	62			dorzolamide hcl .....	58
DIFFERIN LOTN .....	37			dorzolamide hcl-timolol maleate ..	57
DIFICID TABS .....	49				
diflorasone diacetate CREA .....	40				
diflorasone diacetate OINT .....	40				
diflunisal TABS .....	4				

DOVATO .....	29	duloxetine hcl CPEP 20 MG, 30 MG, 60 MG .....	14	EMFLAZA SUSP .....	35
doxazosin mesylate .....	19	duloxetine hcl CPEP 40 MG .....	14	EMFLAZA TABS (deflazacort) .....	35
doxepin hcl (antipruritic) .....	38	DUREX EXTRA SENSITIVE THIN DEVI .....	50	EMGALITY SOAJ .....	51
doxepin hcl (sleep) .....	48	dutasteride .....	46	EMGALITY SOSY 100 MG/ML .....	51
doxepin hcl CAPS .....	14	dutasteride-tamsulosin hcl .....	46	EMGALITY SOSY 120 MG/ML .....	51
doxepin hcl CONC .....	14	econazole nitrate CREA .....	37	EMSAM .....	13
doxercalciferol CAPS .....	44	EDARBI .....	19	emtricitabine CAPS .....	29
doxercalciferol SOLN .....	44	EDURANT .....	29	emtricitabine-tenofovir disoproxil fumarate 100 MG-150 MG, 133 MG-200 MG, 167 MG-250 MG .....	29
doxorubicin hcl liposomal .....	25	efavirenz CAPS 200 MG .....	29	emtricitabine-tenofovir disoproxil fumarate 200 MG-300 MG .....	29
doxorubicin hcl SOLN .....	25	efavirenz CAPS 50 MG .....	29	EMTRIVA SOLN .....	29
doxorubicin hcl SOLR 10 MG, 50 MG .....	25	efavirenz TABS .....	29	EMVERM CHEW .....	7
doxycycline (monohydrate) CAPS 50 MG, 100 MG .....	61	efavirenz-emtricitabine-tenofovir disoproxil fumarate .....	29	enalapril maleate & hydrochlorothiazide 12.5 MG-5 MG 20	
doxycycline (monohydrate) CAPS 75 MG .....	61	efavirenz-lamivudine-tenofovir disoproxil fumarate .....	29	enalapril maleate & hydrochlorothiazide 25 MG-10 MG 20	
doxycycline (monohydrate) TABS 100 MG .....	62	EGRIFTA 2 MG .....	44	enalapril maleate TABS .....	19
doxycycline (monohydrate) TABS 50 MG .....	61	EGRIFTA SV .....	44	ENBREL MINI SOCT .....	4
doxycycline hyclate CAPS .....	62	ELAPRASE .....	44	ENBREL SOLN .....	4
doxycycline hyclate SOLR .....	62	electrolyte-148 .....	53	ENBREL SOLR .....	4
doxycycline hyclate TABS 20 MG, 100 MG .....	62	electrolyte-a .....	53	ENBREL SOSY 25 MG/0.5ML .....	4
doxylamine-pyridoxine TBEC .....	17	ELESTRIN GEL .....	45	ENBREL SOSY 50 MG/ML .....	4
dronabinol CAPS .....	17	eletriptan hydrobromide .....	52	ENBREL SURECLICK SOAJ .....	4
drospirenone-ethinyl estradiol .....	34	ELIGARD KIT SC 7.5 MG .....	24	ENGERIX-B SUSP 20 MCG/ML .....	64
drospirenone-ethinyl estradiol-levomefolate calcium .....	34	ELIGARD SC 22.5 MG, 30 MG, 45 MG .....	24	ENGERIX-B SUSY .....	64
DROXIA CAPS .....	47	ELIQUIS STARTER PACK TBPK .....	10	enoxaparin sodium SOLN IJ 300 MG/3ML .....	10
DUAVEE .....	45	ELIQUIS TABS .....	10	enoxaparin sodium SOSY 100 MG/ML, 150 MG/ML .....	10
DULERA .....	9	ELLA .....	35	enoxaparin sodium SOSY 30	
		ELMIRON CAPS .....	46		
		EMCYT .....	24		



MG/0.3ML .....	10	ergotamine w/ caffeine TABS .....	52	estradiol vaginal CREA .....	67	
enoxaparin sodium SOSY 40 MG/0.4ML .....	10	ERIVEDGE .....	24	estradiol vaginal TABS .....	67	
enoxaparin sodium SOSY 60 MG/0.6ML .....	10	ERLEADA 240 MG .....	24	estradiol valerate .....	45	
enoxaparin sodium SOSY 80 MG/0.8ML, 120 MG/0.8ML .....	10	ERLEADA 60 MG .....	24	ESTROGEL GEL .....	45	
ENSPRYNG .....	54	erlotinib hcl .....	24	eszopiclone .....	48	
entacapone .....	27	ERTACZO .....	37	ethacrynic acid .....	43	
entecavir TABS .....	30	ertapenem sodium IJ .....	21	ethambutol hcl TABS .....	22	
EPIDIOLEX .....	11	erythromycin (acne aid) PADS .....	37	ethosuximide CAPS .....	12	
epinastine hcl (ophth) .....	58	erythromycin (acne aid) SOLN .....	37	ethosuximide SOLN .....	12	
epinephrine (anaphylaxis) SOAJ 0.15 MG/0.3ML .....	67	erythromycin (ophth) .....	57	ethynodiol diacet & eth estrad .....	34	
epinephrine (anaphylaxis) SOAJ 0.3 MG/0.3ML .....	67	erythromycin base CPEP .....	49	etodolac CAPS .....	3	
EPIVIR HBV SOLN .....	30	erythromycin base TABS .....	49	etodolac TABS .....	3	
eplerenone .....	20	erythromycin base TBEC .....	49	etonogestrel-ethinyl estradiol .....	35	
EPOGEN 2000 UNIT/ML, 3000 UNIT/ML, 4000 UNIT/ML, 10000 UNIT/ML, 20000 UNIT/ML .....	48	erythromycin ethylsuccinate SUSR 49	ETOPOPHOS .....	27	etoposide CAPS .....	27
epoprostenol sodium .....	32	erythromycin ethylsuccinate TABS	49	etoposide SOLN 1 GM/50ML, 100 MG/5ML, 500 MG/25ML .....	27	
EQL PRENATAL FORMULA TABS 55		escitalopram oxalate SOLN .....	13	etravirine 100 MG .....	29	
EQUETRO 100 MG .....	28	escitalopram oxalate TABS 10 MG 13		etravirine 200 MG .....	29	
EQUETRO 200 MG .....	28	escitalopram oxalate TABS 20 MG 13		EUCRISA .....	41	
EQUETRO 300 MG .....	28	escitalopram oxalate TABS 5 MG	13	EVAMIST SOLN .....	45	
ERAXIS .....	17	esomeprazole magnesium CPDR 20 MG .....	63	everolimus (immunosuppressant) 0.25 MG, 0.5 MG, 0.75 MG .....	54	
ERBITUX .....	24	esomeprazole magnesium CPDR 40 MG .....	63	everolimus TABS .....	25	
ergocalciferol CAPS .....	67	esomeprazole magnesium TBEC	.63	EVOTAZ .....	29	
ergocalciferol SOLN OR .....	67	estazolam .....	48	exemestane .....	24	
ergoloid mesylates TABS .....	61	estradiol GEL .....	45	ezetimibe .....	19	
ERGOMAR SUBL .....	52	estradiol PTTW .....	45	ezetimibe-simvastatin .....	18	
		estradiol PTWK .....	45	famciclovir 125 MG, 250 MG .....	31	
		estradiol TABS .....	45	famciclovir 500 MG .....	31	
				famotidine in nacl SOLN .....	62	

famotidine SOLN 20 MG/2ML .....	63	ferrous fumarate-folic acid .....	48	FLUCELVAX QUADRIVALENT 2021-2022 SUSP .....	65
famotidine SOLN 40 MG/4ML, 200 MG/20ML .....	62	ferrous sulfate SOLN 15 MG/ML ..	48	FLUCELVAX QUADRIVALENT 2021-2022 SUSY .....	65
famotidine SUSR .....	63	ferrous sulfate TABS 65 MG, 325 MG .....	48	FLUCELVAX QUADRIVALENT 2022-2023 SUSP .....	65
famotidine TABS 20 MG, 40 MG ..	63	ferrous sulfate TBEC 325 MG .....	48	FLUCELVAX QUADRIVALENT 2022-2023 SUSY .....	65
FANAPT .....	28	fesoterodine fumarate .....	63	FLUCELVAX QUADRIVALENT 2023-2024 SUSP .....	65
FANAPT TITRATION PACK .....	28	FETZIMA CP24 .....	14	FLUCELVAX QUADRIVALENT 2023-2024 SUSY .....	65
FANTASY LUBRICATED MISC ...	50	FETZIMA TITRATION PACK C4PK 14		FLUCELVAX QUADRIVALENT 2023-2024 SUSY .....	65
FANTASY LUBRICATED/SPERMICIDE MISC 50		finasteride .....	46	FLUCELVAX QUADRIVALENT 2023-2024 SUSY .....	65
FARXIGA .....	16	fingolimod hcl .....	60	fluconazole SUSR .....	17
FASENRA PEN SOAJ .....	8	FIRDAPSE .....	22	fluconazole TABS .....	17
FASENRA SOSY .....	8	FIRMAGON .....	24	flucytosine .....	17
FC2 FEMALE CONDOM .....	50	flavoxate hcl .....	63	fludarabine phosphate SOLN .....	23
febuxostat .....	47	flecainide acetate .....	8	fludarabine phosphate SOLR .....	23
felbamate SUSP .....	12	floxuridine .....	23	fludrocortisone acetate TABS .....	36
felbamate TABS 400 MG .....	12	FLUAD QUADRIVALENT 2021-2022 .....	64	FLULAVAL QUADRIVALENT 2021- 2022 SUSY .....	65
felbamate TABS 600 MG .....	12	FLUAD QUADRIVALENT 2022-2023 .....	64	FLULAVAL QUADRIVALENT 2022- 2023 SUSY .....	65
felodipine .....	32	FLUAD QUADRIVALENT 2023-2024 .....	64	FLULAVAL QUADRIVALENT 2023- 2024 SUSY .....	65
FEMCAP DEVI .....	50	FLUARIX QUADRIVALENT 2021- 2022 SUSY .....	64	FLUMIST QUADRIVALENT .....	65
FEMRING .....	67	FLUARIX QUADRIVALENT 2022- 2023 SUSY .....	64	flunisolide (nasal) 0.025 % .....	56
fenofibrate micronized 67 MG, 134 MG, 200 MG .....	18	FLUARIX QUADRIVALENT 2023- 2024 SUSY .....	64	fluocinolone acetonide (otic) .....	58
fenofibrate TABS 48 MG, 54 MG, 145 MG, 160 MG .....	18	FLUBLOK QUADRIVALENT 2021- 2022 .....	64	fluocinolone acetonide CREA 0.01 % 40	
fenopropfen calcium TABS .....	3	FLUBLOK QUADRIVALENT 2022- 2023 .....	64	fluocinolone acetonide CREA 0.025 % .....	40
FENSOLVI SC .....	44	FLUBLOK QUADRIVALENT 2023- 2024 .....	65	fluocinolone acetonide OIL .....	40
fentanyl citrate LPOP .....	5			fluocinolone acetonide OINT .....	40
fentanyl PT72 12 MCG/HR, 25 MCG/HR, 50 MCG/HR, 75 MCG/HR, 100 MCG/HR .....	5			fluocinolone acetonide SOLN .....	40

fluocinonide CREA 0.05 %	40	56	folic acid TABS	47
fluocinonide emulsified base	40	fluticasone propionate CREA 0.05 %	fondaparinux sodium 10 MG/0.8ML	10
fluocinonide GEL	40	40		
fluocinonide OINT	40	fluticasone propionate hfa	fondaparinux sodium 2.5 MG/0.5ML	10
fluocinonide SOLN	40	fluticasone propionate LOTN	fondaparinux sodium 5 MG/0.4ML	.10
fluorometholone (ophth) SUSP	57	fluticasone propionate OINT	fondaparinux sodium 7.5 MG/0.6ML	10
fluorouracil (topical) CREA 5 %	38	fluticasone-salmeterol AEPB	FORA GTEL BLOOD KETONE TEST STRIPS	42
fluorouracil (topical) SOLN	38	fluticasone-salmeterol AERO	FORA TEST N' GO	
fluorouracil 500 MG/10ML	23	fluvastatin sodium CAPS 20 MG	ADVANCE/VOICE/6 CONNECT	42
fluoxetine hcl CAPS 10 MG	13	fluvastatin sodium CAPS 40 MG	formoterol fumarate NEBU	9
fluoxetine hcl CAPS 20 MG	13	13	FORTEO SOPN (teriparatide (recombinant))	43
fluoxetine hcl CAPS 40 MG	13	fluvoxamine maleate TABS 100 MG	FOSAMAX PLUS D	43
fluoxetine hcl CPDR	13	13	fosamprenavir calcium TABS	30
fluoxetine hcl SOLN	13	fluvoxamine maleate TABS 25 MG, 50 MG	fosfomycin tromethamine	21
fluoxetine hcl TABS 10 MG, 60 MG	13	13	fosinopril sodium & hydrochlorothiazide	20
13		FLUZONE HIGH-DOSE PF 2021-2022	fosinopril sodium	19
fluoxetine hcl TABS 20 MG	13	65	fosphenytoin sodium	12
fluphenazine hcl CONC	29	FLUZONE HIGH-DOSE PF 2022-2023	FRAGMIN SOSY	10
fluphenazine hcl ELIX	29	65	FREESTYLE LIBRE 14 DAY/READER/FLASH MONITORING SYSTEM	51
fluphenazine hcl SOLN	29	FLUZONE HIGH-DOSE PF 2023-2024		
fluphenazine hcl TABS	29	65	FREESTYLE LIBRE 14 DAY/SENSOR/FLASH MONITORING SYSTEM	51
flurandrenolide CREA	40	FLUZONE QUADRIVALENT 2021-2022 SUSP		
flurandrenolide LOTN	40	65	FREESTYLE LIBRE 2/READER/FLASH GLUCOSE MONITORING SYSTEM	51
flurazepam hcl	48	FLUZONE QUADRIVALENT 2022-2023 SUSY		
flurbiprofen sodium	58	65	FREESTYLE LIBRE 2/SENSOR/FLASH GLUCOSE MONITORING SYSTEM	51
flurbiprofen TABS	3	FLUZONE QUADRIVALENT 2023-2024 SUSP		
flutamide	24	65		
fluticasone furoate-vilanterol	9	FLUZONE QUADRIVALENT 2023-2024 SUSY		
fluticasone propionate (inhalation) AEPB	9	65		
fluticasone propionate (nasal) SUSP		FML FORTE SUSP		57
		FML OINT		57

FREESTYLE LIBRE 3/READER/GLUCOSE MONITORING SYSTEM .....	51	GM/300ML .....	59	60
FREESTYLE LIBRE 3/SENSOR/GLUCOSE MONITORING SYSTEM .....	51	GAMMAGARD S/D IGA LESS THAN 1MCG/ML SOLR .....	59	GLEOSTINE 10 MG .....
FREESTYLE LIBRE/READER/FLASH MONITORING SYSTEM .....	51	GAMMAKED 1 GM/10ML .....	59	GLEOSTINE 40 MG, 100 MG .....
frovatriptan succinate .....	52	GAMMAKED 5 GM/50ML, 10 GM/100ML, 20 GM/200ML .....	59	glimepiride 1 MG, 2 MG .....
fulvestrant SOSY .....	24	GAMUNEX-C 1 GM/10ML .....	59	glimepiride 4 MG .....
furosemide SOLN OR 10 MG/ML, 40 MG/5ML .....	43	GAMUNEX-C 2.5 GM/25ML, 5 GM/50ML, 10 GM/100ML, 20 GM/200ML, 40 GM/400ML .....	59	glipizide TABS 5 MG, 10 MG .....
furosemide TABS .....	43	ganciclovir sodium SOLR .....	30	glipizide TB24 .....
FUZEON SOLR .....	30	ganirelix acetate .....	44	glipizide-metformin hcl 250 MG-2.5 MG, 500 MG-2.5 MG .....
FYCOMPA TABS 2 MG .....	10	GARDASIL 9 SUSP .....	65	glipizide-metformin hcl 500 MG-5 MG .....
FYCOMPA TABS 4 MG .....	10	GARDASIL 9 SUSY .....	65	GLUCAGEN DIAGNOSTIC .....
FYCOMPA TABS 6 MG .....	10	gatifloxacin (ophth) .....	57	glucagon (rdna) .....
FYCOMPA TABS 8 MG, 10 MG, 12 MG .....	10	gefitinib .....	24	glyburide micronized 1.5 MG, 3 MG, 6 MG .....
gabapentin CAPS .....	11	gemcitabine hcl SOLR 2 GM, 200 MG .....	23	glyburide TABS .....
gabapentin SOLN .....	11	gemfibrozil TABS .....	18	glyburide-metformin 250 MG-1.25 MG .....
gabapentin TABS 600 MG, 800 MG 11		gentamicin in saline 0.8 MG/ML-0.9 %, 1 MG/ML-0.9 %, 1.2 MG/ML-0.9 %, 1.6 MG/ML-0.9 % .....	2	glyburide-metformin 500 MG-2.5 MG, 500 MG-5 MG .....
GALAFOLD .....	44	gentamicin sulfate (ophth) OINT ..	57	glycine (gu irrigant) SOLN 1.5 % ..
galantamine hydrobromide CP24 ..	60	gentamicin sulfate (ophth) SOLN ..	57	glycopyrrolate SOLN IJ 0.2 MG/ML, 4 MG/20ML .....
galantamine hydrobromide SOLN ..	60	gentamicin sulfate (topical) CREA ..	37	glycopyrrolate TABS 1 MG .....
galantamine hydrobromide TABS ..	60	gentamicin sulfate (topical) OINT ..	37	glycopyrrolate TABS 2 MG .....
GAMMAGARD LIQUID 1 GM/10ML 58		gentamicin sulfate IJ 40 MG/ML, 80 MG/2ML .....	2	GLYXAMBI .....
GAMMAGARD LIQUID 2.5 GM/25ML, 5 GM/50ML, 10 GM/100ML, 20 GM/200ML .....	58	GENVOYA .....	30	GNP PRENATAL TABS .....
GAMMAGARD LIQUID 30		GILOTRIF .....	24	GOJJI BLOOD KETONE TEST STRIPS .....
		glatiramer acetate SOSY 20 MG/ML . 60		granisetron hcl SOLN IV 1 MG/ML
		glatiramer acetate SOSY 40 MG/ML .		granisetron hcl TABS .....
				GRASTEK SUBL .....

griseofulvin microsize SUSP .....	17	MG/0.8ML .....	3	MG, 5 MG-200 MG .....	6
griseofulvin microsize TABS .....	17	HUMIRA PEN PNKT 80 MG/0.8ML	.3	hydrocodone-ibuprofen 7.5 MG-200	
griseofulvin ultramicrosize .....	17	HUMIRA PEN PNKT .....	3	MG .....	6
guanfacine hcl (adhd) .....	1	HUMIRA PEN-CD/UC/HS STARTER		hydrocortisone (intrarectal) .....	7
guanfacine hcl .....	19	PNKT .....	3	hydrocortisone (rectal) EX .....	7
GYNAZOLE-1 .....	66	HUMIRA PEN-PEDIATRIC UC		hydrocortisone (topical) CREA 1 %,	
HADLIMA PUSHTOUCH SOAJ .....	3	STARTER PACK PNKT .....	3	2.5 % .....	40
HADLIMA SOSY .....	3	HUMIRA PEN-PS/UV STARTER		hydrocortisone (topical) LOTN 2.5 % .	
HAEGARDA SOLR SC .....	47	PNKT .....	3	40	
HALAVEN .....	27	HUMIRA PSKT .....	3	hydrocortisone (topical) OINT 1 %,	
halcinonide CREA .....	40	HUMULIN R U-500		2.5 % .....	40
halobetasol propionate CREA .....	40	(CONCENTRATED) SOLN SC .....	15	hydrocortisone acetate (rectal) .....	7
halobetasol propionate OINT .....	40	HUMULIN R U-500 KWIKPEN SOPN		hydrocortisone butyrate CREA .....	40
HALOG OINT .....	40	SC .....	15	hydrocortisone butyrate OINT .....	40
haloperidol decanoate .....	28	HYCANTIN CAPS .....	27	hydrocortisone butyrate SOLN .....	40
haloperidol lactate CONC .....	28	hydralazine hcl SOLN .....	20	hydrocortisone TABS .....	35
haloperidol lactate SOLN .....	28	hydralazine hcl TABS .....	20	hydrocortisone valerate CREA .....	40
haloperidol TABS .....	28	hydrochlorothiazide CAPS .....	43	hydrocortisone valerate OINT .....	40
HAVRIX .....	66	hydrochlorothiazide TABS 12.5 MG		hydrocortisone w/acetic acid .....	58
HEALON PRO SOSY .....	58	43		hydromorphone hcl LIQD .....	5
HEMANGEOL SOLN OR .....	31	hydrochlorothiazide TABS 25 MG, 50		hydromorphone hcl SOLN IJ 10	
heparin sodium (porcine) SOLN IJ		MG .....	43	MG/ML, 50 MG/5ML, 500 MG/50ML .	
5000 UNIT/ML, 10000 UNIT/ML,		hydrocodone polistirex-		5	
20000 UNIT/ML .....	10	chlorpheniramine polistirex SUER	.36	hydromorphone hcl TABS .....	5
HEPARIN SODIUM/NACL 0.45%		hydrocodone-acetaminophen SOLN		hydromorphone hcl TB24 32 MG ...	5
SOLN IV 0.45 %-12500 UNIT/250ML		108 MG/5ML-2.5 MG/5ML, 217		5	
10		MG/10ML-5 MG/10ML, 325		hydromorphone hcl TB24 8 MG, 12	
HEPLISAV-B SOSY .....	66	MG/15ML-7.5 MG/15ML .....	6	MG, 16 MG .....	5
HIBERIX SOLR IJ .....	63	hydrocodone-acetaminophen TABS		hydroxychloroquine sulfate 200 MG	
HUMATROPE CART IJ .....	44	300 MG-10 MG, 300 MG-5 MG, 300		22	
HUMIRA PEDIATRIC CROHNS		MG-7.5 MG .....	6	hydroxyurea .....	27
DISEASE STARTER PACK PSKT 80		hydrocodone-acetaminophen TABS		hydroxyzine hcl SOLN 50 MG/ML ..	8
Index 15		325 MG-10 MG, 325 MG-5 MG, 325		hydroxyzine hcl SYRP .....	8
		MG-7.5 MG .....	6	hydroxyzine hcl TABS .....	8
		hydrocodone-ibuprofen 10 MG-200			

hydroxyzine pamoate CAPS .....	8	INCRUSE ELLIPTA .....	8	ipratropium bromide (nasal) 0.06 %	56	
HYPERSAL NEBU .....	36	indapamide TABS 1.25 MG .....	43	ipratropium bromide SOLN 0.02 %	9	
HYQVIA .....	59	indapamide TABS 2.5 MG .....	43	ipratropium-albuterol SOLN .....	9	
ibandronate sodium SOLN .....	43	indomethacin CAPS 25 MG, 50 MG	4	irbesartan .....	19	
ibandronate sodium TABS .....	43	indomethacin CPCR .....	4	irbesartan-hydrochlorothiazide	20	
IBRANCE CAPS .....	25	INFANRIX .....	62	IRESSA (gefitinib) .....	24	
IBRANCE TABS .....	25	INFLECTRA SOLR .....	46	irinotecan hcl 40 MG/2ML, 100	MG/5ML .....	27
ibuprofen SUSP 100 MG/5ML .....	3	INGREZZA CAPS .....	60	irrigation solutions, physiological	54	
ibuprofen TABS 400 MG, 600 MG	3	INGREZZA CPPK .....	60	ISENTRESS CHEW .....	30	
ibuprofen TABS 800 MG .....	4	INLYTA .....	23	ISENTRESS HD TABS .....	30	
icatibant acetate SOLN .....	47	INREBIC .....	25	ISENTRESS TABS .....	30	
icatibant acetate SOSY .....	47	INSULIN ASPART FLEXPEN SOPN	15	ISOLYTE-P/DEXTROSE 5% .....	53	
ICLUSIG .....	25	INSULIN ASPART PENFILL SOCT	15	ISOLYTE-S .....	53	
icosapent ethyl 1 GM .....	18	INSULIN ASPART		isoniazid SOLN .....	22	
idarubicin hcl 20 MG/20ML .....	25	PROTAMINE/INSULIN ASPART		isoniazid SYRP .....	22	
idarubicin hcl 5 MG/5ML, 10	MG/10ML .....	FLEXPEN SUPN .....	15	isoniazid TABS .....	22	
ifosfamide SOLN 1 GM/20ML .....	23	INSULIN ASPART		isosorbide dinitrate TABS 5 MG, 10	MG, 20 MG, 30 MG .....	7
ifosfamide SOLR .....	23	PROTAMINE/INSULIN ASPART		isosorbide dinitrate-hydralazine hcl	32	
imatinib mesylate .....	25	SUSP .....	15	isosorbide mononitrate TABS .....	7	
IMBRUVICA CAPS 140 MG .....	25	INSULIN ASPART SOLN IJ .....	15	isosorbide mononitrate TB24 .....	7	
IMBRUVICA CAPS 70 MG .....	25	INSULIN DEGLUDEC FLEXTOUCH		isotretinoin 10 MG, 20 MG, 30 MG,	40 MG .....	37
IMBRUVICA SUSP .....	25	SOPN .....	15	isradipine CAPS .....	32	
IMBRUVICA TABS .....	25	INSULIN DEGLUDEC SOLN .....	15	itraconazole CAPS .....	17	
imipenem-cilastatin IV .....	21	INTELENCE 25 MG .....	30	itraconazole SOLN .....	17	
imipramine hcl TABS .....	14	INTRAROSA .....	66	ivermectin (pediculicide) .....	41	
imipramine pamoate .....	14	INTRON A SOLR 18000000 UNIT	27	ivermectin .....	7	
imiquimod 5 % .....	41	IONOSOL-MB/DEXTROSE 5%	53	IXEMPRA KIT 15 MG .....	27	
IMPAVIDO .....	20	IOPIDINE .....	57			
INCRELEX .....	44	IPOL INACTIVATED IPV .....	66			
		ipratropium bromide (nasal) 0.03 %	56			

JAKAFI .....	25	KIMONO LUBRICATED MISC .....	50	KYLEENA .....	35
JANUMET TABS .....	14	KIMONO MAXX/LARGE FLARE MISC .....	50	KYPROLIS .....	26
JANUMET XR TB24 1000 MG-100 MG .....	14	KIMONO MICRO THIN PLUS SPERMICIDE LUBRICATED MISC 50		labetalol hcl SOLN .....	31
JANUMET XR TB24 1000 MG-50 MG, 500 MG-50 MG .....	14	KIMONO PLUS SPERMICIDE LUBRICATED MISC .....	50	labetalol hcl TABS 100 MG, 200 MG . 31	
JANUVIA .....	15	KIMONO PLUS SPERMICIDE LUBRICATED MISC .....	50	labetalol hcl TABS 300 MG .....	31
JARDIANCE .....	16	KIMONO PLUS SPERMICIDE/LUBRICATED MISC 50		lacosamide SOLN OR 10 MG/ML .	11
JEVTANA .....	27	KIMONO PS LUBRICATED MISC .	50	lacosamide TABS .....	11
JULUCA .....	30	KIMONO PS PLUS SPERMICIDE/LUBRICATED MISC 50		lactated ringer's (irrigation) .....	54
KALYDECO TABS .....	61	KIMONO SENSATION LUBRICATED MISC .....	50	lactated ringer's .....	53
KAMELEON LUBRICATED MISC .	50	KIMONO SENSATION PLUS SPERMICIDE LUBRICATED MISC 50		lactic acid (ammonium lactate) CREA .....	41
KANJINTI .....	23	KIMONO SPECIAL DEVI .....	50	lactic acid (ammonium lactate) LOTN 12 % .....	41
KCL 0.3%/D5W/NACL 0.9% (potassium chloride in dextrose & sodium chloride) .....	53	KINRIX SUSY .....	62	lactulose (encephalopathy) .....	46
KEPIVANCE 6.25 MG .....	27	KISQALI .....	26	lactulose SOLN .....	49
KESIMPTA .....	60	KISQALI FEMARA 200 DOSE ...	25	lamivudine (hbv) TABS .....	30
ketoconazole (topical) CREA .....	37	KISQALI FEMARA 400 DOSE ...	25	lamivudine SOLN .....	30
ketoconazole (topical) SHAM 2 % .	37	KISQALI FEMARA 600 DOSE ...	25	lamivudine TABS 150 MG .....	30
ketoconazole .....	17	KLARITY-A .....	57	lamivudine TABS 300 MG .....	30
KETONE STRP .....	42	KOSELUGO .....	26	lamivudine-zidovudine .....	30
KETONE TEST STRIPS STRP ...	42	KP PRENATAL MULTIVITAMINS TABS .....	55	lamotrigine CHEW 25 MG .....	11
ketoprofen CAPS 50 MG, 75 MG ...	4	KRINTAFEL .....	22	lamotrigine CHEW 5 MG .....	11
ketorolac tromethamine (ophth) ...	58	K-Y ME & YOU EXTRA LUBRICATED DEVI .....	50	lamotrigine TABS .....	11
ketorolac tromethamine TABS .....	4	K-Y ME & YOU INTENSE DEVI ...	50	lamotrigine TBDP .....	11
KETOSTIX STRP .....	42			LANOXIN SOLN IJ (digoxin) .....	32
ketotifen fumarate (ophth) 0.035 % 58				LANOXIN TABS 62.5 MCG, 125 MCG, 250 MCG (digoxin) .....	32
KEVZARA SOAJ .....	3			lansoprazole CPDR 15 MG .....	63
KEVZARA SOSY .....	3			lansoprazole CPDR 30 MG .....	63
KIMONO COLORS DEVI .....	50			lanthanum carbonate CHEW .....	46

lapatinib ditosylate	26	MG	11	lidocaine hcl GEL 2 %	41
LASTACRAFT	58	levetiracetam TABS 500 MG	11	lidocaine hcl PRSY	41
latanoprost SOLN	58	levetiracetam TB24	11	lidocaine hcl SOLN	41
leflunomide	4	levobunolol hcl 0.5 %	57	lidocaine PTCH 5 %	41
lenalidomide 2.5 MG, 5 MG, 10 MG, 15 MG, 25 MG	54	levocetirizine dihydrochloride SOLN 18		lidocaine-prilocaine CREA	41
lenalidomide 20 MG	54	levocetirizine dihydrochloride TABS 18		LILETTA 20.1 MCG/DAY	35
LENVIMA 10 MG DAILY DOSE	23	levofloxacin (ophth) 0.5 %	57	lincomycin hcl	21
LENVIMA 12MG DAILY DOSE	23	levofloxacin in d5w 5 %-500 MG/100ML	45	linezolid SUSR	21
LENVIMA 14 MG DAILY DOSE	23	levofloxacin SOLN OR	45	linezolid TABS	21
LENVIMA 18 MG DAILY DOSE	23	levofloxacin TABS 250 MG, 750 MG	45	LINZESS	46
LENVIMA 20 MG DAILY DOSE	23	levofloxacin TABS 500 MG	45	liothyronine sodium SOLN	62
LENVIMA 24 MG DAILY DOSE	23	levonorgestrel & eth estradiol TABS 34		liothyronine sodium TABS	62
LENVIMA 4 MG DAILY DOSE	23	levonorgestrel (emergency oc) 1.5 MG	35	lisdexamfetamine dimesylate CAPS	1
LENVIMA 8 MG DAILY DOSE	23	levonorgestrel-eth estradiol (triphasic)	34	lisinopril & hydrochlorothiazide	20
letrozole	24	levonorgestrel-ethinyl estradiol (91- day) 0.03 MG-0.15 MG	34	lisinopril TABS 2.5 MG, 5 MG, 10 MG, 20 MG, 30 MG, 40 MG	19
leucovorin calcium SOLR	27	levonorgestrel-ethinyl estradiol (continuous)	34	lithium	28
leucovorin calcium TABS	27	levonorgestrel-ethinyl estradiol-iron 34		LITHIUM	28
LEUKERAN	23	levorphanol tartrate TABS 2 MG	5	lithium carbonate CAPS	28
LEUKINE SOLR IJ	48	levothyroxine sodium TABS	62	lithium carbonate TABS	28
leuprolide acetate KIT IJ 1 MG/0.2ML	24	LEXIVA SUSP	30	lithium carbonate TBCR	28
levabuterol hcl	9	lidocaine hcl (local anesth.) SOLN 0.5 %, 1 %, 2 %	49	LO LOESTRIN FE TABS	34
levabuterol tartrate	9	lidocaine hcl (mouth-throat) 2 %	54	LOKELMA	54
LEVEMIR FLEXPEN SOPN	15	lidocaine hcl (mouth-throat) 4 %	54	loperamide hcl CAPS	16
LEVEMIR FLEXTOUCH SOPN	15			lopinavir-ritonavir SOLN	30
LEVEMIR SOLN	15			lopinavir-ritonavir TABS	30
levetiracetam SOLN IV 500 MG/5ML	11			loratadine CAPS	18
levetiracetam TABS 1000 MG	11			loratadine CHEW	18
levetiracetam TABS 250 MG, 750				loratadine SOLN	18
				loratadine TABS	18



loratadine TBDP .....	18	30 MG .....	44	megestrol acetate (appetite) .....	59
lorazepam CONC .....	8	lurasidone hcl 20 MG, 40 MG, 60 MG, 120 MG .....	28	megestrol acetate SUSP .....	24
lorazepam TABS 0.5 MG, 2 MG .....	8	lurasidone hcl 80 MG .....	28	megestrol acetate TABS .....	24
lorazepam TABS 1 MG .....	8	LYNPARZA TABS .....	26	MEKINIST SOLR .....	26
LORBRENA .....	26	LYSODREN .....	24	MEKINIST TABS 0.5 MG .....	26
losartan potassium & hydrochlorothiazide 12.5 MG-100 MG, 25 MG-100 MG .....	20	mafenide acetate PACK .....	39	MEKINIST TABS 2 MG .....	26
losartan potassium & hydrochlorothiazide 12.5 MG-50 MG . 20		magnesium sulfate IJ 50 % .....	53	MEKTOVI .....	26
losartan potassium .....	19	malathion .....	41	meloxicam TABS .....	4
LOTEMAX OINT .....	57	maraviroc TABS 150 MG .....	30	melphalan .....	23
loteprednol etabonate GEL .....	57	maraviroc TABS 300 MG .....	30	melphalan hcl .....	23
loteprednol etabonate SUSP .....	57	MARPLAN .....	13	memantine hcl TABS .....	60
lovastatin TABS 10 MG, 20 MG ...	18	MASONATAL TABS .....	55	MENACTRA .....	64
lovastatin TABS 40 MG .....	18	MATULANE .....	27	MENEST .....	45
loxapine succinate .....	28	MAXIDEX SUSP OP .....	57	MENOSTAR PTWK .....	45
lubiprostone .....	45	MAXX LUBRICATED MISC .....	50	MENQUADFI .....	64
LUCEMYRA .....	60	MAXX PLUS SPERMICIDE LUBRICATED MISC .....	50	MENVEO SOLR .....	64
luliconazole .....	37	meclizine hcl TABS 12.5 MG .....	17	meperidine hcl SOLN IJ 25 MG/ML, 50 MG/ML, 100 MG/ML .....	5
LUMIZYME .....	44	meclizine hcl TABS 25 MG .....	17	meperidine hcl SOLN OR 50 MG/5ML .....	5
LUPRON DEPOT (1-MONTH) KIT IM .....	24	meclofenamate sodium CAPS .....	4	meperidine hcl TABS 50 MG .....	5
LUPRON DEPOT (3-MONTH) KIT IM .....	24	MEDROL TABS .....	35	meprobamate .....	8
LUPRON DEPOT (4-MONTH) IM .	24	medroxyprogesterone acetate (contraceptive) SUSP IM .....	35	mercaptopurine TABS .....	23
LUPRON DEPOT (6-MONTH) IM .	24	medroxyprogesterone acetate (contraceptive) SUSY IM .....	35	meropenem .....	21
LUPRON DEPOT-PED (1-MONTH) . 44		medroxyprogesterone acetate 10 MG .....	59	mesalamine CP24 .....	46
LUPRON DEPOT-PED (3-MONTH) 11.25 MG .....	44	medroxyprogesterone acetate 2.5 MG, 5 MG .....	59	mesalamine CPDR .....	46
LUPRON DEPOT-PED (3-MONTH)		mefenamic acid CAPS .....	4	mesalamine ENEM .....	46
		mefloquine hcl .....	22	mesalamine SUPP .....	46
				mesalamine TBEC 1.2 GM .....	46
				mesalamine TBEC 800 MG .....	46
				metaxalone 800 MG .....	56

metformin hcl TABS 1000 MG ..... 15	methylphenidate hcl CP24 20 MG, 40 MG ..... 2	TABS 25 MG-50 MG ..... 20
metformin hcl TABS 500 MG ..... 15	methylphenidate hcl CP24 30 MG .. 2	metoprolol succinate TB24 200 MG 31
metformin hcl TABS 850 MG ..... 15	methylphenidate hcl CP24 ..... 1	metoprolol succinate TB24 25 MG, 50 MG, 100 MG ..... 31
metformin hcl TB24 500 MG ..... 15	methylphenidate hcl CPCR ..... 2	metoprolol tartrate SOLN IV 5 MG/5ML ..... 31
metformin hcl TB24 750 MG ..... 15	methylphenidate hcl SOLN ..... 2	metoprolol tartrate TABS 25 MG, 50 MG, 100 MG ..... 31
methadone hcl CONC ..... 5	methylphenidate hcl TABS 10 MG, 20 MG ..... 2	metronidazole (topical) CREA ..... 41
methadone hcl SOLN IJ 10 MG/ML .5	methylphenidate hcl TABS 5 MG ... 2	metronidazole (topical) GEL 0.75 % 41
METHADONE HCL SOLN IJ ..... 5	methylphenidate hcl TB24 27 MG .. 2	metronidazole (topical) GEL 1 % .. 41
methadone hcl SOLN OR 10 MG/5ML ..... 5	methylphenidate hcl TB24 36 MG, 54 MG ..... 2	metronidazole (topical) LOTN ..... 41
methadone hcl SOLN OR 5 MG/5ML 5	methylphenidate hcl TBCR 10 MG, 20 MG ..... 2	metronidazole TABS ..... 20
methadone hcl TABS 10 MG ..... 5	methylphenidate hcl TBCR 18 MG, 27 MG ..... 2	metronidazole vaginal ..... 66
methadone hcl TABS 5 MG ..... 5	methylphenidate hcl TBCR 36 MG, 54 MG ..... 2	mexiletine hcl ..... 8
methadone hcl TBSO ..... 5	methylphenidate PTCH ..... 2	miconazole nitrate vaginal SUPP 200 MG ..... 66
methamphetamine hcl ..... 1	methylprednisolone acetate SUSP 35	midodrine hcl ..... 67
methazolamide TABS ..... 42	methylprednisolone sod succ 40 MG, 125 MG, 500 MG, 1000 MG ..... 35	miglitol ..... 14
methenamine hippurate ..... 21	methylprednisolone TABS ..... 35	miglustat ..... 47
methimazole TABS ..... 62	methylprednisolone TBPK ..... 35	minocycline hcl CAPS ..... 62
METHITEST TABS ..... 7	metoclopramide hcl SOLN IJ 5 MG/ML ..... 45	minocycline hcl TABS ..... 62
methocarbamol TABS 500 MG, 750 MG ..... 56	metoclopramide hcl SOLN OR 5 MG/5ML, 10 MG/10ML ..... 46	minoxidil 2.5 MG, 10 MG ..... 20
METHOTREXATE ..... 2	metoclopramide hcl TABS ..... 46	MIRCERA 30 MCG/0.3ML, 50 MCG/0.3ML, 75 MCG/0.3ML, 100 MCG/0.3ML, 150 MCG/0.3ML, 200 MCG/0.3ML ..... 48
methotrexate sodium SOLN 50 MG/2ML, 250 MG/10ML ..... 23	metolazone ..... 43	MIRENA ..... 35
methotrexate sodium SOLR ..... 23	metoprolol & hydrochlorothiazide TABS 25 MG-100 MG, 50 MG-100 MG ..... 20	mirtazapine TABS 15 MG ..... 12
methotrexate sodium TABS 2.5 MG 23	metoprolol & hydrochlorothiazide	mirtazapine TABS 30 MG ..... 12
methoxsalen rapid ..... 38		
methscopolamine bromide ..... 62		
methsuximide ..... 12		
methyl dopa TABS ..... 19		

mirtazapine TABS 7.5 MG, 45 MG	12	MG/ML, 1 MG/ML	5	nalbuphine hcl	7
mirtazapine TBDP 15 MG	12	morphine sulfate SOLN OR 10		naloxone hcl LIQD	16
mirtazapine TBDP 30 MG	12	MG/5ML	5	naloxone hcl SOLN 0.4 MG/ML, 4	
mirtazapine TBDP 45 MG	12	morphine sulfate SOLN OR 20		MG/10ML	16
misoprostol	63	MG/5ML	5	naltrexone hcl	16
mitomycin SOLR IV 20 MG	25	morphine sulfate TABS	5	naproxen sodium TABS 550 MG	4
mitoxantrone hcl 2 MG/ML	25	morphine sulfate TBCR	5	naproxen SUSP	4
M-M-R II SOLR	66	MOTOFEN	16	naproxen TABS	4
M-NATAL PLUS TABS	55	MOVANTIK	46	naproxen TBEC 500 MG	4
modafinil 100 MG	2	moxifloxacin hcl (ophth) SOLN OP	57	naratriptan hcl	52
modafinil 200 MG	2	moxifloxacin hcl in sodium chloride	45	NATACYN	57
MODERNA COVID-19 VACCINE		moxifloxacin hcl TABS	45	NATAZIA	34
SUSP	66	MOZOBIL (plerixafor)	48	nateglinide	16
MODERNA COVID-19		MULPLETA	48	NAYZILAM	11
VACCINE/6MO-11Y/2023-24 SUSP	66	MULTI PRENATAL TABS	55	nebivolol hcl 2.5 MG, 5 MG, 10 MG	31
66		mupirocin OINT	37	nebivolol hcl 20 MG	31
MODERNA COVID-19 VACCINE6-		MVASI	23	NEBUSAL NEBU	36
11Y SUSP	66	MYALEPT	44	nefazodone hcl	13
MODERNA COVID-19		mycophenolate mofetil CAPS	54	nelarabine	23
VACCINE6MO-5Y SUSP	66	mycophenolate mofetil TABS	54	neomycin sulfate TABS	2
moexipril hcl	19	mycophenolate sodium	54	neomycin-bacitracin zn-polymyxin	57
mometasone furoate (nasal) SUSP	56	MYLERAN TABS	23	neomycin-polymy-dexameth OINT	57
mometasone furoate CREA	40	nabumetone	4	neomycin-polymy-dexameth SUSP	57
mometasone furoate OINT	40	nadolol TABS 20 MG	31	neomycin-polymyxin-hc (ophth)	57
mometasone furoate SOLN	40	nadolol TABS 40 MG	31	neomycin-polymyxin-hc (otic) SOLN	58
montelukast sodium CHEW	9	nadolol TABS 80 MG	31	neomycin-polymyxin-hc (otic) SUSP	58
montelukast sodium PACK	9	naftifine hcl CREA 1 %	38	NEONATAL COMPLETE TABS 120	
montelukast sodium TABS	9	naftifine hcl CREA 2 %	38	MG-10 MG-9.2 MG-1000 MCG-10	
morphine sulfate CP24 20 MG, 30		NAGLAZYME	44		
MG, 50 MG, 60 MG, 80 MG, 100 MG	5				
morphine sulfate SOLN IJ 0.5					

MCG-12 MCG-3 MG-5 MG-20 MG-27 MG-200 MG-1.84 MG-25 MG-2 MG-1200 MCG-2 MG-0.2 MG	55	nicotine PT24 TD 7 MG/24HR, 14 MG/24HR, 21 MG/24HR	61	nizatidine SOLN	63
NEONATAL PLUS TABS	55	NICOTINE TRANSDERMAL SYSTEM KIT	61	NORDITROPIN FLEXPPO SOPN 30 MG/3ML	44
NEONATAL PRENATAL VITAMIN TABS	55	NICOTROL INHALER INHA	61	NORDITROPIN FLEXPPO SOPN 5 MG/1.5ML, 10 MG/1.5ML, 15 MG/1.5ML	44
NEONATAL VITAMIN TABS	55	NICOTROL NS SOLN	61	norelgestromin-ethinyl estradiol	34
neostigmine methylsulfate SOSY	22	nifedipine CAPS 10 MG	32	norethin acet & estrad-fe CAPS	34
NEO-SYNALAR	37	nifedipine CAPS 20 MG	32	norethin acet & estrad-fe CHEW	34
NEUPRO	28	nifedipine TB24 60 MG	32	norethin acet & estrad-fe TABS 1 MG-20 MCG-75 MG, 1.5 MG-30 MCG-75 MG	34
NEVANAC	58	nifedipine TB24 90 MG	32	norethindrone & eth estradiol	34
nevirapine SUSP	30	nifedipine TB24	32	norethindrone & ethinyl estradiol-fe	34
nevirapine TABS	30	nilutamide	24	norethindrone (contraceptive)	35
nevirapine TB24 100 MG	30	nimodipine CAPS	32	norethindrone acet & eth estra	34
nevirapine TB24 400 MG	30	NINLARO	26	norethindrone acetate TABS	59
NEXIUM 24HR TBEC (esomeprazole magnesium)	63	NIPENT	27	norethindrone acetate-ethinyl estradiol	45
NEXPLANON	35	nisoldipine 8.5 MG, 17 MG, 20 MG, 30 MG, 34 MG, 40 MG	32	norethindrone acetate-ethinyl estradiol-fe	34
NEXTSTELLIS	34	nitazoxanide TABS	21	norethindrone-eth estradiol (triphasic)	34
niacin (antihyperlipidemic) TBCR	19	nitisinone CAPS	44	norgestimate-ethinyl estradiol (triphasic)	34
niacin CPCR 250 MG, 500 MG	67	NITRO-BID OINT	7	norgestimate-ethinyl estradiol	34
niacin TABS	67	nitrofurantoin	21	norgestrel & ethinyl estradiol 30 MCG-0.3 MG	34
niacin TBCR	67	nitrofurantoin macrocrystal 50 MG, 100 MG	21	NORMOSOL-M/D5W	53
NIACIN TR TBCR	67	nitrofurantoin monohyd macro	21	NORMOSOL-R	53
niacinamide TABS 100 MG	67	nitroglycerin (intra-anal)	7	nortriptyline hcl CAPS	14
niacinamide TABS 500 MG	67	nitroglycerin CPCR	7	nortriptyline hcl SOLN	14
nicardipine hcl CAPS	32	nitroglycerin PT24	7	NORVIR PACK	30
nicardipine hcl SOLN	32	NITROGLYCERIN SOLN IV	7		
nicotine MISC XX	61	nitroglycerin SUBL	7		
nicotine polacrilex GUM	61	NIVA-PLUS TABS	55		
nicotine polacrilex LOZG	61	nizatidine CAPS	63		

NORVIR SOLN .....	30	nystatin-triamcinolone CREA .....	38	ONCASPAR .....	26
NOVA MAX PLUS KETONE TESTSTRIPS .....	42	nystatin-triamcinolone OINT .....	38	ondansetron hcl SOLN IJ 4 MG/2ML . 16	
NOVAREL IM 10000 UNIT .....	44	octreotide acetate SOLN .....	45	ondansetron hcl SOLN OR 4 MG/5ML .....	16
NOVOLIN 70/30 FLEXPEN SUPN	15	ODEFSEY .....	30	ondansetron hcl SOSY .....	16
NOVOLIN 70/30 SUSP .....	15	ODOMZO .....	24	ondansetron hcl TABS 24 MG .....	16
NOVOLIN N FLEXPEN SUPN .....	16	OFEV .....	61	ondansetron hcl TABS 4 MG .....	16
NOVOLIN N SUSP .....	16	ofloxacin (ophth) .....	57	ondansetron hcl TABS 8 MG .....	16
NOVOLIN R FLEXPEN SOPN IJ ..	16	ofloxacin (otic) .....	58	ondansetron hcl TABS 8 MG .....	16
NOVOLIN R SOLN IJ .....	16	ofloxacin 300 MG, 400 MG .....	45	ondansetron TBDP 4 MG .....	17
NOXAFIL SUSP (posaconazole) ..	17	OGIVRI .....	24	ondansetron TBDP 8 MG .....	17
NP THYROID 120 TABS .....	62	olanzapine SOLR .....	28	ONE VITE WOMENS PRENATALVITAMIN PLUS TABS	55
NP THYROID 15 TABS .....	62	olanzapine TABS 2.5 MG, 5 MG ..	29	ONE VITE WOMENS PRENATALVITAMIN TABS .....	55
NP THYROID 30 TABS .....	62	olanzapine TABS 7.5 MG, 10 MG, 15 MG, 20 MG .....	29	OPILL .....	35
NP THYROID 60 TABS .....	62	olanzapine TBDP 20 MG .....	29	OPSUMIT .....	33
NP THYROID 90 TABS .....	62	olanzapine TBDP 5 MG, 10 MG, 15 MG .....	29	ORENITRAM TBCR .....	32
NUBEQA .....	24	olmesartan medoxomil .....	19	ORILISSA .....	44
NUCALA SOAJ .....	8	olmesartan medoxomil-amlodipine- hydrochlorothiazide .....	20	ORKAMBI PACK 125 MG-100 MG, 188 MG-150 MG .....	61
NUCALA SOLR .....	8	olmesartan medoxomil- hydrochlorothiazide .....	20	ORKAMBI TABS .....	61
NUCALA SOSY 100 MG/ML .....	8	olopatadine hcl (nasal) .....	56	ORLADEYO .....	47
NUCALA SOSY 40 MG/0.4ML .....	8	olopatadine hcl 0.1 % .....	58	orphenadrine citrate TB12 .....	56
NUCYNTA ER TB12 .....	5	olopatadine hcl 0.2 % .....	58	oseltamivir phosphate CAPS .....	31
NUCYNTA TABS .....	5	omega-3-acid ethyl esters .....	18	oseltamivir phosphate SUSR .....	31
NUEDEXTA .....	61	omeprazole CPDR .....	63	OSMOPREP .....	49
NULOJIX .....	54	omeprazole magnesium CPDR ...	63	OSPHENA .....	44
nystatin (mouth-throat) .....	54	omeprazole TBEC .....	63	OTEZLA TABS .....	4
nystatin (topical) CREA .....	38	omeprazole-sodium bicarbonate CAPS 1100 MG-20 MG .....	63	OTEZLA TBPK .....	4
nystatin (topical) OINT .....	38	OMNIFLEX DIAPHRAGM .....	50	oxacillin sodium IV 10 GM .....	59
nystatin (topical) POWD EX .....	38			oxaliplatin SOLN 50 MG/10ML, 100	
nystatin TABS .....	17				

MG/20ML .....	23	pamidronate disodium SOLN 30 MG/10ML, 90 MG/10ML .....	43	peg 3350-kcl-nacl-na sulfate-na ascorbate-ascorbic acid .....	49
oxandrolone .....	7	PAMIDRONATE DISODIUM SOLN 43		peg 3350-kcl-sod bicarb-sod chloride-sod sulfate SOLR 6.74 GM- 2.97 GM-5.86 GM-22.74 GM-236 GM .....	49
oxaprozin TABS .....	4	PANCREAZE CPEP 149900 UNIT- 97300 UNIT-37000 UNIT, 15200 UNIT-8800 UNIT-2600 UNIT, 24600 UNIT-14200 UNIT-4200 UNIT, 61500 UNIT-35500 UNIT-10500 UNIT, 83900 UNIT-54700 UNIT-21000 UNIT, 98400 UNIT-56800 UNIT- 16800 UNIT .....	42	peg 3350-potassium chloride-sod bicarbonate-sod chloride .....	49
oxazepam CAPS .....	8	PANRETIN .....	38	PEGASYS SOLN .....	30
OXBRYTA TABS 500 MG .....	47	pantoprazole sodium TBEC 20 MG 63		PEGASYS SOSY .....	30
oxcarbazepine SUSP .....	11	paricalcitol CAPS .....	44	PEMAZYRE .....	26
oxcarbazepine TABS 150 MG, 300 MG .....	11	pantoprazole sodium TBEC 40 MG 63		pemetrexed disodium SOLR 500 MG 23	
oxcarbazepine TABS 600 MG .....	11	PARAGARD INTRAUTERINE COPPER CONTRACEPTIVE T380A .....	35	penciclovir .....	39
oxiconazole nitrate CREA .....	38	paricalcitol SOLN .....	44	penicillamine CAPS .....	54
OXISTAT LOTN .....	38	paroxetine hcl SUSP .....	13	penicillamine TABS .....	54
oxybutynin chloride SOLN .....	63	paroxetine hcl TABS 10 MG .....	13	penicillin g potassium 5000000 UNIT 59	
oxybutynin chloride TABS 5 MG .....	63	paroxetine hcl TABS 20 MG .....	13	PENICILLIN G POTASSIUM IN ISO- OSMOTIC DEXTROSE 40000 UNIT/ML, 60000 UNIT/ML .....	59
oxybutynin chloride TB24 .....	63	paroxetine hcl TABS 30 MG .....	13	PENICILLIN G PROCAINE .....	59
oxycodone hcl T12A 10 MG, 20 MG, 40 MG, 80 MG .....	5	paroxetine hcl TABS 40 MG .....	13	penicillin g sodium .....	59
oxycodone hcl TABS .....	5	paroxetine hcl TB24 12.5 MG .....	13	penicillin v potassium SOLR .....	59
oxycodone w/ acetaminophen TABS 325 MG-10 MG, 325 MG-5 MG, 325 MG-7.5 MG .....	6	paroxetine hcl TB24 25 MG, 37.5 MG .....	13	penicillin v potassium TABS .....	59
oxymorphone hcl TABS .....	5	PASER PACK .....	22	PENTACEL .....	62
oxymorphone hcl TB12 40 MG .....	5	pazopanib hcl .....	26	pentazocine w/ naloxone hcl .....	7
oxymorphone hcl TB12 5 MG, 7.5 MG, 10 MG, 15 MG, 20 MG, 30 MG 5	5	PEDIARIX SUSY .....	62	pentoxifylline .....	47
OZEMPIC SOPN 2 MG/1.5ML .....	15	pediatric multivitamins w/fl CHEW	55	perindopril erbumine 2 MG, 8 MG	19
OZEMPIC SOPN .....	15	PEDVAX HIB SUSP .....	64	perindopril erbumine 4 MG .....	19
paclitaxel 6 MG/ML, 100 MG/16.7ML, 150 MG/25ML .....	27			PERJETA .....	24
paclitaxel protein-bound particles	27			permethrin CREA .....	41
paliperidone 1.5 MG, 3 MG, 9 MG	28			permethrin LIQD EX .....	41
paliperidone 6 MG .....	28				
palonosetron hcl SOLN .....	17				

perphenazine TABS .....	29	PHOSLYRA SOLN .....	46	plerixafor .....	48
perphenazine-amitriptyline .....	60	PHOTOFRIN .....	27	PNEUMOVAX 23 .....	64
PERSERIS PRSY .....	28	PIFELTRO .....	30	PNEUMOVAX 23/1 DOSE .....	64
PFIZER-BIONTECH COVID-19VACCINE SUSP .....	66	pilocarpine hcl (oral) .....	55	podofilox SOLN .....	41
PFIZER-BIONTECH COVID-19VACCINE/5-11Y SUSP .....	66	pilocarpine hcl SOLN 1 %, 2 %, 4 % . 57		polymyxin b sulfate SOLR .....	21
PFIZER-BIONTECH COVID-19VACCINE/5-11Y/2023-24 SUSP 66		pimecrolimus .....	41	polymyxin b-trimethoprim .....	57
PFIZER-BIONTECH COVID-19VACCINE/6MO-4Y SUSP .....	66	pimozide .....	61	POMALYST .....	25
PFIZER-BIONTECH COVID-19VACCINE/6MO-4Y/2023-24 SUSP .....	66	pindolol TABS .....	31	posaconazole SUSP .....	17
PFIZER-BIONTECH COVID-19VACCINE/ADULT RTU SUSP ..	66	pioglitazone hcl .....	16	potassium acetate SOLN 2 MEQ/ML . 53	
PHEBURANE PLLT .....	44	pioglitazone hcl-glimepiride .....	14	potassium bicarbonate TBEF .....	53
phenazopyridine hcl TABS 100 MG, 100 MG, 200 MG .....	47	pioglitazone hcl-metformin hcl TABS . 14		potassium chloride CPCR .....	53
phendimetrazine tartrate TABS .....	1	piperacillin sodium-tazobactam sodium .....	59	potassium chloride in dextrose & sodium chloride 5 %-0.075 %-0.45 %, 5 %-0.15 %-0.9 %, 5 %-10 MEQ/L-0.45 %, 5 %-20 MEQ/L-0.2 %, 5 %-20 MEQ/L-0.45 %, 5 %-20 MEQ/L-0.9 %, 5 %-30 MEQ/L-0.45 %, 5 %-40 MEQ/L-0.45 %, 5 %-40 MEQ/L-0.9 % .....	53
phenelzine sulfate .....	13	PIQRAY 200MG DAILY DOSE ...	26	potassium chloride in dextrose 5 %-20 MEQ/L .....	53
phenobarbital ELIX .....	48	PIQRAY 250MG DAILY DOSE ...	26	potassium chloride in nacl 20 MEQ/L-0.45 %, 20 MEQ/L-0.9 %, 40 MEQ/L-0.9 % .....	53
phenobarbital TABS 15 MG, 16.2 MG, 30 MG, 32.4 MG, 64.8 MG, 97.2 MG, 100 MG .....	48	PIQRAY 300MG DAILY DOSE ...	26	potassium chloride microencapsulated crystals er ....	53
phenoxybenzamine hcl .....	19	pirfenidone CAPS .....	61	potassium chloride PACK OR 20 MEQ .....	53
phentermine hcl CAPS .....	1	pirfenidone TABS 267 MG, 801 MG 61		POTASSIUM CHLORIDE SOLN IV 10 MEQ/50ML (potassium chloride) 53	
phenytoin CHEW .....	12	pirfenidone TABS 534 MG .....	61	potassium chloride SOLN IV 2 MEQ/ML, 10 MEQ/50ML, 20 MEQ/50ML .....	53
phenytoin sodium extended 100 MG, 200 MG, 300 MG .....	12	piroxicam CAPS .....	4	potassium chloride TBCR 8 MEQ, 10	
phenytoin sodium SOLN .....	12	PLASMA-LYTE A (electrolyte-a) ..	53		
phenytoin SUSP .....	12	PLASMA-LYTE-148 (electrolyte-148) .....	53		
PHEXXI .....	67	PLEGRIDY SOPN .....	60		
		PLEGRIDY SOSY SC .....	60		
		PLEGRIDY STARTER PACK SOPN . 60			
		PLEGRIDY STARTER PACK SOSY SC .....	60		

MEQ .....	53	TBDP .....	35	PRENATAL VITAMIN TABS .....	55
POTASSIUM CHLORIDE/DEXTROSE/LACTATED RINGERS .....	53	prednisolone SOLN .....	35	PRENATAL VITAMIN/IRON TABS	55
POTASSIUM CHLORIDE/SODIUM CHLORIDE 20 MEQ/L-0.45 % (potassium chloride in nacl) .....	53	prednisolone TABS .....	35	PRENATAL VITAMINS PLUS LOW IRON TABS .....	55
potassium citrate (alkalinizer) TBCR 10 MEQ, 1080 MG .....	46	prednisone SOLN .....	36	PRENATAL VITAMINS TABS 120 MG-2.6 MG-800 MCG-400 UNIT-8 MCG-1.7 MG-20 MG-28 MG-200 MG-1.8 MG-25 MG-4000 UNIT-30 UNIT .....	55
potassium phosphates 236 MG/ML- 224 MG/ML .....	53	prednisone TABS 1 MG, 5 MG ....	36	PRENATRIX TABS .....	55
PR BENZOYL PEROXIDE WASH LIQD .....	37	prednisone TABS 2.5 MG, 10 MG, 20 MG, 50 MG .....	36	PRENATRYL TABS .....	55
pralatrexate 20 MG/ML .....	23	prednisone TBPK .....	36	PREPLUS TABS .....	55
pramipexole dihydrochloride TABS 0.125 MG .....	28	pregabalin (once-daily) 330 MG ...	61	PREVNAR 13 .....	64
pramipexole dihydrochloride TABS 0.25 MG, 0.5 MG, 0.75 MG, 1 MG, 1.5 MG .....	28	pregabalin (once-daily) 82.5 MG, 165 MG .....	60	PREVNAR 20 .....	64
prasugrel hcl .....	47	pregabalin CAPS 225 MG, 300 MG 11		PREZCOBIX .....	30
pravastatin sodium .....	19	pregabalin CAPS 25 MG, 50 MG, 75 MG, 100 MG, 150 MG, 200 MG ...	11	PREZISTA SUSP .....	30
praziquantel .....	7	pregabalin SOLN .....	12	PREZISTA TABS (darunavir) .....	30
prazosin hcl CAPS .....	19	PREHEVBRIO .....	66	PREZISTA TABS 75 MG, 150 MG	30
PRECISION XTRA .....	42	PREMARIN .....	67	PRIFTIN .....	22
PRED MILD .....	58	PREMARIN SOLR .....	45	primaquine phosphate TABS .....	22
PRED-G SUSP .....	58	PREMARIN TABS .....	45	primidone 50 MG, 250 MG .....	12
prednicarbate OINT .....	40	PREMIUM CONDOMS LUBRICATED MISC .....	50	PRIORIX SUSR .....	66
prednisolone acetate (ophth) .....	58	PREMPHASE .....	45	PROAIR DIGIHALER .....	9
PREDNISOLONE SODIUM PHOSPHATE .....	58	PREMPRO .....	45	PROAIR RESPICLICK AEPB .....	9
prednisolone sodium phosphate SOLN 5 MG/5ML, 6.7 MG/5ML, 10 MG/5ML, 15 MG/5ML, 25 MG/5ML 35		PRENATAL MULTIVITAMIN TABS 55		probenecid .....	47
prednisolone sodium phosphate		PRENATAL ONE DAILY TABS ...	55	procainamide hcl SOLN 500 MG/ML . 8	
		PRENATAL PLUS TABS .....	55	prochlorperazine .....	29
		PRENATAL PLUS VITAMIN ANDMINERAL TABS .....	55	prochlorperazine maleate TABS ...	29
		PRENATAL TABS .....	55	PROCRIT 2000 UNIT/ML, 3000 UNIT/ML, 4000 UNIT/ML, 10000 UNIT/ML, 20000 UNIT/ML .....	48
		PRENATAL VITAMIN & MINERAL TABS .....	55	PROCRIT 40000 UNIT/ML .....	48



progesterone CAPS .....	59	pyridostigmine bromide TABS 60 MG .....	22	ramelteon .....	49
PROGRAF PACK .....	54	pyridostigmine bromide TBCR .....	22	ramipril CAPS .....	19
PROGRAF SOLN .....	54	pyrimethamine .....	22	ranitidine hcl TABS 150 MG .....	63
PROLASTIN-C SOLN .....	61	QC PRENATAL TABS .....	55	ranolazine TB12 1000 MG .....	7
PROLASTIN-C SOLR .....	61	QINLOCK .....	26	ranolazine TB12 500 MG .....	7
PROLEUKIN .....	27	QUADRACEL SUSP .....	62	rasagiline mesylate .....	28
PROLIA SOSY .....	43	QUADRACEL SUSY .....	62	REALITY LATEX CONDOMS/LUBRICATED MISC ..	50
promethazine hcl SOLN 6.25 MG/5ML .....	18	quetiapine fumarate TABS 25 MG, 50 MG, 100 MG, 200 MG .....	29	REALITY LATEX/ULTRA TEXTURED DEVI .....	50
promethazine hcl SUPP 12.5 MG, 25 MG .....	18	quetiapine fumarate TABS 300 MG, 400 MG .....	29	REALITY LATEX/ULTRA THIN DEVI 50	
promethazine hcl SUPP 50 MG ...	18	quetiapine fumarate TB24 300 MG, 400 MG .....	29	REBIF REBIDOSE SOAJ .....	60
promethazine hcl SYRP .....	18	quetiapine fumarate TB24 50 MG, 150 MG, 200 MG .....	29	REBIF REBIDOSE TITRATIONPACK SOAJ .....	60
promethazine hcl TABS .....	18	quinapril hcl 20 MG, 40 MG .....	19	REBIF SOSY .....	60
propafenone hcl CP12 .....	8	quinapril hcl 5 MG, 10 MG .....	19	REBIF TITRATION PACK SOSY ..	60
propafenone hcl TABS .....	8	quinapril-hydrochlorothiazide 12.5 MG-10 MG .....	20	RECOMBIVAX HB SUSP .....	66
proparacaine hcl .....	57	quinapril-hydrochlorothiazide 12.5 MG-20 MG .....	20	RECOMBIVAX HB SUSY .....	66
propranolol hcl CP24 .....	31	quinapril-hydrochlorothiazide 25 MG- 20 MG .....	20	RECTIV (nitroglycerin (intra-anal))	7
propranolol hcl SOLN OR 20 MG/5ML, 40 MG/5ML .....	31	quinidine sulfate TABS .....	8	REGRANEX .....	41
propranolol hcl TABS .....	31	quinine sulfate CAPS 324 MG .....	22	RELENZA DISKHALER .....	31
propylthiouracil .....	62	QUZYTIR SOLN IV .....	18	RELEXXII TBCR 27 MG .....	2
protriptyline hcl .....	14	QVAR REDIHALER .....	9	RELEXXII TBCR 36 MG, 54 MG ...	2
PROVISC SOSY .....	58	RA PRENATAL FORMULA/FOLICACID TABS .....	55	RELION KETONE TEST STRIPS STRP .....	42
PTS PANELS KETONE TEST ....	42	RA PRENATAL TABS .....	55	RELION TRUE METRIX BLOODGLUCOSE TEST STRIPS STRP .....	42
PULMICORT FLEXHALER AEPB ..	9	rabeprazole sodium TBEC .....	63	RENFLEXIS .....	46
PULMOZYME .....	61	raloxifene hcl .....	44	repaglinide 0.5 MG, 1 MG .....	16
PX PRENATAL MULTIVITAMINS TABS .....	55			repaglinide 2 MG .....	16
pyrazinamide .....	22				
pyridostigmine bromide SOLN OR	22				

REPATHA PUSHTRONEX SYSTEM SOCT .....	19	ritonavir TABS .....	30	SAVELLA TITRATION PACK MISC 60	
REPATHA SOSY .....	19	rivastigmine tartrate CAPS .....	60	saxagliptin hcl .....	15
REPATHA SURECLICK SOAJ .....	19	rizatriptan benzoate TABS 10 MG ..	52	saxagliptin-metformin hcl 1000 MG-2.5 MG .....	14
RETACRIT .....	48	rizatriptan benzoate TABS 5 MG ..	52	saxagliptin-metformin hcl 1000 MG-5 MG, 500 MG-5 MG .....	14
RETEVMO .....	26	rizatriptan benzoate TBDP 10 MG ..	52	scopolamine .....	17
RETROVIR IV INFUSION SOLN ..	30	rizatriptan benzoate TBDP 5 MG ..	52	SELECT INSULIN SYRINGES ..	51
REXULTI .....	29	roflumilast .....	9	SELECT LANCETS .....	51
ribavirin (hepatitis c) CAPS .....	30	romidepsin SOLR .....	26	selegiline hcl CAPS .....	28
ribavirin (hepatitis c) TABS 200 MG 31		ropinirole hydrochloride TABS .....	28	selegiline hcl TABS .....	28
RIDAURA .....	3	ropinirole hydrochloride TB24 2 MG, 4 MG, 6 MG .....	28	selenium sulfide LOTN 2.5 % .....	39
rifabutin .....	22	ropinirole hydrochloride TB24 8 MG, 12 MG .....	28	SELZENTRY SOLN .....	30
rifampin CAPS .....	22	rosuvastatin calcium TABS .....	19	SELZENTRY TABS 25 MG, 75 MG 30	
rifampin SOLR .....	22	ROTARIX SUSP .....	66	SEREVENT DISKUS .....	9
riluzole TABS .....	56	ROTARIX SUSR .....	66	sertraline hcl CONC .....	13
rimantadine hydrochloride TABS ..	31	ROTATEQ SOLN .....	66	sertraline hcl TABS 100 MG .....	13
ringer's .....	53	ROZLYTREK CAPS .....	26	sertraline hcl TABS 25 MG, 50 MG 13	
ringer's irrigation .....	54	RUBRACA .....	26	sevelamer carbonate PACK .....	46
RINVOQ .....	2	rufinamide SUSP .....	12	sevelamer carbonate TABS .....	46
risedronate sodium TABS 150 MG 43		rufinamide TABS 200 MG .....	12	SHINGRIX .....	66
risedronate sodium TABS 35 MG ..	43	rufinamide TABS 400 MG .....	12	SIGNIFOR .....	45
risedronate sodium TABS 5 MG, 30 MG .....	43	RUKOBIA .....	30	sildenafil citrate (pulmonary hypertension) SOLN .....	33
risedronate sodium TBEC .....	43	RUXIENCE .....	23	sildenafil citrate (pulmonary hypertension) SUSR .....	33
RISPERDAL CONSTA (risperidone microspheres) .....	28	RYBELSUS TABS .....	15	sildenafil citrate (pulmonary hypertension) TABS .....	33
risperidone microspheres .....	28	salsalate .....	4	sildenafil citrate .....	32
risperidone SOLN .....	28	SANDOSTATIN LAR DEPOT KIT ..	45	silodosin .....	46
risperidone TABS .....	28	SANTYL OINT .....	41		
risperidone TBDP .....	28	sapropterin dihydrochloride PACK ..	44		
		sapropterin dihydrochloride TABS ..	44		
		SAVELLA TABS .....	60		

silver sulfadiazine .....	39	magnesium sulfate .....	49	.....	42
SIMPONI ARIA SOLN .....	3	SOFOSBUVIR/VELPATASVIR TABS .....	31	spironolactone TABS .....	43
SIMULECT .....	54	.....	31	SPRAVATO 56MG DOSE .....	13
simvastatin TABS .....	19	solifenacin succinate TABS .....	63	SPRAVATO 84MG DOSE .....	13
sirolimus TABS .....	54	SOLIQUA 100/33 .....	14	SPRYCEL .....	26
SIRTURO .....	22	SOLOSEC .....	2	stannous fluoride CONC .....	54
SIVEXTRO TABS .....	21	SOLU-CORTEF 100 MG, 500 MG, 1000 MG .....	36	stavudine CAPS .....	30
SKYLA .....	35	SOLU-CORTEF 250 MG .....	36	STELARA 130 MG/26ML .....	46
SKYRIZI PEN SOAJ .....	38	SOLU-MEDROL 2 GM .....	36	STELARA SOSY 45 MG/0.5ML ...	39
SKYRIZI PSKT .....	39	SOMAVERT 10 MG, 15 MG, 20 MG . 44	44	STELARA SOSY 90 MG/ML .....	39
SKYRIZI SOCT .....	46	sorafenib tosylate .....	26	STENDRA .....	32
SKYRIZI SOSY .....	39	SORBITOL 3 % .....	46	STIMATE SOLN NA .....	44
SLYND .....	35	SORBITOL/MANNITOL IRRIGATION .....	46	STIOLTO RESPIMAT .....	9
SM PRENATAL VITAMINS TABS .	55	.....	46	STIVARGA .....	26
SODIUM ACETATE SOLN (sodium acetate) .....	52	sotalol hcl (afib/af) .....	31	streptomycin sulfate SOLR .....	2
sodium acetate SOLN .....	52	sotalol hcl TABS 240 MG .....	32	STRIBILD .....	30
sodium chloride (gu irrigant) 0.9 %	46	sotalol hcl TABS 80 MG, 120 MG, 160 MG .....	31	STRIVERDI RESPIMAT .....	9
sodium chloride (inhalant) NEBU 7 % .....	36	SOVALDI TABS 200 MG .....	31	SUBSYS LIQD 100 MCG .....	6
sodium chloride SOLN IV 0.45 %, 0.9 %, 3 %, 4 MEQ/ML, 5 % .....	53	SOVALDI TABS 400 MG .....	31	SUBSYS LIQD 200 MCG, 400 MCG, 600 MCG .....	5
sodium citrate & citric acid .....	46	SPIKEVAX COVID-19 VACCINE SUSP .....	66	SUBSYS LIQD 800 MCG, 1200 MCG, 1600 MCG .....	6
sodium fluoride CHEW 0.25 MG, 0.5 MG, 1 MG, 2.2 MG .....	53	SPIKEVAX COVID-19 VACCINE/2023-24 SUSP .....	66	sucrafate SUSP .....	63
sodium phenylbutyrate POWD .....	44	SPIKEVAX COVID-19 VACCINE/2023-24 SUSY .....	66	sucrafate TABS .....	63
sodium phenylbutyrate TABS .....	44	spinosad .....	41	sulconazole nitrate CREA .....	38
sodium polystyrene sulfonate POWD 54	54	SPIRIVA HANDIHALER CAPS (tiotropium bromide monohydrate) .	9	sulconazole nitrate SOLN .....	38
sodium polystyrene sulfonate SUSP OR 15 GM/60ML .....	54	SPIRIVA RESPIMAT AERS .....	9	sulfacetamide sodium (acne) .....	37
sodium sulfate-potassium sulfate-		spironolactone & hydrochlorothiazide		sulfacetamide sodium (ophth) SOLN .	57
				sulfacetamide sodium w/ sulfur CREA 10 %-5 % .....	37

sulfacetamide sodium w/ sulfur LIQD 10 %-5 % .....	37	SYNJARDY XR TB24 1000 MG-10 MG, 1000 MG-12.5 MG, 1000 MG-5 MG .....	15	TEFLARO .....	34
sulfacetamide sodium w/ sulfur LIQD 9 %-4.5 % .....	37	SYNJARDY XR TB24 1000 MG-25 MG .....	14	TEGRETOL SUSP (carbamazepine) .	12
sulfacetamide sodium-sulfur in urea vehicle EMUL 10 %-10 %-4 % .....	37	SYNRIBO .....	27	TEGRETOL TABS (carbamazepine) .	12
sulfacetamide sod-prednisolone SOLN .....	58	SYNTHROID TABS (levothyroxine sodium) .....	62	TEGSEDI .....	61
sulfadiazine TABS .....	61	TABLOID .....	23	telmisartan .....	19
sulfamethoxazole-trimethoprim SOLN .....	21	TABRECTA .....	26	telmisartan-amlodipine .....	20
sulfamethoxazole-trimethoprim SUSP .....	21	tacrolimus (topical) OINT .....	41	telmisartan-hydrochlorothiazide ...	20
sulfamethoxazole-trimethoprim TABS .....	21	tacrolimus CAPS .....	54	temazepam 15 MG, 30 MG .....	48
SULFAMYLON CREA .....	39	tadalafil (pulmonary hypertension) TABS .....	33	temazepam 7.5 MG, 22.5 MG .....	48
sulfasalazine TABS .....	46	tadalafil 5 MG .....	32	TEMODAR SOLR .....	23
sulfasalazine TBEC .....	46	TAFINLAR CAPS .....	26	temozolomide CAPS .....	23
sulindac TABS .....	4	TAFINLAR TBSO .....	26	temsirolimus .....	26
sumatriptan .....	52	tafluprost .....	58	TENIVAC INJ .....	62
sumatriptan succinate SOAJ .....	52	TAGRISSE 40 MG .....	24	tenofovir disoproxil fumarate TABS 30	
sumatriptan succinate SOCT .....	52	TAGRISSE 80 MG .....	24	terazosin hcl .....	19
sumatriptan succinate SOLN 6 MG/0.5ML .....	52	TAKHZYRO SOLN .....	47	terbinafine hcl TABS .....	17
sumatriptan succinate TABS .....	52	TAKHZYRO SOSY .....	47	terbutaline sulfate SOLN .....	9
sumatriptan-naproxen sodium ....	52	TALZENNA 0.25 MG, 0.5 MG, 0.75 MG, 1 MG .....	26	terbutaline sulfate TABS .....	9
sunitinib malate 12.5 MG, 25 MG, 50 MG .....	26	tamoxifen citrate TABS .....	24	terconazole vaginal CREA .....	66
SUNOSI 150 MG .....	1	tamsulosin hcl .....	47	terconazole vaginal SUPP .....	66
SUNOSI 75 MG .....	1	TASIGNA 150 MG, 200 MG .....	26	teriflunomide .....	60
SYNAREL .....	44	TASIGNA 50 MG .....	26	teriparatide (recombinant) SOPN ..	43
SYNERA PTCH .....	41	tavorole .....	38	TERIPARATIDE SOPN .....	43
SYNJARDY TABS .....	15	tazarotene CREA .....	39	TESTOSTERONE CYPIONATE SOLN IJ 200 MG/ML .....	7
		TAZVERIK .....	26	testosterone cypionate SOLN IM ...	7
		TDVAX SUSP .....	62	testosterone enanthate SOLN IM ...	7
				TETANUS/DIPHThERIA TOXOIDS- ADSORBED ADULT SUSP .....	62

tetrabenazine .....	60	tobramycin sulfate SOLN IJ 10 MG/ML, 40 MG/ML, 80 MG/2ML ....	20
tetracycline hcl CAPS .....	62	tobramycin-dexamethasone SUSP 58	48
THALOMID .....	54	TODAY SPONGE MISC .....	66
theophylline ELIX .....	10	tolcapone .....	27
theophylline SOLN .....	10	tolmetin sodium CAPS .....	4
theophylline TB12 .....	10	tolmetin sodium TABS 600 MG .....	4
theophylline TB24 .....	10	TOLSURA CAPS .....	17
THERANATAL CORE NUTRITION TABs .....	55	tolterodine tartrate CP24 .....	63
THIOLA EC TBEC 100 MG .....	47	tolterodine tartrate TABS .....	63
THIOLA EC TBEC 300 MG .....	47	tolvaptan TABS .....	45
thioridazine hcl .....	29	topiramate CPSP 15 MG .....	12
thiotepa 15 MG .....	23	topiramate CPSP 25 MG .....	12
thiothixene .....	29	topiramate CS24 .....	12
THYMOGLOBULIN .....	54	topiramate TABS 200 MG .....	12
THYROGEN 0.9 MG .....	41	topiramate TABS 25 MG, 100 MG ..	12
tiagabine hcl .....	12	topiramate TABS 50 MG .....	12
TIBSOVO .....	26	topotecan hcl SOLN .....	27
tigecycline .....	61	topotecan hcl SOLR .....	27
timolol maleate (ophth) SOLG .....	57	toremifene citrate .....	24
timolol maleate (ophth) SOLN .....	57	torsemide TABS .....	43
timolol maleate TABS .....	32	TRACLEER TBSO .....	33
tiopronin TBEC 100 MG .....	47	tramadol hcl TABS 50 MG .....	6
tiopronin TBEC 300 MG .....	47	tramadol hcl TB24 .....	6
tiotropium bromide monohydrate CAPS .....	9	tramadol-acetaminophen .....	6
TIVICAY TABS .....	30	trandolapril 1 MG, 2 MG .....	19
tizanidine hcl CAPS .....	56	trandolapril 4 MG .....	19
tizanidine hcl TABS .....	56	trandolapril-verapamil hcl 180 MG-2 MG, 240 MG-1 MG .....	20
tobramycin (ophth) SOLN .....	57	trandolapril-verapamil hcl 240 MG-2	
tobramycin NEBU .....	2	tranylcypromine sulfate .....	13
		travoprost SOLN .....	58
		TRAZIMERA .....	24
		trazodone hcl TABS .....	13
		TRECATOR .....	22
		TRELEGY ELLIPTA .....	9
		TRELSTAR MIXJECT .....	24
		TREMFYA SOPN .....	39
		TREMFYA SOSY .....	39
		treprostinil SOLN IJ .....	32
		tretinoin (chemotherapy) .....	27
		tretinoin CREA 0.025 %, 0.05 %, 0.1 % .....	37
		tretinoin GEL 0.01 %, 0.025 % ....	37
		tretinoin microsphere 0.1 % .....	37
		TREXALL TABS 5 MG, 7.5 MG, 10 MG, 15 MG .....	23
		triamcinolone acetonide (mouth) ..	54
		triamcinolone acetonide (nasal) AERO .....	56
		triamcinolone acetonide (topical) CREA 0.025 % .....	40
		triamcinolone acetonide (topical) CREA 0.1 % .....	40
		triamcinolone acetonide (topical) CREA 0.5 % .....	40
		triamcinolone acetonide (topical) LOTN 0.025 % .....	41
		triamcinolone acetonide (topical)	

LOTN 0.1 %	41	tropicamide SOLN 0.5 %	57	51
triamcinolone acetonide (topical) OINT 0.025 %, 0.1 %	41	tropicamide SOLN 1 %	57	TRUSTEX/RIA LUBRICATED SPERMICIDE MISC
triamcinolone acetonide (topical) OINT 0.5 %	41	trospium chloride CP24	63	51
triamcinolone acetonide SUSP 40 MG/ML, 200 MG/5ML, 400 MG/10ML	36	trospium chloride TABS	63	TRUSTEX/RIA LUBRICATED/SPERMICIDE MISC
triamcinolone acetonide-dimethicone- silicone	41	TRUE METRIX BLOOD GLUCOSETEST STRIPS STRP	42	51
triamterene & hydrochlorothiazide CAPS 25 MG-37.5 MG	43	TRUE METRIX CONTROL SOLUTION LEVEL 3 SOLN	51	TRUXIMA
triamterene & hydrochlorothiazide TABS	43	TRUETRACK TEST STRP	42	23
triamterene CAPS	43	TRULICITY	15	TUKYSA
triazolam	48	TRUMENBA	64	26
TRICARE TABS	56	TRUSTEX COLOR CONDOMS + LUBE MISC	50	TUZISTRA XR
trientine hcl 250 MG	54	TRUSTEX LUBRICATED EXTRALARGE MISC	50	36
trifluoperazine hcl TABS	29	TRUSTEX LUBRICATED EXTRASTRENGTH MISC	50	TWINRIX SUSY
trifluridine	57	TRUSTEX LUBRICATED MISC	51	66
trihexyphenidyl hcl SOLN	27	TRUSTEX LUBRICATED/RIBBED/STUDDED MISC	50	TWIRLA
trihexyphenidyl hcl TABS	27	TRUSTEX LUBRICATED/SPERMICIDE EXTRA LARGE MISC	50	35
TRIJARDY XR 1000 MG-2.5 MG- 12.5 MG, 1000 MG-2.5 MG-5 MG	15	TRUSTEX LUBRICATED/SPERMICIDE EXTRA STRENGTH MISC	50	TYBLUME CHEW
TRIJARDY XR 1000 MG-5 MG-10 MG, 1000 MG-5 MG-25 MG	15	TRUSTEX LUBRICATED/SPERMICIDE MISC	50	TYBOST
TRIKAFTA TBPK 100 MG-50 MG	61	TRUSTEX LUBRICATED/SPERMICIDE MISC	50	30
trimethobenzamide hcl CAPS	17	TRUSTEX NATURAL CONDOMS +LUBE/LUBRICATED MISC	51	TYMLOS
trimethoprim TABS	20	TRUSTEX WITH NONOXYNOL- 9/RIBBED/STUDDED MISC	51	43
trimipramine maleate CAPS	14	TRUSTEX/RIA LUBRICATED MISC		TYVASO REFILL SOLN IN
TRINTELLIX	13			33
TRIUMEQ TABS	30			TYVASO SOLN IN
TRIZIVIR	30			33
				TYVASO STARTER SOLN IN
				33
				UBRELVY
				51
				UCERIS (budesonide (intrarectal))
				.7
				UDENYCA ONBODY SOSY
				48
				UDENYCA SOAJ
				48
				UDENYCA SOSY
				48
				UPTRAVI TABS 200 MCG
				33
				UPTRAVI TABS 400 MCG, 600 MCG, 800 MCG, 1000 MCG, 1200 MCG, 1400 MCG, 1600 MCG
				33
				UPTRAVI TITRATION PACK TBPK
				33
				ursodiol CAPS
				45
				ursodiol TABS
				45
				UVADEX
				27

valacyclovir hcl 1 GM, 1000 MG ...31	venlafaxine hcl TB24 150 MG ..... 14	voriconazole TABS .....17
valacyclovir hcl 500 MG .....31	venlafaxine hcl TB24 37.5 MG, 75 MG, 225 MG ..... 14	VOTRIENT (pazopanib hcl) .....26
valganciclovir hcl TABS .....30	verapamil hcl CP24 100 MG, 200 MG, 300 MG ..... 32	VYNDAMAX .....33
valproate sodium SOLN OR 250 MG/5ML .....12	verapamil hcl CP24 120 MG, 180 MG, 240 MG, 360 MG ..... 32	VYNDAQEL ..... 33
valproic acid CAPS ..... 12	verapamil hcl SOLN 2.5 MG/ML ...32	VYVANSE CAPS .....1
valrubicin .....25	verapamil hcl TABS .....32	warfarin sodium TABS ..... 10
valsartan TABS ..... 19	verapamil hcl TBCR .....32	water for irrigation, sterile ..... 54
valsartan-hydrochlorothiazide .....20	VEREGEN .....37	WESTAB PLUS TABS .....56
VALTOCO 10 MG DOSE LIQD ....11	VERZENIO .....26	WIDE-SEAL SILICONE DIAPHRAGM KIT 60 .....51
VALTOCO 15 MG DOSE LQPK ...11	VICTOZA ..... 15	WIDE-SEAL SILICONE DIAPHRAGM KIT 65 .....51
VALTOCO 20 MG DOSE LQPK ...11	vigabatrin PACK ..... 12	WIDE-SEAL SILICONE DIAPHRAGM KIT 70 .....51
VALTOCO 5 MG DOSE LIQD ..... 11	vigabatrin TABS .....12	WIDE-SEAL SILICONE DIAPHRAGM KIT 75 .....51
vancomycin hcl CAPS .....21	VIIBRYD STARTER PACK KIT ....13	WIDE-SEAL SILICONE DIAPHRAGM KIT 80 .....51
vancomycin hcl SOLR IV 1 GM, 10 GM, 500 MG, 1000 MG .....21	vilazodone hcl TABS .....13	WIDE-SEAL SILICONE DIAPHRAGM KIT 85 .....51
vancomycin hcl SOLR OR 25 MG/ML, 50 MG/ML, 250 MG/5ML .21	vincristine sulfate .....27	WIDE-SEAL SILICONE DIAPHRAGM KIT 90 .....51
VAQTA ..... 66	vinorelbine tartrate 10 MG/ML .....27	WIDE-SEAL SILICONE DIAPHRAGM KIT 95 .....51
varenicline tartrate TABS ..... 61	VIRACEPT TABS 250 MG .....30	XALKORI CAPS ..... 26
varenicline tartrate TBPK ..... 61	VIRACEPT TABS 625 MG .....30	XARELTO STARTER PACK TBPK 10
VARIVAX INJ ..... 66	VIREAD POWD .....30	XARELTO SUSR .....10
VARUBI TBPK ..... 17	VIREAD TABS 150 MG, 200 MG, 250 MG .....30	XARELTO TABS 10 MG, 20 MG .. 10
VAXNEUVANCE ..... 64	VISTOGARD ..... 16	XARELTO TABS 2.5 MG, 15 MG ..10
VECAMYL .....20	VITAMIN D2 TABS 400 UNIT .....67	XELJANZ SOLN .....2
VECTIBIX 100 MG/5ML ..... 24	VITATHELY/GINGER TABS .....56	XELJANZ TABS 10 MG .....2
VELPHORO .....46	VITRAKVI CAPS .....26	XELJANZ TABS 5 MG ..... 2
venlafaxine hcl CP24 150 MG ..... 14	VITRAKVI SOLN .....26	
venlafaxine hcl CP24 37.5 MG ..... 14	VIZIMPRO .....24	
venlafaxine hcl CP24 75 MG ..... 14	VORAXAZE .....27	
venlafaxine hcl TABS ..... 14		

XELJANZ XR TB24 .....	2	ZANOSAR .....	23	zolmitriptan TBDP .....	52
XEOMIN .....	56	ZARONTIN CAPS (ethosuximide) .	12	zolpidem tartrate TABS .....	49
XERAIVA .....	61	ZARXIO .....	48	zolpidem tartrate TBCR .....	49
XGEVA SOLN .....	43	ZEJULA CAPS .....	26	zonisamide CAPS .....	12
XHANCE EXHU .....	56	ZEJULA TABS 100 MG .....	26	ZONTIVITY .....	47
XIFAXAN 200 MG .....	21	ZEJULA TABS 200 MG, 300 MG .	26	ZORBTIVE SC .....	44
XIFAXAN 550 MG .....	21	ZELBORAF .....	26	ZYDELIG .....	26
XIGDUO XR 1000 MG-10 MG, 500 MG-10 MG, 500 MG-5 MG .....	15	ZENPEP CPEP 105000 UNIT-79000 UNIT-25000 UNIT, 14000 UNIT- 10000 UNIT-3000 UNIT, 168000 UNIT-126000 UNIT-40000 UNIT, 24000 UNIT-17000 UNIT-5000 UNIT, 42000 UNIT-32000 UNIT-10000 UNIT, 63000 UNIT-47000 UNIT- 15000 UNIT, 84000 UNIT-63000 UNIT-20000 UNIT .....	42	ZYLET .....	58
XIGDUO XR 1000 MG-2.5 MG, 1000 MG-5 MG .....	15	ZENPEP CPEP 252600 UNIT- 189600 UNIT-60000 UNIT .....	42		
XOLAIR SOLR .....	8	zidovudine CAPS .....	30		
XOLAIR SOSY 150 MG/ML .....	8	zidovudine SYRP .....	30		
XOLAIR SOSY 75 MG/0.5ML .....	8	zidovudine TABS .....	30		
XOSPATA .....	26	ZIEXTENZO .....	48		
XPOVIO .....	25	zileuton TB12 .....	9		
XPOVIO 60 MG TWICE WEEKLY 25		ziprasidone hcl .....	28		
XPOVIO 80 MG TWICE WEEKLY 25		ZIRABEV .....	23		
XTAMPZA ER .....	6	ZIRGAN GEL .....	57		
XTANDI CAPS .....	24	ZOLADEX 10.8 MG .....	24		
XTANDI TABS 40 MG .....	24	ZOLADEX 3.6 MG .....	24		
XTANDI TABS 80 MG .....	24	zoledronic acid CONC .....	43		
XULTOPHY 100/3.6 .....	15	zoledronic acid SOLN .....	43		
YERVOY .....	23	ZOLINZA .....	26		
YONSA .....	24	zolmitriptan SOLN .....	52		
zafirlukast .....	9	zolmitriptan TABS .....	52		
zaleplon 10 MG .....	49				
zaleplon 5 MG .....	48				
ZALTRAP 100 MG/4ML .....	23				



